

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

TỔNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100102012 do Sở kế hoạch đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/04/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 03/07/2019)



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số:/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày ... tháng. năm 2019)

**BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI
TỔNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Trụ sở chính: Số 127 Lò Đúc, phường Đồng Mác, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84.24) 36410799 Fax: (84.24) 36410800

Web: www.vinafor.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Trụ sở chính: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84.24) 3818 1888 Fax: (84.24) 3818 1688

Web: www.shs.com.vn

CN TP.HCM: Tầng 1-3, Tòa nhà Artex Sài Gòn, Số 236 – 238 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84.28) 3915 1368 Fax: (84.28) 3915 1369

CN Đà Nẵng: Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2, Số 03 Lê Đình Lý, P.Vĩnh Trung Q.Thanh Khê, Đà Nẵng

Điện thoại: (84.236) 3525 777 Fax: (84.236) 3525 779

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

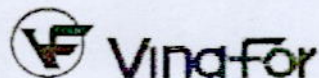
Họ và tên: Lê Quốc Khánh

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Điện thoại: (84.24) 3641 0799

TỔNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100102012 do Sở kế hoạch đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/04/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 03/07/2019)



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu	: VIF
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết	: 350.000.000 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết theo mệnh giá	: 3.500.000.000.000 đồng (Ba nghìn năm trăm tỷ đồng)

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

Trụ sở chính: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84.24) 3818 1888 **Fax:** (84.24) 3818 1688

Web: www.shs.com.vn

CN TP.HCM: Tầng 1-3, Tòa nhà Artex Sài Gòn, Số 236 – 238 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84.28) 3915 1368 **Fax:** (84.28) 3915 1369

CN Đà Nẵng: Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2, Số 03 Lê Đình Lý, P.Vĩnh Trung Q.Thanh Khê, Đà Nẵng

Điện thoại: (84.236) 3525 777 **Fax:** (84.236) 3525 779

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Trụ sở chính: Số 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84.24) 6288 3568 **Fax:** (84.24) 6288 5678 **Web:** www.deloitte.com.vn

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN	5
1. Rủi ro về kinh tế	5
2. Rủi ro về luật pháp.....	9
3. Rủi ro đặc thù	9
4. Rủi ro biến động giá chứng khoán.....	10
5. Rủi ro khác	10
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	11
1. Tổ chức niêm yết	11
2. Tổ chức tư vấn.....	11
III. CÁC KHÁI NIỆM	12
1. Từ ngữ:.....	12
2. Các chữ viết tắt:.....	14
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	15
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	15
2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Tổng công ty.....	19
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Tổng Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/10/2019	25
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết.....	26
5. Hoạt động kinh doanh.....	37
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	54
7. Vị thế của Tổng công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	59
8. Chính sách đối với người lao động.....	66
9. Chính sách cổ tức.....	68
10. Tình hình hoạt động tài chính.....	68
11. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	87

12. Tài sản.....	110
13. Đất đai đang quản lý và sử dụng	113
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo	117
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	124
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết	125
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết.....	125
V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT	132
1. Loại chứng khoán	132
2. Mệnh giá.....	132
3. Tổng số cổ phiếu niêm yết	132
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành	132
5. Phương pháp tính giá	134
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	135
7. Các loại thuế có liên quan	136
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	138
1. Tổ chức tư vấn niêm yết.....	138
2. Tổ chức kiểm toán	138
VII. PHỤ LỤC.....	138

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN

Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần hoạt động trong lĩnh vực chính là trồng rừng, chăm sóc, bảo vệ, khai thác và chế biến gỗ rừng trồng. Với đặc thù hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực trên, Tổng Công ty có thể đối mặt với những rủi ro dưới đây, những rủi ro và khả năng không chắc chắn khác mà Tổng Công ty chưa đề cập, hoặc đánh giá là không đáng kể, có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Tổng Công ty, qua đó ảnh hưởng đến giá cổ phiếu của Tổng công ty sau niêm yết.

1. Rủi ro về kinh tế

1.1. Tăng trưởng kinh tế

Thực trạng và xu hướng phát triển của nền kinh tế trong nước luôn ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp. Khi nền kinh tế ở giai đoạn tăng trưởng cao sẽ tạo nhiều cơ hội cho doanh nghiệp phát triển. Ngược lại, khi nền kinh tế sa sút, suy thoái sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực cho các doanh nghiệp.

Báo cáo Tổng quan thị trường tài chính năm 2018 của Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia cho biết, tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2018 đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất 10 năm nhờ vào động lực chính là ngành công nghiệp chế biến chế tạo và ngành dịch vụ, nông, lâm thủy sản tăng trưởng tốt.

Cũng theo Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia, năm 2018, kinh tế Việt Nam tăng 7,08%, đạt mức tăng cao nhất kể từ năm 2011. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến chế tạo đóng góp khoảng 2,5 điểm% vào tăng trưởng; ngành dịch vụ đóng góp khoảng 2,75% vào tăng trưởng. Tổng cầu của nền kinh tế duy trì mức tăng khá, xuất khẩu và tiêu dùng tăng cao hơn cùng kỳ.

Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia cũng thông tin, cán cân thanh toán tổng thể thặng dư trong nước đã ở mức cao nhờ cán cân thương mại xuất siêu ở mức cao hơn năm 2017. Cán cân tài chính tiếp tục thặng dư nhờ giải ngân FDI tiếp tục đạt khá, dòng vốn đầu tư gián tiếp đạt xấp xỉ 2 tỷ USD, kiều hối tăng trưởng trên 10%...

Cân đối Ngân sách Nhà nước đảm bảo tiến độ do thu Ngân sách Nhà nước đạt khá trong khi chi được kiểm soát, cơ cấu thu – chi cải thiện tích cực, nợ công/GDP có xu hướng giảm dần trong các năm gần đây.

Đưa ra những triển vọng kinh tế Việt Nam 2019, Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia cho biết, thành phần xu thế đã liên tục cải thiện trong những năm qua và được dự báo tiếp tục trong năm 2019. Ngoài ra, kinh tế Việt Nam có thể được hỗ trợ bởi các yếu tố quốc tế như hưởng lợi từ xu hướng dịch chuyển sản xuất, do tác động của chiến tranh thương mại (Cuộc chiến thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc với gói đánh thuế mới đây

của Mỹ lên đến 200 tỉ USD, trong đó mặt hàng đồ gỗ phải chịu thuế 10%, mang đến nhiều cơ hội nhưng cũng lắm thách thức cho ngành chế biến gỗ xuất khẩu Việt Nam) và triển vọng từ các hiệp định mới như CPTPP cũng như các các FTAs khác.

“Tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2019 có khả năng đạt 7%”, Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia dự báo.

Xét trên góc độ tích cực, Việt Nam vẫn là điểm đến hấp dẫn cho các dòng vốn đầu tư nên khi hoạch định chiến lược phát triển cũng như niêm yết cổ phiếu, Tổng Công ty thực hiện một cách thận trọng trên cơ sở hạn chế tối đa những tác động tiêu cực đồng thời tận dụng lợi ích từ các chính sách ban hành, nhằm đảm bảo tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận.

1.2. Lạm phát

Với nỗ lực từ phía Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, cung tiền được điều tiết hợp lý, mặt bằng giá cả ổn định hơn đã kìm hãm được mức tăng của chỉ số CPI. Điều này được thể hiện khá rõ qua các báo cáo của Tổng cục thống kê về tình hình kinh tế xã hội Việt Nam Chi số giá tiêu dùng (CPI) của 2016 tăng 4,74%, bình quân mỗi tháng năm 2016 tăng 0,4%. CPI bình quân năm 2016 tăng 2,66% so với bình quân năm 2015. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2016 tăng 6,21% so với năm 2015, trong đó quý I tăng 5,48%; quý II tăng 5,78%; quý III tăng 6,56%; quý IV tăng 6,68%. Năm 2016, Lạm phát cơ bản bình quân năm 2016 tăng 1,83% so với bình quân năm 2015.

Lạm phát trong năm 2017 được kiểm soát và nằm trong giới hạn mục tiêu 5% mà Quốc hội đề ra, CPI bình quân năm 2017 chỉ tăng 3,53% so với bình quân năm 2016. Lạm phát trong giai đoạn này chủ yếu tăng do biến động tăng giá của giá nguyên nhiên, vật liệu, lương thực thực phẩm, dịch vụ y tế, tăng giá học phí và điều chỉnh tăng tiền lương tối thiểu vùng và lương cơ sở.

CPI bình quân năm 2018 tăng 3,54% so với bình quân năm 2017, CPI bình quân 6 tháng đầu năm 2019 tăng 2,64% so với bình quân cùng kỳ năm 2018.

Lạm phát là yếu tố vĩ mô tác động đến mọi chủ thể trong nền kinh tế, ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng. Lạm phát tăng cao hoặc siêu lạm phát sẽ khiến giá nguyên vật liệu đầu vào và đầu ra biến động không ngừng, gây ra sự mất ổn định của quá trình sản xuất và ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh cũng như tình hình tài chính của các doanh nghiệp. Ý thức được vấn đề này, Tổng Công ty luôn chủ động sớm kế hoạch sản xuất để có thể và kiểm soát được giá cả đầu vào.

1.3. Tỷ giá hối đoái

Khi xuất hiện các khoản thanh toán với các đối tác nước ngoài, doanh nghiệp phải chuyển đổi từ VND sang ngoại tệ và ngược lại. Doanh nghiệp xuất khẩu sẽ gặp rủi ro nếu ngoại tệ nhận về giảm giá so với VND và doanh nghiệp nhập khẩu bị thiệt hại nếu ngoại tệ họ cần mua để thanh toán tăng giá so với VND.

Năm 2017, tỷ giá được coi là ổn định khi gần như chỉ đi ngang trong 2 quý cuối năm và chỉ số giá đô la Mỹ bình quân năm 2017 tăng 1,40% so với năm 2016.

Quý I năm 2018, tiếp tục có tỷ giá ổn định khi nguồn cung ngoại tệ dồi dào đặc biệt từ các dòng vốn đầu tư trực tiếp và gián tiếp bởi có rất nhiều cơ hội đầu tư từ thoái vốn, cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước... Tuy nhiên, sang đến cuối quý II/2018, tỷ giá hối đoái có biểu hiện giá tăng đáng kể và diễn biến phức tạp.

Kể từ đầu Quý II/2018, thị trường tài chính quốc tế chứng kiến những diễn biến phức tạp: xung đột thương mại Hoa Kỳ - Trung Quốc liên tục leo thang; và các nền kinh tế phát triển tiếp tục theo đuổi chính sách tiền tệ thắt chặt của mình (diễn hình là Hoa Kỳ). Những động thái này đã có ảnh hưởng tiêu cực đến tỷ giá hối đoái tại các thị trường mới nổi. Năm 2018, chỉ số MSCI Emerging Currency Index đã giảm 5,19% trong đó, một số đồng tiền trong khu vực châu Á đã giảm giá khá mạnh so với USD: Rupee Ấn Độ (-13,87%); Rupia Indonesia (-9,89%); Peso Philippines (-8,78%) và CNY Trung Quốc (-5,57%).

Tại Việt Nam, NHNN chỉ tăng nhẹ tỉ giá VND/USD trong nửa cuối 2018 nhằm cân đối hai mục tiêu là ổn định vĩ mô và hỗ trợ xuất khẩu. Chỉ số giá đô la Mỹ bình quân năm 2018 tăng 1,29% so với năm 2017.

Tỷ giá hối đoái ổn định trong 2 tháng đầu năm 2019, với tỷ giá trung tâm tăng 0.39% so với thời điểm cuối năm 2018, những ngày qua, xung đột thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc đã giúp USD liên tục tăng, trong khi nhân dân tệ (CNY) mất giá khoảng 2%, từ đó gây sức ép lên tỷ giá đồng Việt Nam. Trong bối cảnh đó, NHNN vẫn kiên định với chính sách duy trì sự ổn định của tỷ giá trong năm nay với mức tăng khoảng 1 - 2% để tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp.

Hoạt động nhập khẩu nguyên liệu gỗ và xuất khẩu thành phẩm từ gỗ của Tổng công ty có sử dụng ngoại tệ. Việc biến động tỷ giá sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới doanh thu và chi phí của Tổng công ty. Do vậy, để hạn chế những ảnh hưởng do sự biến động tỷ giá đến tình hình kinh doanh, Tổng Công ty sẽ bám sát biến động tỷ giá khi ký kết, tham gia vào các hợp đồng có sử dụng ngoại tệ trong thời gian tới.

1.4. Lãi suất

Hầu hết các doanh nghiệp đều sử dụng vốn vay từ ngân hàng để bổ sung cho hoạt động kinh doanh của mình. Lãi suất cho vay có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Nếu lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại tăng, chi phí tài chính của doanh nghiệp sẽ tăng khiến lợi nhuận giảm và kéo theo đó là khả năng cạnh tranh sẽ giảm. Khi đó, các doanh nghiệp sẽ có xu hướng thu hẹp quy mô hoạt động. Ngược lại, nếu lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại giảm, chi phí tài chính của doanh nghiệp sẽ giảm, lợi nhuận tăng và điều này cũng là một trong những động lực để các doanh nghiệp ra quyết định đầu tư mở rộng, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, kích thích tăng trưởng kinh tế vĩ mô.

Năm 2017, lãi suất có xu hướng tăng nhẹ nhưng về cơ bản vẫn được duy trì ở mức thấp, có tác động tích cực và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, đặc biệt những doanh nghiệp sản xuất cần nguồn vốn lớn. Lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam phổ biến ở mức 0,8%-1%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng (không tăng so với năm 2016); với tiền gửi kỳ hạn trên 12 tháng ở mức 6,5%-7,3%/năm (tăng 0,1% so với mức 6,4%-7,2%/năm của năm 2016).

Trong khi đó, mặt bằng lãi suất cho vay phổ biến của các lĩnh vực ưu tiên ở mức 6%-6,5%/năm đối với ngắn hạn, 9%-10%/năm đối với trung và dài hạn. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6,8%-9%/năm đối với ngắn hạn; 9,3%-11%/năm đối với trung và dài hạn. Trong năm 2018, tín dụng bất động sản có xu hướng bị siết lại, các ngân hàng kiểm soát chặt chẽ hơn khi giải ngân cho lĩnh vực bất động sản, vốn là các khoản vay có thời gian rất dài; lãi suất cho vay tăng lên đồng thời ngân hàng đưa ra các điều kiện cho vay khắt khe hơn trước. Lãi suất cho vay đồng Việt Nam phổ biến khoảng 6%-9%/năm đối với ngắn hạn và 9%-11%/năm đối với trung và dài hạn. Tính đến thời điểm 18/6/2019 Ngân hàng Nhà nước đã điều hành lãi suất phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô và thị trường tiền tệ; các tổ chức tín dụng áp dụng lãi suất cho vay hợp lý trên cơ sở lãi suất huy động và mức độ rủi ro của khoản vay, đảm bảo an toàn tài chính. Mặt bằng lãi suất huy động và cho vay về cơ bản ổn định, lãi suất cho vay ngắn hạn phổ biến ở mức 6-9%/năm; 9-11% đối với trung và dài hạn. Đối với khách hàng có tình hình tài chính lành mạnh, mức tín nhiệm cao, lãi suất cho vay ngắn hạn ở mức 4-5%/năm

Ngoài ra, việc phải giảm tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay dài hạn đã dẫn đến cuộc đua tăng lãi suất của các ngân hàng vào nửa cuối năm nhằm bổ sung nguồn vốn dài hạn. Cùng với đó, các ngân hàng cũng tìm đến phương án khác là huy động vốn từ phát hành trái phiếu để bổ sung nguồn vốn nhanh chóng.

Để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Tổng Công ty có sử dụng nguồn vốn vay từ ngân hàng. Vì vậy bất kỳ sự thay đổi nào của Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng

thương mại về chính sách tiền tệ, lãi suất cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Yếu tố lãi suất ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch kinh doanh cũng như tác động mạnh đến doanh thu và chi phí hoạt động tài chính. Việc trần lãi suất liên tục được điều chỉnh giảm được xem như một tiền đề thuận lợi cho hoạt động sản xuất và kinh doanh của Tổng Công ty. Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo Tổng Công ty vẫn luôn chú trọng quản trị rủi ro lãi suất và chủ động hạn chế rủi ro này ở mức thấp nhất.

2. Rủi ro về luật pháp

Mọi hoạt động của Tổng Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật quản lý thuế, Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (bao gồm cả Thuế thu nhập về chuyển quyền sử dụng đất) và Luật Thuế Giá trị gia tăng. Bên cạnh đó là các Luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực trồng rừng, chăm sóc rừng... gồm: Luật Lâm nghiệp, Luật Bảo vệ và phát triển rừng, Luật Đầu thầu, Luật Đầu tư, Luật Đất đai, ... Hệ thống pháp luật của Việt Nam vẫn còn những hạn chế nhất định.

Các Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành còn tồn tại nhiều mâu thuẫn, chồng chéo và đang trong quá trình hoàn thiện. Do đó, khi có sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật đó, cũng như những thay đổi trong các thủ tục hành chính có liên quan thì hoạt động kinh doanh và giao dịch cổ phiếu của Tổng Công ty sẽ bị tác động trực tiếp. Tuy nhiên, với xu hướng phát triển chung của nền kinh tế và mong muốn hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hướng làm cho các thủ tục thông thoáng hơn, hoạt động minh bạch hơn thì các ảnh hưởng (nếu có) đối với hoạt động của Tổng công ty và việc giao dịch cổ phiếu trên thị trường chứng khoán sẽ không phải là những rủi ro đáng lo ngại.

Để hạn chế tối đa rủi ro về pháp luật, Tổng công ty luôn chú trọng cập nhật hệ thống pháp luật; nghiên cứu, phân tích và dự báo về sự thay đổi của pháp luật; đồng thời triển khai tập huấn, phổ biến kiến thức pháp luật cho cán bộ công nhân viên Tổng công ty. Ngoài ra, Tổng công ty còn tham khảo và sử dụng dịch vụ tư vấn đối với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Tổng công ty.

3. Rủi ro đặc thù

Tổng công ty là đơn vị kinh doanh trong lĩnh vực đặc biệt, với đặc thù sản xuất lâm nghiệp (trồng, chăm sóc, bảo vệ, khai thác và chế biến gỗ rừng trồng) gắn liền với đất đai, phụ thuộc vào thời tiết, thổ nhưỡng; hoạt động sản xuất diễn ra trên nhiều vùng của cả nước, chủ yếu tại miền núi, vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn; dân cư địa phương phần lớn là đồng bào dân tộc thiểu số, trình độ văn hóa, dân trí thấp.

Do vậy, những ảnh hưởng của thiên tai do biến đổi khí hậu (hạn hán, cháy rừng, bão lụt...) hay ý thức chủ quan của con người (tranh chấp, lấn chiếm đất đai, phá rừng, suy thoái rừng, ô nhiễm môi trường) sẽ có tác động xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh

của Tổng công ty.

Theo số liệu thống kê, thời gian qua, thời tiết nắng nóng ở nhiều nơi, ảnh hưởng đến hoạt động bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng. Tính chung 9 tháng năm 2019, diện tích rừng bị thiệt hại là 3.059,7 ha, gấp 3,2 lần cùng kỳ năm trước, trong đó diện tích rừng bị cháy là 2.641,7 ha, gấp gần 5 lần; diện tích rừng bị chặt, phá là 418 ha, giảm 2,5%.

4. Rủi ro biến động giá chứng khoán

Khi cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết, giá cổ phiếu của Tổng Công ty sẽ không chỉ phụ thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty mà còn phụ thuộc vào những biến động trên thị trường chứng khoán, biến động trên thị trường kinh tế, thị trường lâm sản, những thay đổi trong chính sách điều hành của các cơ quan quản lý cấp trên như Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài Chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các Sở giao dịch... Các yếu tố ngoài doanh nghiệp như quan hệ cung cầu trên thị trường vốn chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố vĩ mô của nền kinh tế trong nước và thế giới; các yếu tố vi mô liên quan đến doanh nghiệp và tâm lý của nhà đầu tư sẽ có tác động đến giá cổ phiếu của Tổng Công ty... Trong trường hợp giá cổ phiếu của các công ty niêm yết nói chung và cổ phiếu của Tổng Công ty nói riêng giảm giá hoặc khối lượng giao dịch ít sẽ gián tiếp ảnh hưởng đến hoạt động huy động vốn của Tổng Công ty.

5. Rủi ro khác

Các rủi ro khác nằm ngoài khả năng dự đoán và vượt quá khả năng phòng chống của con người như thiên tai, hỏa hoạn, dịch họa, v.v... là những rủi ro bất khả kháng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Tổng Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

TỔNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Ông Phí Mạnh Cường : Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Lê Quốc Khánh : Tổng Giám đốc

Ông Mai Quý Quảng : Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Mạnh Hùng : Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI (SHS)

Bà Trần Thị Thu Thanh : Phó Tổng Giám đốc

(Theo giấy ủy quyền số 28/2019/UQ-TGD ngày 25/10/2019 của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn đăng ký niêm yết cổ phiếu với Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong bản cáo bạch này, những từ ngữ và các từ viết tắt dưới đây có nghĩa diễn giải như sau:

1. Từ ngữ:

“**Tổng Công ty**”/“**Vinafor**”: Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100102012 do Sở kế hoạch đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/04/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 03/07/2019.

“**Bản cáo bạch**”: Bản công bố thông tin của Tổng Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.

“**Điều lệ**”: Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần đã được Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty thông qua.

“**Vốn điều lệ**”: Số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần.

“**Cổ phần**”: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.

“**Cổ phiếu**”: Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần cổ phần của Tổng Công ty lâm nghiệp Việt nam – Công ty cổ phần.

“**Cổ đông**”: Tổ chức hay cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng Công ty lâm nghiệp Việt nam – Công ty cổ phần.

“**Cổ tức**”: Khoản lợi nhuận ròng được trả cho các cổ phần bằng tiền mặt hoặc tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ tài chính.

“**Đại hội đồng cổ đông**”: Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần.

“**Hội đồng quản trị**”: Hội đồng quản trị của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần.

“**Ban kiểm soát**”: Ban kiểm soát của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần.

“**Ban Tổng giám đốc**”: Ban Tổng giám đốc của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần.

“**Tổ chức tư vấn**”: Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội.

“**Tổ chức niêm yết**”: Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần.

“**Người có liên quan**”: là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp được quy định trong Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 19/01/2007 của Quốc Hội và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Những thuật ngữ khác (nếu có) mà không được liệt kê ở trên sẽ được hiểu theo quy định trong Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 19/01/2007 của Quốc Hội và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Các chữ viết tắt:

• DHDCĐ	Đại hội đồng cổ đông
• HĐQT	Hội đồng quản trị
• HĐTV	Hội đồng thành viên
• BKS	Ban kiểm soát
• UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
• NHNN	Ngân hàng Nhà nước
• HNX	Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội
• ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
• BCTC	Báo cáo tài chính
• LNTT	Lợi nhuận trước thuế
• Thuế GTGT	Thuế giá trị gia tăng
• Thuế TNDN	Thuế thu nhập doanh nghiệp
• UBND	Ủy ban nhân dân
• TAND	Tòa án nhân dân
• CTCP	Công ty cổ phần
• MTV	Một thành viên
• DTT	Doanh thu thuần
• TDT	Tổng doanh thu
• LNG	Lợi nhuận gộp
• TLN	Tổng lợi nhuận
• TSCĐ	Tài sản cố định
• TSLĐ	Tài sản lưu động
• VCSH	Vốn chủ sở hữu
• Giấy CNĐKDN	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
• Số CMND	Số chứng minh nhân dân
• TC	Tổng cộng

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về Tổ chức niêm yết

- Tên doanh nghiệp: TỔNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN
- Tên tiếng Anh: VIET NAM FORESTRY CORPORATION JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: Vinafor
- Trụ sở chính: Số 127 Lò Đúc, phường Đồng Mác, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại: (84-24) 36410799
- Fax: (84-24) 36410800
- Website: www.vinafor.com.vn;
- Logo:



- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 0100102012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/04/2010, thay đổi lần thứ 5 ngày 03/07/2019
- Vốn điều lệ đăng ký: 3.500.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 3.500.000.000.000 đồng
- Người đại diện theo pháp luật:
Ông Phí Mạnh Cường – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Lê Quốc Khánh – Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Tài khoản ngân hàng: 1240202014638 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.
- Thời điểm trở thành công ty đại chúng: Ngày 21/11/2016
- Ngành nghề kinh doanh chính: Trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng; Khai thác và chế biến các sản phẩm từ rừng trồng.

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Năm 1995	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam (trước đây là Tổng công ty Lâm sản Việt Nam) là doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, được thành lập theo Quyết định số 667 TCLĐ ngày 04/10/1995 của Bộ Lâm nghiệp (cũ) nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
----------	---

	<p>Tổng công ty được thành lập trên cơ sở sáp nhập 10 Tổng công ty, Liên hiệp các xí nghiệp trực thuộc Bộ Lâm nghiệp (cũ). Mô hình hoạt động của Tổng công ty thực hiện theo Quyết định số 90/TTg ngày 07/03/1994 của Thủ tướng Chính phủ.</p>
Năm 1997	<p>Ngày 04/11/1997, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 933/1997/QĐ-TTg xếp hạng Tổng công ty là doanh nghiệp đặc biệt.</p> <p>Ngày 18/12/1997, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Quyết định số 3308 NN-TCCB/QĐ đổi tên Tổng công ty Lâm sản Việt Nam thành Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam.</p>
Năm 2010	<p>Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam được tổ chức lại theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, trong đó Công ty mẹ là Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty TNHH MTV, theo Quyết định số 3390/QĐ-BNN-QLDN ngày 25/11/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.</p>
Năm 2013	<p>Thực hiện chủ trương đẩy mạnh cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước của Đảng và Chính phủ, ngày 31/12/2013, Thủ tướng Chính phủ đã có Văn bản số 2360/TTg-ĐMDN đồng ý chủ trương cổ phần hóa Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam.</p>
Năm 2014	<p>Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, ngày 29/10/2014, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ban hành Quyết định số 4691/QĐ-BNN-QLDN về việc tiến hành cổ phần hóa đồng thời công ty mẹ và các công ty con của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam (Hòa Bình, Đông Bắc, Ba Tơ, Sóc Trăng, La Ngà - Đồng Nai).</p>
Năm 2015	<p>Ngày 14/01/2015, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ban hành Quyết định số 97/QĐ-BNN-QLDN về việc chuyển giao nguyên trạng Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sóc Trăng thuộc Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam về Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng quản lý.</p> <p>Ngày 21/04/2015, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ban hành Văn bản số 3224/BNN-QLDN về việc tiếp nhận nguyên trạng 02 Công ty lâm nghiệp từ UBND Tỉnh Lạng Sơn về Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam.</p> <p>Ngày 25/04/2015, Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành các Quyết định số 655/QĐ-UBND và 656/QĐ-UBND về việc chuyển giao nguyên trạng 02 Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đình Lập và Lâm nghiệp Lộc Bình từ UBND tỉnh Lạng Sơn về Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam.</p>



Ngày 10/07/2015, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ban hành Quyết định số 2727/QĐ-BNN-QLDN về việc sửa đổi Quyết định số 4691/QĐ-BNN-QLDN ngày 29/10/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc tiến hành cổ phần hóa đồng thời Công ty mẹ - Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam và các Công ty con là Công ty TNHH một thành viên do Công ty mẹ - Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ gồm: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Hòa Bình, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đông Bắc, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tơ, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp La Ngà - Đồng Nai, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đình Lập, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lộc Bình.

Ngày 09/11/2015 Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã ban hành Quyết định số 4624/QĐ-BNN-QLDN về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam;

Năm 2016 Ngày 03/02/2016, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 215/QĐ-TTg về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam.

Ngày 21/04/2016 Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam đã tiến hành bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Ngày 12/8/2016, Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam đã tiến hành tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu để chính thức chuyển Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty cổ phần.

Ngày 01/9/2016, Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần chính thức hoạt động theo Luật doanh nghiệp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100102012 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/04/2010 thay đổi lần thứ 4 ngày 01/09/2016, vốn điều lệ là 3.500.000.000.000 đồng.

Ngày 21/11/2016: Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần chính thức trở thành Công ty đại chúng.

Ngày 29/12/2016: Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận hồ sơ đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn Upcom.

Năm 2017	<p>Ngày 12/01/2017: Cổ phiếu Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần chính thức giao dịch trên sàn Upcom. Kể từ khi chính thức giao dịch trên sàn Upcom đến nay, Tổng công ty luôn tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật về nghĩa vụ công bố thông tin của một công ty đại chúng quy mô lớn và công ty đăng ký giao dịch trên sàn Upcom.</p>
Năm 2018	<p>Ngày 03/5/2018, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có quyết định số 1534/QĐ-BNN-QLDN về việc phê duyệt báo cáo tài chính, tiền thu từ cổ phần hóa, chi phí cổ phần hóa, kinh phí chi trả chế độ cho người lao động dôi dư, giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm công ty mẹ - Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam chính thức chuyển thành công ty cổ phần.</p> <p>Ngày 19/7/2018, Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam đã tổ chức bàn giao giữa Doanh nghiệp Nhà nước Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty TNHH MTV và Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần.</p> <p>Ngày 29/9/2018, Chính phủ ban hành Nghị định số 131/2018/NĐ-CP về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Theo đó Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp trực tiếp làm đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần.</p> <p>Ngày 15/11/2018, Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn và Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp đã ký kết Biên bản chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần.</p>
Thành tích	<p>Đến nay, trải qua hơn 20 năm hoạt động, Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam ngày càng ổn định và phát triển bền vững, thể hiện bằng nhiều thành tích, giải thưởng, chứng chỉ đối với sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu sau:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Huân chương Lao động hạng Nhất (năm 2015);+ Huân chương Lao động hạng Nhì (năm 2011);+ Huân chương Lao động hạng Ba (năm 2005);+ Chứng chỉ rừng bền vững FSC (từ năm 2013);+ Danh hiệu Top 50 nhãn hiệu nổi tiếng năm 2013 do Viện Sở hữu trí tuệ Việt Nam trao tặng;

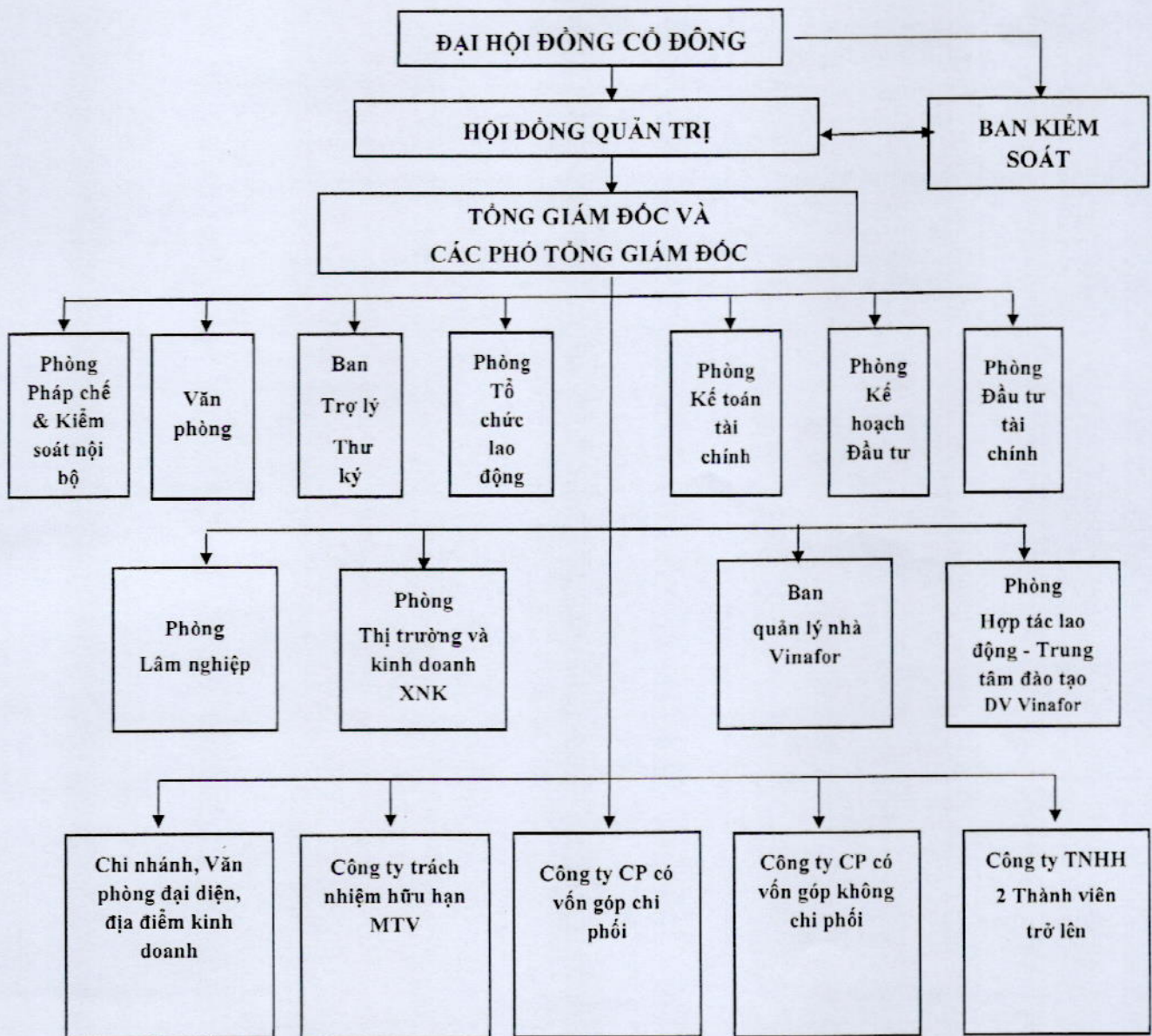
- + Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008 (từ năm 2010);
 - + Top 1000 doanh nghiệp nộp thuế TNDN lớn nhất Việt Nam từ năm 2010 do Viet Nam Report bình chọn.
 - + Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2018 do Viet Nam Report bình chọn.
-

1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100102012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/04/2010, thay đổi lần thứ 5 ngày 03/07/2019, vốn điều lệ ban đầu của Tổng Công ty là 3.500.000.000.000 đồng. Kể từ khi chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần đến nay, Tổng Công ty chưa tiến hành tăng vốn điều lệ.

2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Tổng công ty

(xem trang sau)



Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty Cổ phần được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014. Các hoạt động của Tổng Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng Công ty.

Cơ cấu tổ chức quản lý của Vinafor gồm:

2.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng Công ty. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ chính sau: Thông

qua kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và định hướng phát triển của Tổng Công ty; thông qua Báo cáo tài chính năm được kiểm toán, các báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng Công ty và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và Điều lệ Tổng Công ty.

2.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng Công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, tùy theo yêu cầu từng thời điểm số lượng thành viên Hội đồng quản trị có thể thay đổi và do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành cụ thể do Hội đồng quản trị xác định và phân công theo tình hình và yêu cầu từng thời điểm.

2.3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng Công ty; kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty.

2.4. Ban Tổng giám đốc

Tổng Giám đốc

Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật thường trực của Vinafor, là người tổ chức điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Vinafor theo các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, quyết định, thực hiện tất cả những công việc không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Phó Tổng Giám đốc

Vinafor có các Phó Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của Tổng giám đốc.

Các Phó Tổng giám đốc giúp Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành Tổng công ty theo sự phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

Hiện Vinafor có 03 Phó Tổng giám đốc.

2.5. Kế toán trưởng

Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán của Tổng công ty; giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc về công tác Kế toán, hoạch định chiến lược và giám sát tài chính tại Tổng công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

2.6. Các đơn vị hạch toán phụ thuộc và văn phòng đại diện, Các công ty con, Công ty liên kết

- *Chi nhánh, văn phòng Đại diện, địa điểm kinh doanh: gồm 06 chi nhánh hạch toán phụ thuộc và 03 văn phòng đại diện, 01 Địa điểm kinh doanh*

+ Chi nhánh Tổng công ty: là đơn vị phụ thuộc của Tổng công ty, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của Tổng công ty kể cả chức năng đại diện theo ủy quyền. Tổng công ty có 06 Chi nhánh tại: Hà Nội, Hải Phòng, Thái Nguyên, Hòa Bình, Hà Tĩnh, Gia Lai.

+ Văn phòng Đại diện: Đại diện cho quyền lợi và nghĩa vụ của Tổng công ty trong quan hệ giao dịch với các đối tác và tổ chức liên quan tại một địa phương có quan hệ với Tổng Công ty trong các lĩnh vực hoạt động của Tổng Công ty. Tổng công ty có 03 Văn phòng đại diện tại: Thành phố Hồ Chí Minh, Quy Nhơn và Tây Nguyên.

+ Địa điểm kinh doanh: tại Hà Nội.

- *Công ty con: 19 công ty (bao gồm 06 công ty TNHH Một thành viên và 13 công ty cổ phần có vốn góp chi phối)*

- *Công ty liên kết: 22 công ty (gồm 14 công ty cổ phần và 08 công ty TNHH hai thành viên trở lên)*

- *Các công ty có vốn góp không chi phối khác: 05 công ty (đều là công ty cổ phần)*

2.7. Các phòng, ban công ty

❖ **Phòng Kế hoạch Đầu tư**

Có chức năng tham mưu về các lĩnh vực:

- Công tác kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn và chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh toàn Tổng công ty.
- Công tác đầu tư phát triển sản xuất, đầu tư xây dựng cơ bản và quản lý sử dụng đất đai trong toàn Tổng công ty (không bao gồm đất đai khâu lâm nghiệp).
- Chế biến gỗ và lâm sản.
- Hoạt động hợp tác Quốc tế của Tổng công ty.
- Các nhiệm vụ khác do Lãnh đạo Tổng công ty giao.

❖ **Phòng Kế toán tài chính**

Có chức năng tham mưu về các lĩnh vực:

- Quản lý, theo dõi, điều động vốn, tài sản...theo chính sách chế độ của pháp luật và các qui định của Tổng công ty.
- Tổ chức hệ thống kế toán trong toàn Tổng công ty (bao gồm Cơ quan Tổng công ty, các đơn vị phụ thuộc và các Công ty TNHH một thành viên) theo đúng các qui định của Luật kế toán hiện hành, các chuẩn mực kế toán, nguyên tắc kế toán.
- Tổ chức hệ thống hạch toán kế toán của Tổng công ty (công ty mẹ, chi nhánh, Văn phòng đại diện, Công ty TNHH một thành viên).
- Các nhiệm vụ khác do Lãnh đạo Tổng công ty giao.

❖ **Phòng Tổ chức lao động**

Có chức năng tham mưu về các lĩnh vực:

- Công tác cơ cấu, tổ chức hoạt động của Công ty mẹ, Cơ quan Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc Tổng công ty.
- Công tác cán bộ, nguồn nhân lực và công tác quản lý lao động.
- Công tác tiền lương và chế độ chính sách đối với CBCNV.
- Các nhiệm vụ khác do Lãnh đạo Tổng công ty giao.

❖ **Phòng Đầu tư tài chính**

Có chức năng tham mưu về các lĩnh vực:

- Tham mưu việc quản lý phần vốn của Tổng công ty đầu tư tại các doanh nghiệp khác.
- Xây dựng chiến lược đầu tư tài chính, đảm bảo an toàn và phát triển vốn; phát huy cao nhất hiệu quả nguồn vốn và tài sản của Tổng công ty đầu tư tại các doanh nghiệp khác.
- Công tác theo dõi, phân tích, tổng hợp đánh giá hoạt động của các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty và chủ động đề xuất với Tổng giám đốc các giải pháp quản lý việc tăng, giảm vốn đầu tư tại các doanh nghiệp có vốn góp, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- Tìm kiếm cơ hội đầu tư mới và đề xuất với Tổng giám đốc Tổng công ty phê duyệt thực hiện.
- Quản lý Sở cổ đông; theo dõi, báo cáo Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị Tổng công ty về diễn biến liên quan đến cổ đông, cổ phần của Tổng công ty.
- Công tác công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Các nhiệm vụ khác do Lãnh đạo Tổng công ty giao.

❖ **Phòng Lâm nghiệp**

Có chức năng tham mưu về các lĩnh vực:

- Chiến lược phát triển lâm nghiệp.
- Công tác giống cây lâm nghiệp.
- Trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng và khai thác, tiêu thụ gỗ rừng trồng.
- Quản lý sử dụng, bảo vệ đất lâm nghiệp.
- Công tác chứng chỉ rừng FSC.
- Các nhiệm vụ khác do Lãnh đạo Tổng công ty giao.

❖ **Phòng Thị trường và kinh doanh xuất nhập khẩu**

Có chức năng tham mưu về các lĩnh vực:

- Quản lý thị trường, xúc tiến các hoạt động thương mại của Tổng công ty.
- Quản lý hoạt động kinh doanh, xuất nhập khẩu.
- Trực tiếp tham gia hoạt động kinh doanh, xuất nhập khẩu.
- Các nhiệm vụ khác do Lãnh đạo Tổng công ty giao.

❖ **Văn phòng**

Có chức năng tham mưu về các lĩnh vực:

- Công tác hành chính - quản trị
- Công tác đối nội, đối ngoại, tổ chức sự kiện và các đoàn công tác của Tổng công ty.
- Công tác Thi đua - Khen thưởng.
- Công tác An ninh - trật tự; môi trường; phòng cháy chữa cháy và giám sát việc thực hiện nội quy, quy chế cơ quan.
- Công tác ISO.
- Công tác văn thư, lưu trữ.
- Bảo mật, thông tin, tuyên truyền.
- Các nhiệm vụ khác do Lãnh đạo Tổng công ty giao.

❖ **Phòng Pháp chế và kiểm soát nội bộ**

Có chức năng tham mưu trong các lĩnh vực:

- Lĩnh vực pháp chế:
 - + Công tác pháp chế: Tham mưu cho Tổng giám đốc đầy đủ và chính xác về pháp lý, pháp luật. Giải quyết khiếu nại, tố cáo tranh chấp liên quan đến tất cả các lĩnh vực và hoạt động của Tổng công ty theo đúng các quy định của pháp luật.
 - + Công tác kiểm tra nội bộ: Tổ chức công tác kiểm tra và xử lý các vụ việc liên quan đến việc chấp hành pháp luật; chấp hành các quy chế, quy định trong Tổng công ty. Đảm bảo việc tuân thủ pháp luật, cũng như những nội quy, quy định nội bộ liên quan đến pháp lý.
- Lĩnh vực Kiểm soát nội bộ:
 - + Tham mưu, kiểm soát việc sử dụng vốn và tài sản của Tổng công ty được bảo đảm an toàn, tránh sử dụng sai mục đích, không hiệu quả.
 - + Các nghiệp vụ được phê duyệt đúng thẩm quyền và được ghi chép đầy đủ làm cơ sở cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý.
 - + Đảm bảo sử dụng tối ưu các nguồn lực và đạt được mục tiêu kinh doanh đặt ra. Giám tối đa các nguy cơ rủi ro tiềm ẩn trong kinh doanh (*sai sót vô tình gây thiệt hại, các rủi ro làm chậm kế hoạch, tăng giá thành, giảm chất lượng sản phẩm...*).
 - + Công tác kiểm toán nội bộ: Kiểm tra, kiểm soát công tác tài chính, kế toán, việc thực hiện các chính sách, chế độ của Nhà nước, các quy định của Tổng công ty; đánh giá tình hình hoạt động đầu tư tài chính, kế toán trong Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc.
- Các nhiệm vụ khác do Lãnh đạo Tổng công ty giao

❖ **Phòng Hợp tác lao động – Trung tâm đào tạo và dịch vụ Vinafor**

Có chức năng tham mưu về các lĩnh vực:

- Hoạt động đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, hoạt động tư vấn du học theo Giấy phép và ủy quyền của Tổng công ty.
- Tổ chức tuyển sinh và đào tạo các chương trình: Ngoại ngữ; tin học; giáo dục định hướng, bồi dưỡng kiến thức cho người lao động xuất khẩu theo quy định.
- Các nhiệm vụ khác do Lãnh đạo Tổng công ty giao

❖ **Ban Trợ lý, thư ký**

- Chức năng và nhiệm vụ của Ban Trợ lý, thư ký Tổng công ty thực hiện theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị và các quy định có liên quan khác của Hội đồng quản trị Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần.
- Các nhiệm vụ khác do Lãnh đạo Tổng công ty giao

❖ **Ban Quản lý nhà Vinafor**

Có chức năng tham mưu với Tổng giám đốc Tổng công ty về các lĩnh vực:

- Quản lý, vận hành và tổ chức khai thác dịch vụ cho thuê văn phòng, các tiện ích khác tại Tòa nhà Vinafor số 127 phố Lò Đúc, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.
- Khai thác kinh doanh cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi, các dịch vụ tiện ích khác của Tòa nhà Vinafor.
- Các nhiệm vụ khác do Lãnh đạo Tổng công ty giao

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Tổng Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/10/2019

3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Tổng Công ty tại thời điểm 31/10/2019

	Cổ đông	Số ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Ủy Ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp		Số 6 Bà Huyện Thanh Quan, Ba Đình, Hà Nội	178.500.000	51%
2	Công ty cổ phần Tập đoàn T&T	100233223	Số 18 Hàng Chuối, Hai Bà Trưng, Hà Nội	140.000.000	40%
	Cộng			318.500.000	91%

Nguồn: Danh sách Người sở hữu chứng khoán tại ngày 31/10/2019 của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - CTCP do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp

3.2 Danh sách cổ đông sáng lập

Theo quy định tại Điều lệ được thông qua tại ĐHĐCĐ lần đầu ngày 12/08/2016 của VINAFOR, Tổng Công ty không có cổ đông sáng lập.

3.3 Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/10/2019

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ
I	Trong nước	883	350.000.000	100 %
1	Tổ chức	05	337.128.821	96,323%
2	Cá nhân	878	12.871.179	3,677%
II	Nước ngoài	-	-	-
1	Tổ chức	-	-	-
2	Cá nhân	-	-	-
Tổng cộng		883	350.000.000	100%

Nguồn: Danh sách Người sở hữu chứng khoán tại ngày 31/10/2019 của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết
- 4.1. Công ty mẹ của tổ chức đăng ký niêm yết
Không có
- 4.2. Danh sách những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Điện thoại	Giấy CNDKKD	Vốn điều lệ đăng ký (triệu VND)	Vốn điều lệ thực góp (triệu VND)	Tỷ lệ vốn góp của Vinafor (%)	Ngành nghề kinh doanh chính
I. Các công ty con là công ty TNHH một thành viên mà Tổng công ty sở hữu 100% vốn								
1	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Ba Tư	Km27, Quốc lộ 24, xã Ba Cung, huyện Ba Tư, tỉnh Quảng Ngãi	02553863250	4300271103	42.000	42.000	100%	Trồng rừng và chăm sóc rừng
2	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp La Ngà - Đồng Nai	Xã Ngọc Định, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai	02513853014	3600251307	134.000	110.376	100%	Trồng rừng và chăm sóc rừng
3	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Đông Bắc	Số nhà 58, đường Xương Giang, thị trấn Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn	02053729286	2400120030	46.100	46.100	100%	Trồng rừng và chăm sóc rừng
4	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Lộc Bình	Số 6 Khu Chọc Vàng, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	02053840219	4900105789	83.500	79.826	100%	Trồng rừng và chăm sóc rừng
5	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Đình Lập	Thôn Khe Mạ, xã Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn	02053846278	4900142195	66.500	56.600	100%	Trồng rừng và chăm sóc rừng
6	Công ty TNHH MTV Ván dán Vinafor Bắc Giang (*)	Lô B (B3) KCN Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	02043813362	2400643714	63.000	63.000	100%	Sản xuất chế biến gỗ

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Điện thoại	Giấy CNDKKD	Vốn điều lệ đăng ký (triệu VND)	Vốn điều lệ thực góp (triệu VND)	Tỷ lệ vốn góp của Vinafor (%)	Ngành nghề kinh doanh chính
II. Các công ty con là công ty cổ phần								
1	Công ty Cổ phần Cẩm Hà	Khối 3, phường Thanh Hà, Thị xã Hội An, tỉnh Quảng Nam	02353861319	4000101407	27.200	27.200	51,00%	Sản xuất sản phẩm từ gỗ
2	Công ty cổ phần Long Bình	Khu công nghiệp Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	02513832808	3600251748	9.000	9.000	61,89%	Công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản
3	Công ty cổ phần Lâm đặc sản và Xuất nhập khẩu Hà Tĩnh	Xã Xuân An, huyện Xuân Nghi, tỉnh Hà Tĩnh	02393921372	3000171057	2.700	2.700	85,00%	Thu mua khai thác, chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội bộ
4	Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Lâm sản Sài Gòn	Số 9 Quang Trung, phường 11, Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh	02839327298	0300635522	24.000	24.000	51,69%	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ
5	Công ty Cổ phần Vinafor Đà Nẵng	1081 Ngô Quyền, quận Sơn Trà, Đà Nẵng	02363831259	0400422373	20.183	20.183	51,01%	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu
6	Công ty cổ phần Vinafor Vinh	Số 10, Nguyễn Thị Minh Khai, TP Vinh, tỉnh Nghệ An	02383566828	2900325734	2.500	2.500	63,21%	Chế biến gỗ, lâm sản
7	Công ty cổ phần Vinafor Tây Nguyên	55 Nguyễn Lương Bằng, xã Hòa Thành, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	02623862057	6001327746	12.195	12.195	68,58%	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Điện thoại	Giấy CNDKKD	Vốn điều lệ đăng ký (triệu VND)	Vốn điều lệ thực góp (triệu VND)	Tỷ lệ vốn góp của Vinafor (%)	Ngành nghề kinh doanh chính
8	Công ty cổ phần Giống Lâm nghiệp Vùng Bắc Bộ	Khu 1, xã Trạm Thán, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ	02103835047	2600381209	2.100	2.100	79,86%	Sản xuất, cung ứng các loại hạt, cây giống
9	Công ty cổ phần Giống lâm nghiệp Vùng Đông Bắc	Số 246 đường Trần Quang Khải, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.	02053814110	4900256386	1.600	1.600	67,69%	Sản xuất, cung ứng các loại hạt, cây giống
10	Công ty cổ phần Giống lâm nghiệp Vùng Bắc Trung Bộ	Thôn Đình Lễ, xã Vạn Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Binh	02323678329	3100381555	2.825	2.825	73,04%	Sản xuất, cung ứng các loại hạt, cây giống
11	Công ty cổ phần Giống Lâm nghiệp Vùng Nam Trung Bộ	Tổ 19, cụm 4, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.	02563647545	4100649740	2.197	2.197	51,84%	Sản xuất, cung ứng các loại hạt, cây giống
12	Công ty cổ phần Giống lâm nghiệp Vùng Tây Nguyên	60 Hùng Vương, phường 9, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đông.	02633822048	5800533831	9.900	9.900	51,00%	Sản xuất, cung ứng các loại hạt, cây giống
13	Công ty cổ phần Giống Lâm nghiệp Vùng Nam Bộ	Số 6 Nguyễn Thành Ý, phường Đakao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	02838248788	0304977171	10.000	10.000	51,00%	Sản xuất, cung ứng các loại hạt, cây giống

Nguồn: Vinafor và BCTC tại ngày 30/09/2019

(*) Trong năm 2018, Tổng công ty nhận chuyển nhượng 60% vốn góp tại Công ty TNHH Ván dán OJI – Bắc Giang (là công ty liên kết của Tổng công

ty tại thời điểm trước khi chuyển nhượng được thành lập tại Việt Nam) với giá chuyển nhượng 100 đô la Mỹ (tương đương 2.267.958 đồng theo tỷ giá tại ngày thanh toán). Vào ngày 23/01/2018, Tổng công ty đã hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng và chính thức sở hữu 100% vốn góp, đồng thời đổi tên công ty này thành Công ty TNHH MTV Ván dán Vinafor Bắc Giang.

Cho mục đích xác định bất lợi thương mại từ việc mua lại phần vốn góp từ đối tác và nắm quyền kiểm soát Công ty TNHH Ván dán OJI - Bắc Giang từ ngày 23/01/2018, giá trị hợp lý của khoản đầu tư ban đầu tương ứng tỷ lệ 40% vốn góp vào Công ty TNHH Ván dán OJI - Bắc Giang được xác định căn cứ theo giá trị chuyển nhượng tương ứng với 60% vốn góp còn lại khi Tổng công ty nhận chuyển nhượng từ đối tác - Công ty TNHH OJI Forest & Products.

Trong giai đoạn từ ngày 23/01/2018 đến 31/12/2018, hoạt động kinh doanh được mua lại đã làm giảm 13.899.998.502 đồng lợi nhuận sau thuế vào kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty. Việc mua lại này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tổng công ty tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi sổ trước thời điểm mua	Các điều chỉnh giá trị hợp lý	Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua
Tài sản thuần có thể xác định được	59.385.487.595	(27.126.393.786)	32.259.093.809
Tổng giá phí để sở hữu 100% vốn góp			3.779.930
Bất lợi thương mại (chính là khoản lãi từ giao dịch mua rẻ)			(32.255.313.879)

(Chi tiết tại Thuyết minh số 4 - Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2018)

4.3. Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

Không có.

4.4. Danh sách các công ty liên kết.

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Điện thoại	Giấy CNDKKD	Vốn điều lệ đăng ký (triệu VND)	Vốn điều lệ thực góp (triệu VND)	Tỷ lệ vốn góp của Vinafor (%)	Ngành nghề kinh doanh chính
1	Công ty CP 19/5 Đoàn Hùng	Thị trấn Đoàn Hùng, huyện Đoàn Hùng, tỉnh Phú Thọ	02103880250	2600248623	4.000	4.000	49,01%	Thiết kế, chế tạo, lắp đặt kết cấu thép nhà xưởng công nghiệp, thiết bị nâng hạ
2	Công ty CP Cờ đỏ	Thôn Trung Giã, huyện Sóc Sơn, Hà Nội	02438840342	0101328340	9.386	9.386	45,78%	Công nghiệp chế tạo, sửa chữa thiết bị, máy móc LN
3	Công ty CP Formach*	Thị trấn Văn Điển Thanh Trì, Hà Nội	02438613929	0100102809	13.045	13.045	27,78%	Chế tạo máy gia công gỗ, chế biến
4	Công ty CP Gỗ lạng Buôn Ma Thuột	Số 131 Phan Huy Chú, phường Khánh Xuân, TP. Buôn Mê Thuột Tỉnh Đắk Lắk	02623827155	6000449861	4.000	4.000	30,00%	Khai thác, sơ chế gỗ, chế biến
5	Công ty CP Kon Hà Nừng	Thị trấn Kbang, Huyện Kbang, Tỉnh Gia Lai	0593834535	3903000049	6.000	6.000	30,00%	Trồng rừng, chế biến gỗ
6	Công ty CP Lâm đặc sản mây tre Xuất khẩu	Số 14 Chương Dương Độ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	02439322380	0100101883	2.600	2.600	35,00%	Chế biến gỗ và lâm sản

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Điện thoại	Giấy CNDKKD	Vốn điều lệ đăng ký (triệu VND)	Vốn điều lệ thực góp (triệu VND)	Tỷ lệ vốn góp của Vinafor (%)	Ngành nghề kinh doanh chính
7	Công ty CP lâm nghiệp 19	Số 71 Tây Sơn TP.Quy Nhơn Tỉnh Bình Định	02693746319	4100258994	21.000	21.000	30,00%	Chế biến gỗ
8	Công ty CP tư vấn và đầu tư Forprodex	84/1 Ngọc Khánh Ba Đình, Hà Nội	02437719258	0100102573	9.900	9.900	27,25%	KD nông lâm hải sản, chế biến gỗ
9	Công ty CP Sản xuất và Xuất nhập khẩu Lâm sản Naforimex Hà Nội	19 Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội	02438261250	0103009012	3.600	3.600	30,00%	Khai thác, SX, chế biến, mua bán và XNK nông lâm sản
10	Công ty CP Thương mại Lâm sản Hà Nội**	67 Ngõ Thị Nhậm, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	02439784916	0100853241	18.000	20.000	30,00%	Kinh doanh nông, lâm, hải sản
11	Công ty CP Xuất nhập khẩu Lâm nông sản Sài Gòn	Số 9 Quang Trung P. 11 Gò Vấp TP.HCM	02838946118	0300644245	8.000	8.000	30,00%	Chế biến gỗ và lâm sản
12	Công ty CP Xây lắp Đầu tư phát triển Nông lâm nghiệp Việt Nam	Xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì, Hà Nội	02438615529	0100103471	5.336	6.036	20,00%	Xây dựng, chế biến KD nông lâm sản
13	Công ty CP Thương mại công nghiệp và chế biến gỗ	Km 11 Thị trấn Văn Điển huyện Thanh Trì, Hà Nội	02438615292	0100103094	2.700	2.700	29,69%	SX các loại ván nhân tạo
14	Công ty CP Giống Lâm	204 Hồ Tùng Mậu, quận	02438371470	0100102566	2.000	2.000	48,10%	SX và KD các loại

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Điện thoại	Giấy CNDKKD	Vốn điều lệ đăng ký (triệu VNĐ)	Vốn điều lệ thực góp (triệu VNĐ)	Tỷ lệ vốn góp của Vinafor (%)	Ngành nghề kinh doanh chính
	nghiệp Trung Ương	Bắc Từ Liêm, Hà Nội						giống cây trồng
15	Công ty Liên doanh Nuôi và Phát triển khí Việt Nam	Xã Tam Phước, Huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	02513511223	471023000078	41.854	41.854	40,00%	Chăn nuôi và Xuất khẩuKhí
16	Công ty TNHH Sản xuất nguyên liệu giấy Việt Nhật	Đường vào mỏ đá Hòa Nhơn, xã Hòa Nhơn, Hòa Vang, TP.Đà Nẵng	02363681811	321022000063	56.718	56.718	39,97%	Sản xuất nguyên liệu giấy
17	Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	Đường Tây Sơn P.Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.	02563841381	4100259155	24.500	24.500	22,00%	Sản xuất nguyên liệu giấy
18	Công ty TNHH Sản xuất nguyên liệu giấy Việt Nhật Cái Lân	Khu công nghiệp Cái Lân, Phường Bãi Cháy TP.Hà Long, tỉnh Quảng Ninh	02033849878	222022000028	33.645	33.645	49,00%	Trồng rừng nguyên liệu và SX nguyên liệu giấy
19	Công ty TNHH Sản xuất nguyên liệu giấy Việt Nhật Vũng Áng	Số 91 Phan Đình Phùng, Thị xã Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	02393868094	282022000002	33.645	33.645	40,00%	Sản xuất nguyên liệu giấy
20	Công ty TNHH Việt Thành Thái	05 Thành Thái, P 14, Q 10, TP Hồ Chí Minh	0838640535	4102070442	126.000	126.000	35,00%	Kinh doanh tổng hợp



TT	Tên công ty	Địa chỉ	Điện thoại	Giấy CNDKKD	Vốn điều lệ đăng ký (triệu VND)	Vốn điều lệ thực góp (triệu VND)	Tỷ lệ vốn góp của Vinafor (%)	Ngành nghề kinh doanh chính
21	Công ty TNHH YAMAHA MOTOR Việt Nam	Thôn Trung Giã, huyện Sóc Sơn, Hà Nội	02438855080	011022000179	539.052	539.052	30,00%	Sản xuất và kinh doanh xe máy
22	Công ty TNHH Việt Nhật Chế biến gỗ và dăm gỗ Dung Quất	Khu du lịch sinh thái Thiên Đường, xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	02553632777	652022000024	13.458	13.458	49,00%	Sản xuất chế biến gỗ

Nguồn: Vinafor và BCTC quý 3 năm 2019

* Công ty cổ phần Formach đã hoàn thành việc tăng vốn Điều lệ lên 26,09 tỷ đồng nhưng chưa thực hiện thay đổi giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh. Tỷ lệ sở hữu của Vinafor dự kiến giảm xuống còn 13,89% trên vốn điều lệ mới. Tuy nhiên Vinafor đang yêu cầu Tòa án hủy Nghị quyết ĐHDCĐ về việc tăng vốn điều lệ này. Ngày 30/11/2019, Tòa sơ thẩm đã xét xử hủy một phần Nghị quyết bất thường lần 2,3,4 về tăng vốn điều lệ của Công ty cổ phần Formach.

** Công ty CP Thương mại Lâm sản Hà Nội đã có Nghị quyết ĐHDCĐ tăng vốn điều lệ từ 18 tỷ đồng lên 20 tỷ đồng. Vinafor và Công ty đang phát sinh tranh chấp về Nghị quyết tăng vốn điều lệ này tại TAND quận Hai Bà Trưng, tuy nhiên để đảm bảo quyền lợi, Vinafor đã góp đủ số tiền mua cổ phần phát hành thêm này.

4.5. Các đơn vị khác

Tên Công ty	Địa chỉ	Đăng ký kinh doanh	Ngành nghề kinh doanh	VĐL (triệu VNĐ)	Vốn góp của Vinafor (triệu VNĐ)	% Sở hữu của Vinafor
Công ty Cổ phần Cơ khí Lâm nghiệp Sài Gòn*	Số 7/1 Thành Thái P.14, Q.10, TP.HCM	0300634374	SX, KD thiết bị phục vụ SX Gỗ; giáo dục, đào tạo	200.000	1.709	0,85%
Công ty Cổ phần Chế biến Lâm sản xuất khẩu PISICO Huế	Thôn Tam Vị, xã Tiến Lộc, huyện Phú Lộc, Thừa Thiên Huế	3103000086	Trồng rừng, khai thác, Kinh doanh chế biến gỗ và lâm sản;	15.000	2.100	13,01%
Công ty Cổ phần Vinafor Quảng Trị	Km số 3 - Đường 9A Đông Hà - Quảng Trị	0533585680	Kinh doanh các sản phẩm từ gỗ	8.000	1.050	13,13%
Công ty Cổ phần Archi Reenco Hòa Bình	Xóm Kẽm, xã Lâm Sơn, Lương Sơn, Hòa Bình	5400277171	Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng, môi giới nhà đất...	100.000	5.000	5,00%
Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Miền Đông	324/9/15 Lý Thường Kiệt Phường 14, Quận 10 TP.Hồ Chí Minh	0301215721	Sản xuất, mua bán nông lâm sản	147.600	2.700	1,829%

Nguồn: Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần

* Công ty Cổ phần Cơ khí lâm nghiệp Sài Gòn đã có Nghị quyết ĐHĐCĐ tăng vốn điều lệ từ 5,5 tỷ đồng lên 200 tỷ đồng, Vinafor không tham gia mua cổ phần phát hành thêm dẫn đến tỷ lệ vốn góp của Vinafor tại Công ty giảm từ 31,07% xuống 0,85% vốn điều lệ. Công ty đã hoàn thành thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong tháng 01/2019. Tuy nhiên

Vinafor đã yêu cầu Tòa án hủy Nghị quyết ĐHĐCĐ về việc tăng vốn điều lệ này. Ngày 04/10/2019, TAND quận 10, TP.Hồ Chí Minh có Quyết định sơ thẩm giải quyết việc kinh doanh thương mại số 49/2019/QĐST-KDTM chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Vinafor về việc hủy nghị quyết của ĐHĐCĐ này (Bản án chưa có hiệu lực do Công ty đã kháng cáo).

5. Hoạt động kinh doanh

5.1. Các hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty

Tổng Công ty hiện nay là một đơn vị có quy mô lớn trong lĩnh vực trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ, khai thác và chế biến gỗ rừng trồng; khai thác gỗ; Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp... với phạm vi hoạt động trên toàn quốc. Qua hơn 20 năm trưởng thành và phát triển, Tổng Công ty luôn khẳng định được vai trò vị trí nòng cốt của mình trong lĩnh vực Lâm nghiệp và là doanh nghiệp đi đầu trong việc áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến, trong nghiên cứu Giống cây, Trồng rừng, khai thác, chế biến gỗ và Lâm sản..., cụ thể một số lĩnh vực dưới đây:

❖ Nghiên cứu giống cây lâm nghiệp:

Tổng Công ty đầu tư nghiên cứu công nghệ sản xuất giống cây có năng suất cao phù hợp với thổ nhưỡng của từng vùng trên cả nước và được thị trường rất ưa chuộng, rừng trồng của Tổng công ty chủ yếu bằng công nghệ nuôi cấy mô nên cây rừng sinh trưởng tốt, kháng được sâu bệnh, và cho gỗ thương phẩm cao; năng suất cao. Hiện nay, các công ty giống của Tổng công ty đã sản xuất ra nhiều loại giống mới như: Bạch đàn Mô các loại, Keo Mô, Lim, Lát Hoa, Thông Nhựa, Tách...



❖ Trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng:

Bên cạnh trồng rừng kinh tế cung ứng nguyên liệu cho các nhà máy ván nhân tạo, Tổng Công ty hiện đang triển khai trồng rừng thâm canh, trồng cây gỗ lớn và thực hiện thi công cơ giới trong sản xuất lâm nghiệp, đang và sẽ hướng tới áp dụng nghiêm quy trình kỹ

thuật trồng, chăm sóc, quản lý và khai thác rừng một cách bền vững theo chứng chỉ FSC nhằm đảm bảo mục tiêu Kinh tế - Xã hội - Môi trường, hiện trên 20.000 ha rừng của Tổng Công ty đã được cấp chứng chỉ “FSC”:



❖ Sản xuất ván nhân tạo (MDF, Ván bóc, Ván ép)

Tại Việt Nam, Tổng Công ty là đơn vị đi đầu trong việc sản xuất ván MDF với dây chuyền hiện đại được đầu tư bởi công nghệ Châu Âu; việc sản xuất ván sợi ép (MDF) đã nâng cao hiệu suất sử dụng tối đa việc tận dụng các đầu ngọn, cành nhánh từ các loại cây rừng trồng. Năm 2012, Ván MDF Vinafor Gia Lai đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trao tặng giải thưởng “Bông Lúa Vàng lần thứ Nhất”. Ván MDF của Vinafor dùng để chế biến bàn ghế, giường tủ, khung cửa, cánh cửa, đồ dùng văn phòng, ốp trần, ốp tường, tạo vách ngăn, lót sàn nhà trong công trình xây dựng, với nhiều mẫu mã đa dạng, được thị trường ưa chuộng và được đánh giá cao ở Việt Nam cũng như các nước đã tiêu thụ ván MDF. Với tính năng, công dụng và các chỉ số đạt được của ván MDF VINAFOR Gia Lai, sản phẩm này hoàn toàn có khả năng cạnh tranh trong điều kiện hội nhập quốc tế . . .

Một số sản phẩm chính của Tổng Công ty như:

VÁN GHÉP THANH:

Gỗ ghép thông được ghép từ gỗ tự nhiên đã qua tẩm sấy và xử lý mối mọt. Gỗ ghép còn gọi ván ghép thanh được sản xuất trên dây chuyền công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại, gỗ được cưa, bào, phay, ghép bằng mộng răng cưa liên kết bằng keo nhập khẩu Phần Lan.



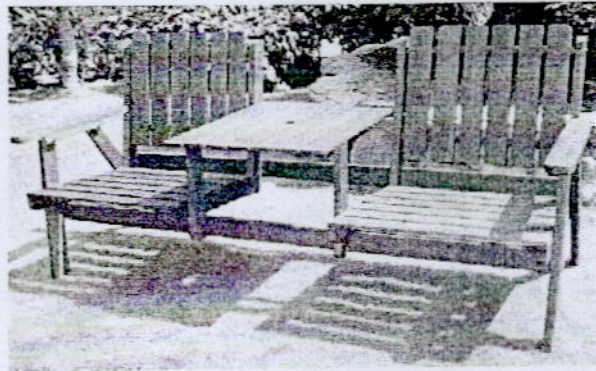
VÁN SỢI (MDF, HDF)

Ván Sợi (MDF) là ván nhân tạo có đặc tính cơ lý cao, kích thước lớn, phù hợp với công nghệ sản xuất đồ mộc nội thất trong vùng khí hậu nhiệt đới.



ĐỒ MỘC NỘI/NGOẠI THẤT

Tổng Công ty cung cấp các sản phẩm đồ mộc nội/ngoại thất chất lượng cao, kiểu dáng đa dạng



Ngoài hoạt động chính là lĩnh vực lâm nghiệp, trồng rừng và các sản phẩm chế biến từ rừng trồng, thì Tổng Công ty cũng duy trì mảng dịch vụ trong cơ cấu doanh thu là cho thuê văn phòng tại Tòa nhà Vinafor, đây cũng đồng thời là Trụ sở chính của Tổng Công ty.

5.2. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm**Cơ cấu doanh thu thuần của Tổng Công ty theo sản phẩm/dịch vụ***Công ty mẹ**Đơn vị tính: triệu đồng*

Chi tiêu	Năm 2017		Năm 2018		9 tháng đầu năm 2019	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu hoạt động khai thác rừng trồng	20.614	2,82%	20.746	2,73%	16.399	3,47%
Doanh thu từ kinh doanh gỗ	372.593	51,04%	345.984	45,57%	202.474	42,83%
Doanh thu từ bán ván MDF	257.339	35,25%	308.898	40,69%	193.924	41,02%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	66.662	9,13%	69.879	9,20%	52.209	11,04%
Doanh thu dịch vụ gia công gỗ	5.785	0,79%	4.233	0,56%	1.687	0,36%
Doanh thu khác	7.071	0,97%	9.448	1,24%	6.055	1,28%
Tổng cộng	730.064	100%	759.188	100%	472.749	100%

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2018 và BCTC riêng quý 3 năm 2019

Doanh thu thuần của công ty tương đối ổn định qua các năm. Doanh thu thuần năm 2018 tăng 4% so với năm 2017. Doanh thu thuần 9 tháng đầu năm 2019 bằng 62% so với cả năm 2018.

Trong cơ cấu doanh thu thuần, doanh thu từ hoạt động kinh doanh gỗ chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ hàng năm của Tổng công ty. Đứng vị trí thứ 2 là Doanh thu từ bán ván MDF. Các vị trí tiếp theo là doanh thu cung cấp dịch vụ (cho thuê văn phòng, cho thuê nhà, gia công gỗ), doanh thu khai thác rừng trồng. Doanh thu từ hoạt động khác (bán nhựa thông, kinh doanh xăng dầu và một số hoạt động khác) chiếm tỷ trọng không đáng kể.

Về hoạt động kinh doanh gỗ: Năm 2018, mặc dù Tổng công ty đã thay đổi chính sách cung ứng gỗ nguyên liệu cho một số công ty sản xuất dăm gỗ là công ty liên kết của Tổng công ty để đảm bảo sự ổn định nguyên liệu đầu vào cho các công ty này (từ năm 2018, Tổng công ty cung ứng trực tiếp gỗ nguyên liệu cho các công ty liên kết thay vì để cho các công ty chủ động thu mua, cung ứng gỗ nguyên liệu như trước đây), tuy nhiên năm 2018 là năm rất khó khăn đối với ngành kinh doanh dăm gỗ, giá dăm gỗ xuống thấp nhất trong các năm gần đây, dẫn đến tình hình kinh

doanh gỗ nguyên liệu của Tổng công ty cũng bị ảnh hưởng. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh gỗ giảm 7,14% so với năm 2017. Đối với hoạt động bán thành phẩm (ván MDF), trong năm 2018, Tổng công ty đưa vào hoạt động dây chuyền tách mù cao su, nên khối lượng ván sản xuất và bán ra cao hơn so với năm 2017. Doanh thu từ bán thành phẩm (ván MDF) tăng 20% so với năm 2017. Doanh thu từ cung cấp dịch vụ (cho thuê nhà, văn phòng và dịch vụ gia công gỗ) và các mảng hoạt động khác khá ổn định, không biến động nhiều qua các năm.

Trong 9 tháng đầu năm 2019, các mảng hoạt động kinh doanh của Tổng công ty duy trì ổn định, với mảng hoạt động chính vẫn là kinh doanh gỗ và bán thành phẩm (ván MDF). Doanh thu từ kinh doanh gỗ của công ty mẹ đạt 202,47 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 42,83% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (chỉ tiêu này trên báo cáo hợp nhất là 474,95 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 36,64%). Doanh thu từ bán thành phẩm (ván MDF) của công ty mẹ đạt 193,9 tỷ đồng, chiếm 41,02% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018		9 tháng đầu năm 2019	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu hoạt động khai thác rừng trồng	107.380	5,68%	106.253	5,75%	89.881	6,93%
Doanh thu từ kinh doanh gỗ	857.427	45,33%	771.454	41,72%	474.954	36,64%
Doanh thu từ bán thành phẩm	804.510	42,53%	819.233	44,30%	609.915	47,06%
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ	90.741	4,80%	98.218	5,31%	73.857	5,70%
Doanh thu khác	31.610	1,67%	54.051	2,92%	47.532	3,67%
Tổng cộng	1.891.668	100%	1.849.208	100%	1.296.140	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2018; BCTC hợp nhất quý 3 năm 2019

Tương tự Doanh thu thuần của công ty mẹ, doanh thu thuần hợp nhất cũng tương đối ổn định qua các năm. Doanh thu thuần hợp nhất năm 2018 chỉ giảm 2% so với năm 2017. Trong 9 tháng đầu năm 2019, doanh thu thuần hợp nhất đạt 1.296 tỷ đồng, bằng 70% so với cả năm 2018.

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh gỗ và doanh thu từ bán thành phẩm (ván MDF) chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hàng năm của Tổng công ty. Các vị trí tiếp theo là doanh thu khai thác rừng trồng, doanh thu cung cấp dịch vụ (cho thuê văn phòng, cho thuê nhà, gia công gỗ). Doanh thu từ hoạt động khác (bán nhựa thông, kinh

doanh xăng dầu và một số hoạt động khác) chiếm tỷ trọng không đáng kể.

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh gỗ giảm 10% so với năm 2017. Doanh thu từ bán thành phẩm (ván MDF) tăng 1,8% so với năm 2017. Doanh thu từ cung cấp dịch vụ (cho thuê nhà, văn phòng và dịch vụ gia công gỗ) và các mảng hoạt động khác khá ổn định, không biến động nhiều qua các năm.

Cơ cấu tổng doanh thu của Tổng Công ty

Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018		9 tháng đầu năm 2019	
	Giá trị	%/TDT	Giá trị	%/TDT	Giá trị	%/TDT
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	730.064	60,61%	758.348	43,29%	472.749	42,95%
Doanh thu hoạt động tài chính	473.277	39,29%	992.678	56,67%	626.193	56,89%
Thu nhập khác	1.128	0,09%	767	0,04%	1.825	0,17%
Cộng	1.204.469	100%	1.751.793	100%	1.100.767	100%

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2018 và BCTC quý 3 năm 2019

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm các khoản: cổ tức, lợi nhuận được chia; lãi tiền gửi, tiền cho vay và lãi chênh lệch tỷ giá. Năm 2017 doanh thu hoạt động tài chính chiếm 39,29% tổng doanh thu và thu nhập khác. Sang năm 2018 và 2019, doanh thu hoạt động tài chính tăng chiếm xấp xỉ 57% tổng doanh thu và thu nhập khác. Nguyên nhân chủ yếu do:

- Trong năm 2017, các khoản cổ tức và lợi nhuận được chia từ các đơn vị thành viên chủ yếu có nguồn gốc từ lợi nhuận sau thuế của 04 tháng cuối năm 2016 của các đơn vị thành viên (do Tổng công ty chuyển sang hoạt động dưới hình thức cổ phần từ ngày 01/09/2016).
- Trong năm 2018, các khoản cổ tức và lợi nhuận được chia chủ yếu có nguồn gốc từ lợi nhuận sau thuế của cả năm 2017 của các đơn vị thành viên dẫn đến doanh thu hoạt động tài chính năm 2018 có chênh lệch tăng đột biến so với năm 2017 nêu trên.

Thu nhập khác chiếm tỷ trọng thấp không đáng kể.

Hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018		9 tháng đầu năm 2019	
	Giá trị	%/TDT	Giá trị	%/TDT	Giá trị	%/TDT
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.888.853	62,07%	1.847.736	65,29%	1.295.950	75,18%
Doanh thu hoạt động tài chính	125.607	4,13%	174.249	6,16%	158.727	9,21%
Lãi lỗ từ công ty liên doanh, liên kết	1.012.853	33,28%	761.540	26,91%	261.149	15,15%
Thu nhập khác	15.676	0,52%	46.346	1,64%	7.859	0,46%
Tổng cộng	3.042.989	100%	2.829.871	100%	1.723.685	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2018; BCTC hợp nhất quý 3 năm 2019

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm các khoản: lãi tiền gửi, tiền cho vay; cổ tức, lợi nhuận được chia; Lãi chênh lệch tỷ giá; Lãi từ thanh lý công ty liên kết và doanh thu hoạt động tài chính khác. Doanh thu hoạt động tài chính các năm theo báo cáo tài chính hợp nhất chiếm tỷ trọng từ 4-9% tổng doanh thu và thu nhập khác. Năm 2018, doanh thu hoạt động tài chính hợp nhất tăng 39% so với năm 2017 chủ yếu do tăng lãi tiền gửi và tiền cho vay.

Đối với chỉ tiêu Lãi lỗ từ công ty liên doanh, liên kết trên báo cáo hợp nhất năm 2018 giảm 251,31 tỷ đồng (tương đương giảm 24,8%) so với năm 2017 chủ yếu là do tình hình tiêu thụ sản phẩm hàng hóa năm 2018 của một số Công ty có vốn góp của Tổng công ty không thuận lợi dẫn đến doanh thu và lợi nhuận các Công ty này sụt giảm so với năm trước, có thể kể đến là Công ty cổ phần Giống lâm nghiệp Trung ương, Công ty cổ phần Thương mại Lâm sản Hà Nội, Công ty TNHH sản xuất Giấy Nguyên liệu Việt Nhật Vũng Áng... Tình hình tiêu thụ sản phẩm hàng hóa 9 tháng đầu năm 2019 của các công ty trên vẫn tiếp tục gặp khó khăn. Lãi lỗ từ công ty liên doanh, liên kết trong 9 tháng đầu năm nay đạt 261,14 tỷ đồng, giảm 51,45% so với cùng kỳ năm trước.

Thu nhập khác chiếm tỷ trọng không đáng kể. Tuy nhiên, năm 2018 thu nhập khác tăng 195% so với năm 2017 và chiếm 1,64% tổng doanh thu và thu nhập khác. Nguyên nhân là do trong năm 2018 công ty phát sinh khoản lãi từ giao dịch mua rẻ (32 tỷ đồng) từ việc nhận chuyển nhượng 60% vốn góp tại công ty TNHH Ván dán OJI Bắc Giang (là công ty liên kết của Tổng Công ty tại thời điểm trước khi chuyển nhượng).

Cơ cấu lợi nhuận gộp bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017			Năm 2018			9 tháng đầu năm 2019		
	Giá trị	tỷ trọng	%/ DTT	Giá trị	tỷ trọng	%/ DTT	Giá trị	tỷ trọng	%/ DTT
Lợi nhuận gộp hoạt động khai thác rừng trồng	294	0,31%	0,04%	7.132	8,28%	0,94%	4.974	5,69%	1,05%
Lợi nhuận gộp từ kinh doanh gỗ	14.784	15,50%	2,02%	9.188	10,66%	1,21%	11.765	13,46%	2,49%
Lợi nhuận gộp từ bán ván MDF	47.837	50,16%	6,55%	78.368	90,94%	10,33%	47.636	54,50%	10,08%
Lợi nhuận gộp dịch vụ	29.626	31,07%	4,06%	27.584	32,01%	3,64%	20.854	23,86%	4,41%
Lợi nhuận gộp dịch vụ gia công gỗ	733	0,77%	0,10%	646	0,75%	0,09%	168	0,19%	0,04%
Lợi nhuận gộp từ các hoạt động khác	2.089	2,19%	0,29%	(36.743)	-42,64%	-4,85%	2.008	2,30%	0,42%
Tổng cộng	95.363	100%	13,06%	86.175	100%	11,36%	87.404	100%	18,49%

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2018 và BCTC riêng quý 3 năm 2019

Lợi nhuận gộp năm 2018 giảm 9% so với năm 2017. Lợi nhuận gộp 9 tháng đầu năm 2019 bằng 101% so với cả năm 2018. Tỷ trọng lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần năm 2017 là 13,06% năm 2018 giảm còn 11,36% và 9 tháng đầu năm 2018 tăng lên 18,29%.

Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán ván MDF chiếm tỷ trọng cao nhất (50,16%) trong cơ cấu lợi nhuận gộp của công ty mẹ trong năm 2017 và tỷ lệ này tăng mạnh lên 90,94% trong năm 2018, đạt mức 78,36 tỷ đồng, tăng 30,53 đồng (tăng 66%) so với năm 2017. Chủ yếu là do năm 2018 Tổng công ty đưa vào hoạt động dây chuyền tách mù cao su dẫn đến khối lượng sản xuất và bán hàng tăng lên, giá thành giảm dẫn đến lợi nhuận gộp của hoạt động này tăng lên (như đã phân tích ở phần cơ cấu doanh thu). Lợi nhuận gộp tăng mạnh dẫn đến tỷ trọng lợi nhuận gộp/doanh thu thuần của hoạt động bán ván MDF của Tổng công ty tăng mạnh từ 6,55% (năm 2017) xuống 10,33% (năm 2018).

Lợi nhuận gộp từ dịch vụ cho thuê (cho thuê văn phòng, nhà) và dịch vụ gia công gỗ duy trì ổn định hàng năm, đứng vị trí thứ 2 với tỷ lệ 31%-32% trong cơ cấu lợi nhuận gộp trong 2 năm 2017-2018, đạt mức 28-30 tỷ đồng/năm. Tỷ trọng lợi nhuận gộp/doanh thu thuần của hoạt động dịch vụ của Tổng công ty năm 2017 là 4,16% và giảm nhẹ xuống 3,73% trong năm 2018.

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh gỗ chiếm tỷ lệ cao nhất tuy nhiên lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh gỗ chiếm vị trí thứ 3 tỷ lệ 15,5% trong cơ cấu lợi nhuận gộp của công ty trong năm

2017 và tỷ lệ này giảm xuống 10,66% trong năm 2018. Nguyên nhân do giá vốn hàng bán cao, trong năm 2018 Tổng công ty thay đổi chính sách cung ứng gỗ nguyên liệu cho một số công ty sản xuất dăm gỗ là công ty liên kết của Tổng công ty, đồng thời năm 2018 cũng là năm rất khó khăn đối với ngành kinh doanh dăm gỗ, giá dăm gỗ xuống thấp nhất trong các năm gần đây, dẫn đến tình hình kinh doanh gỗ nguyên liệu của Tổng công ty cũng bị ảnh hưởng, dẫn đến lợi nhuận gộp thấp hơn năm 2017 và tỷ trọng lợi nhuận gộp/doanh thu thuần của mảng kinh doanh gỗ của Tổng công ty giảm từ 2,02% (năm 2017) xuống 1,21% (năm 2018).

Lợi nhuận gộp từ khai thác rừng trồng chiếm tỷ lệ không quá cao trong cơ cấu lợi nhuận gộp của Tổng công ty (xấp xỉ 1%). Năm 2018, Lợi nhuận gộp từ khai thác rừng trồng của công ty mẹ tăng mạnh 6,8 đồng (tăng 24 lần) so với năm 2017, chủ yếu là do năm 2018 Tổng công ty khai thác một số diện tích rừng có giá vốn thấp hơn năm 2017, dẫn đến lợi nhuận gộp cao hơn năm 2017. Cũng chính vì vậy dẫn đến tỷ trọng lợi nhuận gộp/doanh thu thuần của mảng khai thác rừng trồng của Tổng công ty tăng từ 0,04% (năm 2017) lên 0,94% (năm 2018).

Lỗ từ hoạt động khác trong năm 2018 chủ yếu do trích lập dự phòng chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn – Dự án xây dựng, khai thác và kinh doanh tòa nhà hỗn hợp đa năng chung cư cao cấp tại địa chỉ số 55, đường 430 - Vạn Phúc, Hà Đông.

Hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi tiêu	Năm 2017			Năm 2018			9 tháng đầu năm 2019		
	Giá trị	tỷ trọng	%/ DTT	Giá trị	tỷ trọng	%/ DTT	Giá trị	tỷ trọng	%/ DTT
Lợi nhuận gộp hoạt động khai thác rừng trồng	45.955	17,25%	2,43%	51.156	19,98%	2,77%	39.910	18,48%	3,08%
Lợi nhuận gộp từ kinh doanh gỗ	25.902	9,72%	1,37%	20.888	8,16%	1,13%	16.595	7,68%	1,28%
Lợi nhuận gộp từ bán thành phẩm	145.025	54,44%	7,68%	169.384	66,15%	9,17%	114.128	52,84%	8,81%
Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ	45.328	17,02%	2,40%	43.928	17,16%	2,38%	33.728	15,61%	2,60%
Lợi nhuận gộp từ hoạt động khác	4.171	1,57%	0,22%	-29.309	-11,45%	-1,59%	11.641	5,39%	0,90%
Tổng cộng	266.382	100%	14,10%	256.048	100%	13,86%	216.001	100%	16,67%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2018; BCTC hợp nhất quý 3 năm 2019

Lợi nhuận gộp hợp nhất năm 2018 giảm 3,7% so với năm 2017. Lợi nhuận gộp hợp nhất 9 tháng đầu năm 2019 bằng 84% so với cả năm 2018. Tỷ trọng lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần năm 2017 là 14,1%, năm 2018 giảm xuống còn 13,86% và 9 tháng đầu năm 2019 tăng lên mức 16,67%.

Tương tự như cơ cấu lợi nhuận gộp của công ty mẹ, trong cơ cấu lợi nhuận gộp hợp nhất: lợi nhuận gộp từ bán thành phẩm chiếm tỷ trọng cao nhất (52-66%), tiếp đến là lợi nhuận gộp từ cung cấp dịch vụ và hoạt động khai thác trồng rừng (15-19%). Lợi nhuận gộp từ kinh doanh gỗ chỉ chiếm 7-9% lợi nhuận gộp hợp nhất và lợi nhuận gộp từ hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể.

5.3. Nguyên vật liệu

Hoạt động kinh doanh của Vinafor chủ yếu tập trung vào kinh doanh thương mại: bán gỗ tự nhiên nhập khẩu, gỗ nguyên liệu từ rừng trồng; và sản xuất ván sợi ép (MDF).

- Đối với hoạt động bán gỗ tự nhiên nhập khẩu, gỗ tự nhiên được nhập khẩu chủ yếu từ thị trường Châu Phi, một số loại từ thị trường Nam Mỹ thông qua các đối tác nước ngoài khá ổn định ở Trung Quốc, Châu Âu ...
- Gỗ nguyên liệu phục vụ các ngành chế biến gỗ, dăm giấy được trồng và khai thác chủ yếu tại các Công ty con do Vinafor sở hữu 100% vốn, nằm trên địa bàn 8 tỉnh trải dài từ Bắc đến Nam.
- Đối với hoạt động sản xuất ván sợi ép (MDF), nguyên vật liệu chủ yếu gồm gỗ nguyên liệu rừng trồng, Keo UF, Keo HMR; Màu xanh; Wax; trấu nghiền. Các nguyên vật liệu này chủ yếu được mua trong nước như gỗ nguyên liệu, keo; một số nhập khẩu từ Malaysia (Wax).
- Một số nhà cung cấp nguyên liệu chính cho sản xuất ván sợi ép (MDF):
 - + Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kong Chiêng
 - + Ban quản lý rừng phòng hộ Yahooi
 - + Công ty TNHH AICA Đồng Nai
 - + Công ty TNHH Hoá keo kỹ thuật
 - + Công ty GHE specialities SDN Bhd - Malaysia
- Nguồn nguyên vật liệu của Vinafor chịu ảnh hưởng bởi các nhân tố sau:
 - + Sự cạnh tranh cao của các đơn vị thu mua cùng sản phẩm trên địa bàn;
 - + Tính mùa vụ của nguyên vật liệu, đặc biệt là các sản phẩm từ rừng trồng;
 - + Ảnh hưởng của thiên tai (bão lụt, hạn hán, cháy rừng...);
 - + Biến động của tỷ giá ngoại tệ đối với các nguyên vật liệu nhập khẩu.

5.4. Chi phí hoạt động kinh doanh



Cơ cấu Giá vốn hàng bán của Tổng Công ty theo sản phẩm/dịch vụ

Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017			Năm 2018			9 tháng đầu năm 2019		
	Giá trị	tỷ trọng	%/ DTT	Giá trị	tỷ trọng	%/ DTT	Giá trị	tỷ trọng	%/ DTT
Giá vốn hoạt động khai thác rừng trồng	20.320	3,20%	2,78%	13.615	2,02%	1,80%	11.425	2,96%	2,42%
Giá vốn từ kinh doanh gỗ	357.809	56,37%	49,01%	336.797	50,04%	44,41%	190.709	49,49%	40,34%
Giá vốn từ bán thành phẩm (ván MDF)	209.502	33,01%	28,70%	230.530	34,25%	30,40%	146.289	37,96%	30,94%
Giá vốn cung cấp dịch vụ	37.037	5,84%	5,07%	42.295	6,28%	5,58%	31.355	8,14%	6,63%
Giá vốn dịch vụ gia công gỗ	5.052	0,80%	0,69%	3.587	0,53%	0,47%	1.519	0,39%	0,32%
Giá vốn khác	4.981	0,78%	0,68%	46.190	6,86%	6,09%	4.047	1,05%	0,86%
Tổng cộng	634.701	100%	86,94%	673.013	100%	88,75%	385.344	100%	81,51%

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2018 và BCTC riêng quý 3 năm 2019

Trong cơ cấu giá vốn, giá vốn từ hoạt động kinh doanh gỗ chiếm tỷ trọng cao nhất. Chiếm tỷ trọng lớn thứ 2 là giá vốn từ bán thành phẩm (ván MDF). Chiếm tỷ trọng lớn thứ 3 là giá vốn từ cung cấp dịch vụ (cho thuê văn phòng, cho thuê nhà, gia công gỗ). Vị trí thứ 4 là giá vốn từ hoạt động khai thác rừng trồng. Giá vốn hoạt động khác (bán nhựa thông, kinh doanh xăng dầu và một số hoạt động khác) chiếm tỷ trọng không đáng kể.

Tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần tăng từ 86,94% năm 2017 lên mức 88,75% năm 2018 do giá vốn hoạt động khác trong năm 2018 tăng mạnh hơn 9 lần so với năm 2017 do trích lập dự phòng chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn – Dự án xây dựng, khai thác và kinh doanh tòa nhà hỗn hợp đa năng chung cư cao cấp tại địa chỉ số 55, đường 430 - Vạn Phúc, Hà Đông.

Trong 9 tháng đầu năm 2019, giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần giảm xuống còn 81,51% do giá vốn hoạt động kinh doanh gỗ và giá vốn hoạt động khác giảm.

Hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017			Năm 2018			9 tháng đầu năm 2019		
	Giá trị	tỷ trọng	%/ DTT	Giá trị	tỷ trọng	%/ DTT	Giá trị	tỷ trọng	%/ DTT
Giá vốn hoạt động khai thác rừng trồng	61.424	3,78%	3,25%	55.097	3,46%	2,98%	49.971	4,63%	3,86%
Giá vốn từ kinh doanh gỗ	831.525	51,16%	44,02%	750.565	47,11%	40,62%	458.360	42,44%	35,37%
Giá vốn từ bán thành phẩm	659.485	40,58%	34,91%	649.848	40,79%	35,17%	495.786	45,9%	38,26%
Giá vốn cung cấp dịch vụ	45.413	2,79%	2,40%	54.290	3,41%	2,94%	40.129	3,72%	3,10%
Giá vốn hoạt động khác	27.440	1,69%	1,45%	83.359	5,23%	4,51%	35.892	3,32%	2,77%
Tổng cộng	1.625.286	100%	86,05%	1.593.160	100%	86,22%	1.080.139	100%	83,35%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2018; BCTC hợp nhất quý 3 năm 2019

Trong cơ cấu giá vốn giá vốn hợp nhất, giá vốn từ hoạt động kinh doanh gỗ chiếm tỷ trọng cao nhất. Chiếm tỷ trọng lớn thứ 2 là giá vốn từ bán thành phẩm (ván MDF). Chiếm tỷ trọng lớn thứ 3 giá vốn từ hoạt động khai thác rừng trồng. Tiếp theo là giá vốn từ cung cấp dịch vụ (cho thuê văn phòng, cho thuê nhà, gia công gỗ). Giá vốn hoạt động khác (bán nhựa thông, kinh doanh xăng dầu và một số hoạt động khác) chiếm tỷ trọng thấp nhất dưới 3%, tuy nhiên năm 2018 giá vốn hoạt động khác tăng mạnh chiếm do Công ty mẹ trích lập dự phòng chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn – Dự án xây dựng, khai thác và kinh doanh tòa nhà hỗn hợp đa năng chung cư cao cấp tại địa chỉ số 55, đường 430 - Vạn Phúc, Hà Đông.

Tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần năm 2017-2018 duy trì ổn định ở mức 86%. Tuy nhiên, trong 9 tháng đầu năm 2019, giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần (tính trên báo cáo hợp nhất) giảm xuống còn 83,35% do giá vốn hoạt động kinh doanh gỗ và giá vốn hoạt động khác giảm.

Chi phí hoạt động kinh doanh

Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018		9 tháng đầu năm 2019	
	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
Giá vốn hàng bán	634.701	86,94%	673.013	88,75%	385.344	81,51%
Chi phí tài chính	13.370	1,83%	2.923	0,39%	2.130	0,45%
Chi phí bán hàng	30.101	4,12%	30.474	4,02%	19.176	4,06%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	125.634	17,21%	167.254	22,06%	101.371	21,44%
Tổng cộng	803.806	110,10%	873.663	115,21%	508.021	107,46%

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2018 và BCTC riêng quý 3 năm 2019

Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2018 tăng gần 70 tỷ đồng (8,7%) so với năm 2017 do tăng giá vốn hàng bán và chi phí quản lý doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2018 tăng xấp xỉ 42 tỷ đồng (tương ứng 5,2%) so với năm 2017 chủ yếu là do trong năm 2018, Tổng công ty trích lập dự phòng một số khoản công nợ khó đòi

Hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018		9 tháng đầu năm 2019	
	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
Giá vốn hàng bán	1.625.286	86,05%	1.593.160	86,22%	1.078.717	83,24%
Chi phí tài chính	10.832	0,57%	13.236	0,72%	9.082	0,70%
Chi phí bán hàng	75.895	4,02%	74.282	4,02%	46.518	3,59%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	214.260	11,34%	245.820	13,30%	169.046	13,04%
Cộng	1.926.273	101,98%	1.926.498	104,26%	1.303.363	100,57%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2018; BCTC hợp nhất quý 3 năm 2019.

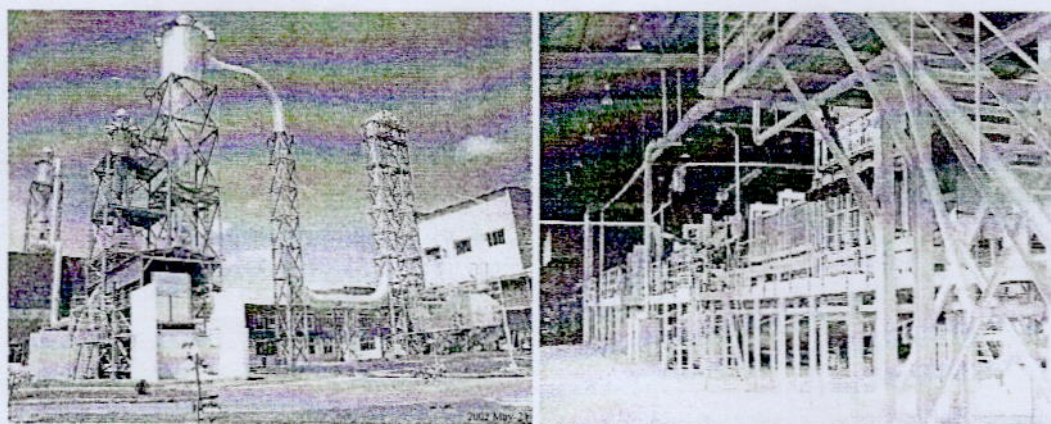
Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tổng doanh thu với tỷ trọng trên 80% so với doanh thu thuần. Chi phí giá vốn Tổng Công ty chiếm tỷ trọng ổn định qua các năm. Bên cạnh chi phí giá vốn, chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm tỷ trọng lớn thứ hai với tỷ trọng từ 8-10%. Chi phí tài chính và chi phí khác chiếm tỷ trọng thấp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2018 cao hơn 31.559.476.780 đồng so với năm 2017 chủ yếu là do năm 2018, Tổng công ty trích lập dự phòng một số khoản công nợ khó đòi.

5.5. Trình độ công nghệ:

Trong công tác quản lý rừng, Vinafor đã triển khai hệ thống quản lý rừng theo công nghệ số hóa, bản đồ số (Định vị GPS).

Đối với sản xuất ván MDF, ván bóc, Vinafor hiện sử dụng dây chuyền hiện đại được đầu tư theo công nghệ Châu Âu, Nhật Bản.



5.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Vinafor luôn từng bước chú trọng nghiên cứu phát triển sản phẩm mới chủ yếu là phát triển về cây giống với công nghệ nuôi cấy mô tế bào phục vụ cho trồng rừng nguyên liệu, cải thiện giống phát triển tốt và cho sản lượng cao hơn. Nghiên cứu một số sản phẩm ván MDF có chất lượng cao, phù hợp với nhu cầu thị trường.

5.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Từ năm 2010 Vinafor đã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2008 và xây dựng các quy trình, quy chế quản lý cho các phòng, ban nhằm đảm bảo, nâng cao chất lượng về quản lý hoạt động các công ty thành viên, công ty liên kết trong lĩnh vực lâm nghiệp, kinh doanh xuất nhập khẩu hàng lâm sản. Tháng 6/2017, Vinafor đã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015.

Vinafor cũng đã triển khai quản lý phát triển lâm nghiệp theo mô hình quản trị tiên tiến trên thế giới, quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn chứng chỉ FSC (Forest Stewardship Council) và đã được cấp chứng chỉ FSC cho 4 đơn vị lâm nghiệp với diện tích rừng được

cấp chứng chỉ trên 20.000 ha; trở thành một trong những đơn vị lâm nghiệp có rừng FSC lớn nhất cả nước (khi được cấp chứng chỉ FSC lần đầu, diện tích rừng FSC của Vinafor chiếm khoảng 44% diện tích rừng FSC của cả nước). Chứng chỉ FSC giúp người tiêu dùng phân biệt được nguồn gốc gỗ đạt tiêu chuẩn chất lượng rừng FSC. Đồng thời, các đơn vị này cũng đã được cấp chứng chỉ FSC-CoC (FSC-Chain of Custody Certificate) là tiêu chuẩn về chuỗi hành trình sản phẩm do Hội đồng quản trị rừng thế giới (FSC) cấp nhằm chứng minh các sản phẩm gỗ được giao dịch từ các nguồn gốc được chứng nhận, các sản phẩm này có thể được sử dụng nhãn FSC và dấu chứng nhận của Tổ Chức Chứng Nhận.

5.8. Hoạt động Marketing

Là đơn vị vừa hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại vừa hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến lâm sản nên Vinafor cũng chú trọng các hoạt động marketing.

Vinafor có website riêng (www.vinafor.com.vn) để giới thiệu và quảng bá về các sản phẩm, lĩnh vực kinh doanh của từng đơn vị thành viên và của toàn Vinafor. Thậm chí, tại một số đơn vị trực thuộc (Công ty MDF Vinafor Gia Lai, Khách sạn lâm nghiệp Đồ Sơn,...) cũng đã xây dựng trang website riêng.

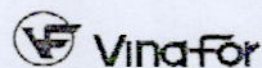
Ngoài ra, Vinafor cũng thường xuyên tham gia các hội chợ, triển lãm chuyên ngành nhằm xúc tiến thương mại với các đối tác, khách hàng.

Chính sách thị trường (chiến lược, giá và phương thức phân phối sản phẩm) của Vinafor là áp dụng linh hoạt các quy tắc thị trường, đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng, thường xuyên liên hệ với khách hàng nhằm thu thập các thông tin phản hồi để kịp thời hiệu chỉnh chính sách phù hợp với nhu cầu, sự phát triển của thị trường.

Hiện nay, Vinafor vẫn đẩy mạnh và tăng cường các hoạt động Marketing để tiếp tục là đơn vị dẫn dắt các doanh nghiệp khác phát triển bền vững và sử dụng nguồn tài nguyên rừng một cách hợp lý, hiệu quả.

5.9. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Tổng Công ty đã đăng ký nhãn hiệu, bản quyền và có logo riêng:



Hiện tại, Vinafor đang sở hữu và khai thác bản quyền, nhãn hiệu hàng hóa đã đăng ký tại

Cục sở hữu trí tuệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ cụ thể như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 62741 do Cục Sở hữu trí tuệ cấp theo quyết định số A4823/QĐ-ĐK ngày 16/05/2005 và gia hạn theo quyết định số 14114/QĐ-SHTT ngày 11/03/2014. Thời gian gia hạn đến ngày 13/08/2024.
- Bản quyền thương hiệu Vinafor bao gồm cả phần chữ “VINAFOR” và hình logo Vinafor áp dụng cho 05 nhóm sản phẩm 19, 20,35,40,44 thuộc bảng phân loại hàng hóa dịch vụ NICE 10 do Cục sở hữu trí tuệ thông báo áp dụng.

5.10. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.

TT	Tên Hợp đồng	Trị giá	Sản phẩm	Đối tác trong HĐ	Thời gian thực hiện HĐ
I	Hợp đồng mua hàng hóa				
1	HĐ mua gỗ Ogoumo tròn	442.261,23 Eur	Gỗ Ogoumo tròn	Wenzhou Timber Group	12/02/2019
2	HĐ mua gỗ Tali tròn	242.271,43 Eur	Gỗ Tali tròn	Twinbridge Timber LTD	21/05/2019
3	HĐ mua gỗ Bilimhga tròn	72.160,20Eur	Gỗ Bilimhga tròn	Les SRL	20/05/2019
4	HĐ mua gỗ Tali tròn	79.900,00 Eur	Gỗ Tali tròn	Cameroon United Forest	21/05/2019
5	HĐ mua gỗ Ogoumo tròn	59.843,61 Eur	Gỗ Ogoumo tròn	Wenzhou Timber Group	07/06/2019
6	HĐ mua gỗ Tali tròn	425.600,00 Eur	Gỗ Tali tròn	Les SRL	12/06/2019
7	HĐ mua gỗ Afromosia tròn	183.887,99Eur	Gỗ Afromosia tròn	Abu Taimur	28/06/2019
8	HĐ mua gỗ Tali tròn	245.750,00Eur	Gỗ Tali tròn	Les SRL	28/06/2019
II	Hợp đồng bán hàng hóa (ĐVT: đồng)				
1	Bán gỗ Ogoumo tròn	14.511.989.993	Gỗ Ogoumo tròn	Công ty TNHH Đầu tư TM & SX Hải Nam	12/06/2019

TT	Tên Hợp đồng	Trị giá	Sản phẩm	Đối tác trong HĐ	Thời gian thực hiện HĐ
2	Bán gỗ Tali tròn	4.592.438.664	Gỗ Tali tròn	Công ty TNHH Đầu tư TM & SX Hải Nam	02/04/2019
3	Bán gỗ Tali tròn	9.118.440.320	Gỗ Tali tròn	Công ty TNHH SX & TM Đức Tín	21/05/2019
4	Bán gỗ Okan tròn	5.012.709.640	Gỗ Okan tròn	Công ty TNHH Đầu tư TM & SX Hải Nam	09/04/2019
5	Bán gỗ Tali tròn	5.013.091.674	Gỗ Tali tròn	Công ty TNHH SX & TM Đức Tín	27/03/2019
6	Bán gỗ Tali tròn	3.321.120.000	Gỗ Tali tròn	Công ty TNHH Đầu tư TM & SX Hải Nam	21/05/2019
7	Bán gỗ Tali tròn	16.392.860.000	Gỗ Tali tròn	Công ty TNHH Đầu tư TM & SX Hải Nam	28/06/2019
8	Bán gỗ Afrosmosia tròn	5.688.682.032	Gỗ Afrosmosia tròn	Công ty TNHH SX & TM Đức Tín	28/06/2019
9	Bán gỗ Denya xẻ	5.457.678.757	Gỗ Denya xẻ	Công ty TNHH sản xuất & TM Đức Tín	23/07/2019
10	Bán gỗ Lim tròn	7.019.633.742	Gỗ Lim tròn	Công ty TNHH sản xuất & TM Đức Tín	30/07/2019
11	Bán gỗ Lim tròn	6.525.214.080	Gỗ Lim tròn	Công ty CP Plan ITC	27/09/2019

TT	Tên Hợp đồng	Trị giá	Sản phẩm	Đối tác trong HĐ	Thời gian thực hiện HĐ
12	Bán gỗ Lim tròn	5.888.371.500	Gỗ Lim tròn	Công ty CP Plan ITC	17/10/2019
13	Bán gỗ Lim tròn	5.361.088.920	Gỗ Lim tròn	Công ty TNHH sản xuất & TM Đức Tín	18/11/2019

Nguồn: Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần

6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty trong hai năm gần nhất và quý gần nhất

Kết quả hoạt động kinh doanh

Công ty mẹ

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng/giảm năm 2018 so với 2017	9 tháng đầu năm 2019
Tổng giá trị tài sản	4.280.765.298.645	4.546.992.388.270	6,22%	4.372.962.637.491
Vốn chủ sở hữu	3.890.494.204.645	4.347.762.739.285	11,75%	4.204.224.622.970
Doanh thu thuần	730.064.172.805	758.347.684.456	3,87%	472.748.507.808
Doanh thu hoạt động tài chính	473.277.077.088	992.678.345.220	109,75%	626.193.079.680
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	399.535.023.817	877.362.574.076	119,60%	590.920.808.939
Lợi nhuận khác	-1.867.963.605	-563.332.806	-69,84%	1.662.421.391
Lợi nhuận trước thuế	397.667.060.212	876.799.241.270	120,49%	592.583.230.330
Lợi nhuận sau thuế	388.383.387.448	854.129.257.052	119,92%	570.615.550.352
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	90,12%	81,95%	/	/

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2018 và BCTC riêng quý 3 năm 2019

Năm 2018, doanh thu thuần tăng 28 tỷ đồng (3,87%) và doanh thu từ hoạt động tài chính 2018 tăng mạnh (519 tỷ đồng, tương đương 109,7%) so với năm 2017 do các khoản cổ tức và lợi nhuận được chia chủ yếu có nguồn gốc từ lợi nhuận sau thuế của cả năm 2017 của các đơn vị thành viên nên lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng xấp xỉ 478 tỷ đồng (119,6%) so với năm 2017. Lợi nhuận trước thuế tăng 479 tỷ đồng (tăng 120,5%) so với năm 2017.

Trong 9 tháng đầu năm 2019, các mảng hoạt động kinh doanh của Tổng công ty duy trì ổn định, với mảng hoạt động chính vẫn là kinh doanh gỗ và bán thành phẩm (ván MDF). Tuy nhiên, do tình hình tiêu thụ sản phẩm hàng hóa của một số Công ty có vốn góp của Tổng công ty trong 9 tháng đầu năm 2019 không thuận lợi dẫn đến doanh thu và lợi nhuận các Công ty này sụt giảm so với năm trước, ảnh hưởng trực tiếp tới doanh thu hoạt động tài chính của công ty mẹ Doanh thu thuần đạt xấp xỉ 473 tỷ đồng, giảm 13,95% so với cùng kỳ năm trước; lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt xấp xỉ 591 tỷ đồng, giảm 31,88% so với cùng kỳ năm trước; Lợi nhuận sau thuế đạt xấp xỉ 571 tỷ đồng, giảm 33,37% so với cùng kỳ năm trước.

Hợp nhất**Kết quả hoạt động kinh doanh**

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng/giảm năm 2018 so với 2017	9 tháng đầu năm 2019
Tổng giá trị tài sản	5.707.183.927.327	5.996.450.805.643	5,07%	5.592.722.737.890
Vốn chủ sở hữu	4.995.298.308.608	5.451.928.658.887	9,14%	5.107.025.604.859
Doanh thu thuần	1.888.853.165.622	1.847.735.631.846	-2,18%	1.295.949.756.756
Doanh thu hoạt động tài chính	125.606.891.620	174.249.196.829	38,73%	158.726.771.170
Phần Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	1.012.853.065.775	761.540.040.848	-24,81%	261.149.052.846
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.101.029.708.330	857.027.240.847	-22,16%	412.462.583.314
Lợi nhuận khác	8.973.875.900	35.329.390.422	293,69%	1.314.170.992
Lợi nhuận trước thuế	1.110.003.584.230	892.356.631.269	-19,61%	413.776.754.306
Lợi nhuận sau thuế	1.091.188.265.660	860.497.527.815	-21,14%	384.674.098.075

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng/giảm năm 2018 so với 2017	9 tháng đầu năm 2019
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	1.080.300.360.843	849.491.021.919	-21,37%	376.926.803.805
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	10.887.904.817	11.006.505.896	1,09%	7.747.294.270
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	32,08%	81,35%	/	/

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2018; BCTC hợp nhất quý 3 năm 2019

Doanh thu thuần hợp nhất cả năm 2018 của Tổng công ty giảm 2% so với năm 2017 do giảm sút doanh thu hoạt động kinh doanh gỗ. Tuy nhiên, giá vốn hàng bán lại tăng do Tổng công ty trích lập dự phòng chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn – Dự án xây dựng, khai thác và kinh doanh tòa nhà hỗn hợp đa năng chung cư cao cấp tại địa chỉ số 55, đường 430 - Vạn Phúc, Hà Đông và trích lập dự phòng một số khoản công nợ khó đòi (cụ thể đã phân tích ở khoản mục chi phí nêu trên) khiến chi phí hoạt động kinh doanh tăng lên, trực tiếp ảnh hưởng tới lợi nhuận của Tổng công ty.

Ngoài ra, trong năm 2018, phần lãi lỗ từ công ty liên doanh, liên kết năm 2018 giảm mạnh so với năm 2017 chủ yếu là do tình hình tiêu thụ sản phẩm hàng hóa của một số Công ty có vốn góp của Tổng công ty không thuận lợi dẫn đến doanh thu và lợi nhuận các Công ty này sụt giảm mạnh so với năm trước.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2018 giảm xấp xỉ 244 tỷ đồng (tương ứng 22,2%) so với năm 2017.

Lợi nhuận khác năm 2018 tăng mạnh (tăng hơn 26 tỷ đồng, tương ứng 292% so với năm 2017) do trong năm 2018 công ty phát sinh khoản lãi từ giao dịch mua rẻ (32 tỷ đồng) từ việc nhận chuyển nhượng 60% vốn góp tại công ty TNHH Ván dán OJI Bắc Giang (là công ty liên kết của Tổng Công ty tại thời điểm trước khi chuyển nhượng).

Kết quả, lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2018 đạt 860 tỷ đồng giảm 231 tỷ đồng (tương ứng 21,2%) so với năm 2017

Trong 9 tháng đầu năm 2019, các mảng hoạt động kinh doanh của Tổng công ty duy trì ổn định, với mảng hoạt động chính vẫn là kinh doanh gỗ và bán thành phẩm (ván MDF). Tuy nhiên, do tình hình tiêu thụ sản phẩm hàng hóa của một số Công ty có vốn góp của Tổng công ty trong 9 tháng đầu năm 2019 không thuận lợi dẫn đến doanh thu và lợi nhuận các Công ty này sụt giảm so với năm trước, ảnh hưởng trực tiếp đến phần lãi lỗ từ các công ty liên doanh liên kết. Do đó, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng công ty đạt 412,4 tỷ đồng, giảm 32,7% so với cùng kỳ năm 2018. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 384,6 tỷ đồng, giảm 39% so

với cùng kỳ năm 2018.

❖ **Ý kiến của Công ty kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018**

Ngày 29/03/2019, Công ty TNHH Deloitte Việt Nam đã phát hành Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 của Vinafor.

Vấn đề cần nhấn mạnh tại BCTC kiểm toán năm 2018:

“Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 41 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, một công ty liên kết của Tổng công ty đã nhận được quyết định của Tổng cục Hải quan - Cục Kiểm tra sau thông quan về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Theo quyết định gần nhất, Công ty liên kết này bị truy thu hơn 59 tỷ đồng nghĩa vụ thuế phát sinh cho các giao dịch trong giai đoạn từ tháng 5 năm 2013 đến tháng 5 năm 2018 chủ yếu do những khác biệt trong việc phân loại mã HS của hàng nhập khẩu. Ban Giám đốc của công ty liên kết này tin tưởng rằng việc phân loại mã HS của công ty là phù hợp với thông lệ thị trường và quy định hiện hành. Do đó, Công ty này đang tiếp tục làm việc với Tổng cục Hải quan – Cục Kiểm tra sau thông quan về nghĩa vụ thuế ấn định nêu trên và tin tưởng khả năng Công ty không phải nộp số thuế nêu trên là cao. Ban Tổng giám đốc Tổng công ty xác định đây là khoản nghĩa vụ thuế tiềm tàng chưa chắc chắn của Công ty liên kết và theo đó chưa điều chỉnh tương ứng giá trị tài sản thuần của Công ty liên kết trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty. Việc điều chỉnh (nếu có) sẽ được Tổng công ty thực hiện khi có kết quả chính thức từ các cơ quan có thẩm quyền.”

Theo đó, tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, do đang làm việc với Tổng Cục Hải Quan nên Công ty liên kết trên chưa ghi nhận vào chi phí cho phần nghĩa vụ thuế phát sinh, giá trị 59 tỷ đồng, mặc dù đã tạm nộp cho Tổng Cục Hải quan số tiền này. Tới thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty liên kết này đã làm việc xong với Tổng cục Hải quan - Cục Kiểm tra sau thông quan và không phải nộp nghĩa vụ thuế ấn định nêu trên, giá trị 59 tỷ đồng. Theo đó, kết luận soát xét của đơn vị kiểm toán trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 không còn ý kiến nhấn mạnh về vấn đề này nữa.

6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty trong năm báo cáo

❖ **Nhận định chung**

Trong những năm qua, nền kinh tế Thế giới nói chung và kinh tế Việt nam nói riêng gặp nhiều khó khăn, bất ổn đặc biệt từ năm 2011 nền kinh tế toàn cầu bước vào cuộc khủng hoảng nợ công, cùng suy thoái kinh tế tại nhiều nền kinh tế đầu tàu như Châu Âu, Trung Quốc, Nhật Bản. Diễn biến này đã làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Vinafor trên cả phương diện đầu vào và đầu ra trong giai đoạn từ năm 2012 đến nay. Ngoài ra, trong thời gian này, khí hậu biến đổi không ngừng cùng với bão lụt, thiên tai cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Vinafor.

Mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thử thách nêu trên nhưng trong giai đoạn này, Vinafor vẫn có sự tăng trưởng ổn định, đã mạnh dạn đổi mới và áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị rừng trồng; phối hợp với chính quyền địa phương tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng; từng bước nâng cao đời sống người trồng rừng. Có được kết quả đó là do các yếu tố thuận lợi, khó khăn sau:

❖ **Thuận lợi**

- Được sự quan tâm của Chính phủ, các Bộ, ngành trung ương và chính quyền địa phương giao đất để phục vụ sản xuất kinh doanh; được hưởng những chính sách, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn.
- Chính quyền địa phương các cấp luôn tạo điều kiện cho các đơn vị thành viên của Vinafor xử lý, giải quyết các công việc có liên quan đến Tổng Công ty.
- Sở hữu sản phẩm ván MDF Gia Lai được sản xuất trên dây chuyền Châu Âu, một trong số ít loại ván chất lượng cao của Việt Nam, có đủ uy tín để các khách hàng nước ngoài chấp nhận làm nguyên liệu sản xuất sản phẩm cho họ; có đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật lành nghề, nhiều kinh nghiệm trong sản xuất ván MDF.
- Vinafor có diện tích rừng và đất rừng lớn, đặc biệt diện tích rừng được cấp chứng chỉ FSC lớn. Trên nhiều địa bàn, điều kiện đất đai, khí hậu thuận lợi, phù hợp với các loại cây trồng lâm nghiệp. Năng suất cây trồng của một số lô rừng đạt sản lượng cao.
- Luôn có sự đoàn kết của tập thể người lao động, thống nhất trong lãnh đạo Vinafor. Vinafor luôn chủ động trong sản xuất kinh doanh, chủ trương đầu tư thận trọng, tập trung phát triển các lĩnh vực kinh doanh chính.
- Nhu cầu về gỗ sản phẩm rừng trồng thay thế cho các sản phẩm gỗ tự nhiên ngày càng tăng.

❖ **Khó khăn**

- Các đơn vị lâm nghiệp của Vinafor hoạt động sản xuất diễn ra chủ yếu tại miền núi, vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn; dân cư địa phương phần lớn là đồng bào dân tộc thiểu số, trình độ văn hóa, dân trí thấp. Đa số diện tích đất lâm nghiệp tại các Công ty lâm nghiệp chưa được đo đạc, cắm mốc, lập bản đồ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên công tác quản lý bảo vệ rừng, đất rừng còn nhiều khó khăn, vẫn xảy ra tình trạng người dân địa phương lấn chiếm đất rừng của công ty làm ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- Giá gỗ nhập khẩu chịu tác động lớn của thị trường đặc biệt là sự biến động tỷ giá.

- Việc thu mua nguyên liệu rừng trồng cho sản xuất ván MDF chịu sự cạnh tranh cao với các nhà máy băm dăm trong khu vực. Mặt khác, nhiều nhà máy sản xuất chế biến hàng gỗ xuất khẩu bị thua lỗ nên thị trường tiêu thụ ván MDF bị thu hẹp, trong khi đó nhiều nhà máy sản xuất ván MDF giảm giá bán tạo ra thế cạnh tranh gay gắt.
- Đối với gỗ FSC, nhiều doanh nghiệp chế biến gỗ hiện nay chưa thâm nhập vào các thị trường khó tính đòi hỏi có chứng chỉ FSC, CoC nên nhu cầu tiêu thụ chưa cao, đặc biệt là thị trường phía bắc, trong khi nếu vận chuyển vào thị trường phía nam thì chi phí giá thành cao khó cạnh tranh.
- Việc khai thác thu hồi vốn rừng liên doanh gặp khó khăn do diện tích khai thác không tập trung, hộ nhận khoán khai thác nhỏ lẻ, tự ý khai thác hoặc ngăn cản Tổng công ty khai thác.
- Số lượng lao động nhiều nhưng chất lượng lao động chưa đồng đều.

7. Vị thế của Tổng công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

7.1. Vị thế của Tổng Công ty trong ngành

Trải qua hơn 20 năm hình thành và phát triển, Vinafor luôn giữ vị thế đứng đầu toàn ngành, dẫn dắt các doanh nghiệp khác phát triển bền vững và sử dụng nguồn tài nguyên rừng một cách hợp lý, hiệu quả.

Hiện tại, Vinafor đang quản lý diện tích rừng và đất rừng lớn trải khắp nhiều tỉnh thành trên cả nước. Bên cạnh việc trồng rừng tại các Công ty con và đơn vị trực thuộc, Vinafor còn hợp tác với nhiều đơn vị trồng rừng địa phương và hàng ngàn hộ dân theo các quy định hiện hành.

Công tác trồng rừng của Vinafor luôn hướng tới mục tiêu: Kinh tế - Xã hội - Môi trường, góp phần thực hiện chủ trương định canh, định cư, xoá đói, giảm nghèo cho đồng bào các dân tộc miền núi, phủ xanh đất trống đồi trọc, chống biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường. Tại nhiều địa phương, vai trò của Vinafor ngày càng tăng, góp phần tích cực, quan trọng vào sự phát triển kinh tế của địa phương.

Diện tích rừng trồng của Vinafor ngày càng mở rộng, chất lượng và sản lượng cây trồng ngày càng cao, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp sản xuất ván nhân tạo, đồ mộc, dăm gỗ xuất khẩu, gỗ trụ mỏ và các nhu cầu sử dụng gỗ khác của xã hội.

Năng suất rừng trồng của Vinafor ngày càng tăng. Những năm 2005 về trước năng suất rừng trồng bình quân đạt 50-60 m³/ha. Từ năm 2006 đến nay, rừng trồng của Vinafor đã được trồng bằng cây giống được tuyển chọn phù hợp với điều kiện lập địa từng vùng và áp dụng các biện pháp kỹ thuật thâm canh cao nên năng suất rừng đã được nâng lên, có những lô rừng đạt 120 m³/ha, đặc biệt là ở Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tư có những lô rừng đạt 140 m³/ha. Việc trồng rừng mang lại hiệu quả cao, đời sống của người dân trồng rừng ngày càng được nâng cao.

Là một trong ít đơn vị lâm nghiệp có diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền

vững FSC lớn trên cả nước, Vinafor luôn thường xuyên cải tiến, cập nhật, nâng cấp hệ thống quản lý rừng theo Tiêu chuẩn của Hội đồng quản trị rừng thế giới. Rừng của Vinafor luôn được tổ chức Woodmark đánh giá đạt kết quả duy trì chứng chỉ rừng FSC.

Bên cạnh đó, Vinafor luôn đi đầu trong việc áp dụng các ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực giống cây trồng, sản xuất và chế biến ván nhân tạo, đánh dấu sự chuyển đổi từ việc hoàn toàn sử dụng gỗ rừng tự nhiên sang chủ yếu sử dụng gỗ rừng trồng. Việc chuyển đổi này rất có ý nghĩa, góp phần phát triển và sử dụng rừng một cách hợp lý, hiệu quả và bền vững, tạo thêm các sản phẩm đa dạng, có giá trị cao thoả mãn nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Trong lĩnh vực hợp tác quốc tế, Vinafor đã liên doanh liên kết với các đối tác lớn và mang lại hiệu quả kinh tế cao như Tập đoàn Yamaha Motor (sản xuất xe máy), Tập đoàn Sojitz của Nhật Bản (chế biến dăm gỗ).

7.2. Triển vọng phát triển của ngành

Triển vọng phát triển

- Sau nhiều năm triển khai thực hiện đề án tái cơ cấu ngành lâm nghiệp theo Quyết định số 1565/QĐ-BNN-TCLN ngày 08/07/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ngành lâm nghiệp Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả rõ nét, bứt phá và khả quan. Hiệu quả hoạt động của ngành và thu nhập, đời sống của người dân đã được nâng cao. Theo đó, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất lâm nghiệp tăng nhanh, giai đoạn 2010 - 2013 bình quân là 4,82%, đến giai đoạn 2013 - 2018, trị số này đã đạt bình quân 6,5 %/năm, vượt mục tiêu đề ra hơn 2 %.
- Cùng đó, công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản phát triển mạnh với nhiều thành phần kinh tế, với trên 15.400 cơ sở kinh doanh gỗ và sản phẩm gỗ. Ngoài ra có hơn 340 làng nghề, mỗi năm tiêu thụ 4 triệu m³ gỗ nguyên liệu để sản xuất các sản phẩm cung cấp cho thị trường nội địa... Đến năm 2017, tổng diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững là gần 220.000 ha, chiếm 3,38% trong tổng số rừng sản xuất của cả nước. Năng suất, chất lượng và giá trị rừng trồng không ngừng được nâng lên.

Theo số liệu từ Tổng cục thống kê, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ năm 2018 tăng 16% so với năm 2017, đạt khoảng 8,91 tỷ USD. Việt Nam cũng đã vươn lên trở thành nước đứng thứ 5 trên thế giới, đứng thứ 2 châu Á và lớn nhất ASEAN về xuất khẩu gỗ.

Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang các thị trường chính trong năm 2018 đều tăng mạnh. Dẫn đầu là thị trường Mỹ với trị giá đạt gần 3,9 tỷ USD. Đứng thứ hai là thị trường Nhật Bản với 1,15 tỷ USD. Thị trường Trung Quốc cũng chiếm tỷ trọng lớn với 1,07 tỷ USD. Trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ cũng tăng mạnh tại thị trường các nước như Hàn Quốc (937 triệu USD), Liên minh EU (779 triệu USD), Úc (193 triệu USD), ASEAN (175 triệu USD)...

- Trong bối cảnh thương mại toàn cầu còn đối mặt với nhiều khó khăn, nhưng ngành gỗ của Việt Nam vẫn tiếp tục tăng trưởng khả quan và mở rộng ra nhiều thị trường mới.

Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương) dự báo xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ năm 2019 tiếp tục tăng trưởng khả quan nhờ các yếu tố hỗ trợ như gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam đang được nhiều thị trường nhập khẩu lớn quan tâm.

Trong đó, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang thị trường Mỹ tăng từ tháng 4/2018, nhu cầu nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Mỹ tiếp tục được cải thiện nhờ sự tăng trưởng của thị trường nhà ở và căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc.

Bên cạnh đó, ngành công nghiệp đồ nội thất của Việt Nam đang được các nhà nhập khẩu EU quan tâm, do sự phát triển về mặt kỹ thuật hơn so với các nước ở châu Á và ngày càng có khả năng cung cấp các sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng cao cho châu Âu với nguồn nguyên liệu được nhập khẩu chủ yếu từ Mỹ và châu Âu.

Hiệp định VPA/FLEGT (Hiệp định đối tác tự nguyện về thực thi luật lâm nghiệp, quản trị rừng và thương mại lâm sản) giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EU) đã được ký kết sẽ giúp tăng cường quản trị rừng, giải quyết tình trạng khai thác gỗ bất hợp pháp và thúc đẩy gỗ của Việt Nam xuất khẩu sang EU, mở rộng thị phần xuất khẩu gỗ của Việt Nam ra thị trường thế giới.

Ngoài EU, ngành gỗ Việt Nam sẽ có cơ hội mở rộng các thị trường khác như Canada, Úc, Nhật Bản, Mexico... thông qua Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) có hiệu lực từ 30/12/2018.

Nhật Bản là một thị trường lớn và phức tạp với mức độ cạnh tranh rất gay gắt. Tuy nhiên thực tế cho thấy một số doanh nghiệp Việt Nam đã tìm hiểu và thâm nhập được vào thị trường này, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của ngành gỗ sang thị trường Nhật Bản trong thời gian gần đây đã cải thiện rõ nét.

Tại thị trường Canada, thuế sẽ giảm ngay từ 9,5% xuống 0%, trừ ghế gỗ dùng trong nhà thuế giảm dần về 0% sau 6 năm khi CPTPP có hiệu lực. Hiện Việt Nam là nhà xuất khẩu lớn nhất về đồ gỗ phòng ngủ vào Canada (chiếm gần 30% thị phần). Canada đang tiêu thụ 166 triệu USD đồ gỗ của Việt Nam.

Trước đây, Mexico chưa phải là thị trường lớn của Việt Nam do mức thuế nhập khẩu áp cho đồ gỗ khá cao, dao động từ 10% tới 15%. Với CPTPP, các doanh nghiệp Việt Nam sẽ có cơ hội tham gia vào thị trường này sâu hơn vì cam kết xóa bỏ hoàn toàn thuế nhập khẩu cho toàn bộ các sản phẩm gỗ, ván sàn và đồ nội thất, ngoại thất với lộ trình 10 năm.

Dự kiến, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt từ 12-13 tỷ USD vào năm 2020, đưa Việt Nam vươn lên đứng thứ 4 thế giới về xuất khẩu gỗ.



- Cùng với việc đầu tư nâng cao chất lượng sản xuất, kinh doanh, các doanh nghiệp gỗ và chế biến lâm sản trong nước đang tích cực triển khai Đề án Phát triển kinh tế hợp tác và liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm trong lâm nghiệp. Đến nay, đã có nhiều mô hình hợp tác, liên kết giữa công ty chế biến, sản xuất sản phẩm đồ gỗ với người trồng rừng gỗ lớn, có chứng nhận quản lý rừng bền vững tại các tỉnh Yên Bái, Tuyên Quang, Quảng Trị... Đây là những tiền đề quan trọng để thúc đẩy ngành sản xuất gỗ và các sản phẩm gỗ phát triển ổn định, bền vững đáp ứng nhu cầu thị trường quốc tế.
- Nhận thức của người trồng rừng và doanh nghiệp chế biến, kinh doanh lâm sản đã thay đổi tích cực. Nhiều doanh nghiệp đã giảm dần tỷ lệ chế biến xuất khẩu dăm gỗ sang chế biến đồ gỗ xuất khẩu là chủ yếu nhằm nâng cao giá trị xuất khẩu. Một số tỉnh trọng điểm xuất khẩu dăm gỗ như Bình Định đã ban hành kế hoạch ngừng sản xuất dăm gỗ xuất khẩu từ năm 2015 nhằm tạo nguyên liệu gỗ lớn cho sản xuất, chế biến sản phẩm gỗ xuất khẩu.
- Công tác trồng rừng tiếp tục được các địa phương tích cực triển khai. Theo thống kê của Tổng cục Lâm nghiệp, trong 5 năm qua, bình quân mỗi năm cả nước trồng được 226.000 ha, trong đó rừng sản xuất khoảng 196.000 ha (chiếm 86,7%). Hàng ngàn chủ rừng tại 16 tỉnh thuộc 4 vùng là Đông Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Duyên hải miền Trung và Tây Nguyên đã triển khai trồng gần 2.000 ha rừng kinh doanh gỗ lớn. Hiện tổng diện tích rừng trồng kinh doanh gỗ lớn của cả nước lên đến 158.000 ha. Dự báo đến năm 2020, cả nước có khoảng 16,2 đến 16,5 triệu ha rừng, trong đó khoảng 50% là rừng sản xuất. Đây sẽ là nguồn nguyên liệu đầu vào rất quan trọng cho chế biến đồ gỗ xuất khẩu, dự báo đạt 5 triệu m³ sản phẩm vào năm 2020. Đời sống của người dân trồng rừng ngày càng được nâng cao.

Không ít thách thức

- Dù mở ra nhiều cơ hội cho xuất khẩu gỗ sang thị trường EU rộng lớn, song Hiệp định VPA/FLEGT cũng đặt ra không ít thách thức cho ngành công nghiệp chế biến, xuất khẩu gỗ. Khi Hiệp định này đi vào thực thi sẽ ảnh hưởng đến tất cả các doanh nghiệp, bởi Hiệp định yêu cầu và đề cao rất rõ tính minh bạch của nguyên liệu gỗ. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp phải sản xuất minh bạch hơn, tuân thủ đúng theo yêu cầu của Hiệp định. Dù doanh nghiệp dùng gỗ nguyên liệu trong nước hay nhập khẩu vẫn phải đảm bảo đầy đủ hồ sơ, giấy tờ chứng minh tính hợp pháp của gỗ. Như vậy, doanh nghiệp phải thực hiện nhiều công đoạn để đảm bảo truy xuất nguồn gốc gỗ rõ ràng, khiến gia tăng chi phí. Bởi vậy, để giữ vững thị trường xuất khẩu, bản thân các doanh nghiệp phải chuyên nghiệp hóa trong mọi khâu của quá trình sản xuất kinh doanh, nâng cao nhận thức cho đội ngũ lãnh đạo, công nhân để thực hiện nghiêm túc các yêu cầu đặt ra. Theo các chuyên gia, mặc dù ngành gỗ Việt Nam đã tạo được chỗ đứng nhất định về mặt kỹ thuật, nhưng các nhà nhập khẩu châu Âu hiện đang quan ngại về vấn đề truy xuất nguồn gốc gỗ, việc sử

- dụng hóa chất trong sản xuất, tính bền vững và đặc biệt là việc tuân thủ quyền sở hữu trí tuệ của các doanh nghiệp sản xuất tại Việt Nam. Việc truy xuất nguồn gốc gỗ và các trách nhiệm xã hội đang là vướng mắc lớn của doanh nghiệp gỗ Việt Nam. Nhất là hiện nay, quy trình chứng minh nguồn gốc gỗ hợp pháp còn phức tạp, kể cả các nguyên liệu gỗ trồng như: cao-su, tràm...
- Tương tự như Hiệp định VPA/FLEGT, muốn nhận được các ưu đãi về thuế theo Hiệp định CPTPP, hàng hóa Việt Nam phải đáp ứng được rất nhiều tiêu chuẩn khắt khe, nhiều rào cản kỹ thuật và yêu cầu xuất xứ nghiêm ngặt. Theo điều khoản về xuất xứ hàng hóa của CPTPP, các sản phẩm xuất khẩu phải có xuất xứ từ khối CPTPP mới được hưởng ưu đãi.
 - Mặt khác căng thẳng thương mại Mỹ - Trung làm phát sinh các rủi ro mới trong đầu tư và trong các mặt hàng xuất khẩu. Các dự án đầu tư FDI, đặc biệt là các dự án có nguồn vốn từ Trung Quốc đăng ký tại Việt Nam trong thời gian vừa qua có thể là chiến lược của các công ty của Trung Quốc trong việc né thuế xuất khẩu vào thị trường Mỹ. Sản phẩm sản xuất từ các dự án FDI này thực tế là sản phẩm của các công ty Trung Quốc, được dán nhãn mác Việt Nam, xuất khẩu vào Mỹ mà không phải chịu bất cứ mức thuế mới như các sản phẩm từ Trung Quốc. Đây là hành vi gian lận thương mại có thể gây ra những tổn hại lớn cho ngành gỗ Việt Nam. Chính phủ Mỹ đang thực hiện điều tra 5 công ty của Mỹ, nhập khẩu ván ép có nguồn gốc từ Trung Quốc, nhưng có chứng nhận xuất xứ của Việt Nam. Hành vi gian lận thương mại này có thể dẫn đến việc hạn chế mở rộng xuất khẩu mặt hàng gỗ/ván ép của Việt Nam vào thị trường Mỹ.
 - Việc xuất khẩu gỗ của các doanh nghiệp thời gian tới sẽ gặp nhiều khó khăn, nhất là sau sự kiện các Hiệp hội gỗ và lâm sản Việt Nam (VIFORES), Hội mỹ nghệ và chế biến gỗ TP Hồ Chí Minh (HAWA), Hiệp hội gỗ và lâm sản Bình Định (FPA Bình Định), Hiệp hội chế biến gỗ tỉnh Bình Dương (BIFA) ra tuyên bố chung về việc sử dụng, sản xuất và kinh doanh các mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ đồng thời ký cam kết nói không với gỗ bất hợp pháp. Việc loại bỏ các nguồn gỗ nguyên liệu có rủi ro cao là yêu cầu cấp bách giúp xây dựng và phát triển thương hiệu và hình ảnh của ngành gỗ, duy trì ổn định thị trường xuất khẩu đồng thời cũng là đòi hỏi bắt buộc đối với toàn ngành. Tuy nhiên, trước mắt, một số doanh nghiệp chưa chủ động được nguồn nguyên liệu để sản xuất sẽ gặp nhiều khó khăn, từ đó gây ảnh hưởng đến mục tiêu xuất khẩu của toàn ngành gỗ và lâm sản.
 - Theo VIFORES, hiện nay, các doanh nghiệp đang đối mặt với ít nhất năm thách thức về nguồn cung nguyên liệu gỗ, đó là thách thức về thu mua nguyên liệu gỗ rừng trồng, cạnh tranh đối với các thương nhân nước ngoài vào thu mua gỗ rừng trồng của Việt Nam, thách thức về chất lượng gỗ rừng trồng trong nước, thách thức về gỗ có chứng chỉ FSC và thách thức về nguồn cung trong tương lai gần. Việt Nam hiện nay mua gỗ từ hơn 70 quốc gia và

vùng lãnh thổ trên thế giới, việc tìm nhà cung cấp với gỗ có nguồn gốc hợp pháp cũng là một khó khăn. Với dự kiến đến năm 2020 đạt 12-13 tỷ đô-la Mỹ xuất khẩu thì nguồn cung gỗ nguyên liệu sẽ thêm 4 đến 5 triệu m³/năm. Do đó, VIFORES đề nghị Chính phủ xem xét cấm xuất khẩu gỗ tròn, gỗ hộp, gỗ xẻ thô,... như nhiều quốc gia trong khu vực đã làm, đồng thời đề nghị Bộ Tài chính xem xét hướng dẫn mức thuế xuất khẩu đối với một số mặt hàng gỗ. Cần tạo điều kiện cho các tổ chức kinh tế tham gia trồng rừng vay vốn dài hạn để duy trì rừng trồng đáp ứng được nhu cầu phát triển sản xuất đồ gỗ xuất khẩu.

- Bên cạnh đó, ngành công nghiệp gỗ vẫn gặp phải những khó khăn nhất định như: sự tăng trưởng chậm lại của nền kinh tế của Trung Quốc, sự bất ổn về tỷ giá của đồng VND so với đồng tiền các nước xuất khẩu chủ yếu, ảnh hưởng tiêu cực đến doanh thu xuất khẩu quy ra nội tệ của các doanh nghiệp; giá các nguyên nhiên liệu đầu vào như điện, nhân công tăng; thị trường trọng điểm chưa có những hợp đồng mua lớn ... Ngoài ra, ngành gỗ trong nước cũng đang bị thách thức từ hai vụ kiện chống bán phá giá tại thị trường Ấn Độ và Thổ Nhĩ Kỳ.
- Trong quá trình thực hiện triển khai tái cơ cấu vẫn còn tồn tại khá nhiều hạn chế, chưa đồng bộ. Đến nay, còn nhiều tỉnh, thành phố chưa phê duyệt Đề án/Kế hoạch hành động tái cơ cấu ngành lâm nghiệp tại địa phương mình.

Kết quả tái cơ cấu trong thực tiễn mới chỉ là bước đầu và chưa tạo được chuyển biến rõ rệt; tăng trưởng của ngành chưa thực sự vững chắc. Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất còn chậm; kinh tế hộ nhỏ lẻ ngày càng bộc lộ những hạn chế, yếu kém; lâm trường quốc doanh/công ty lâm nghiệp Nhà nước đổi mới tư duy còn chậm...

Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ những yếu kém chủ quan như nhận thức về tái cơ cấu ngành còn hạn chế; hoạt động nghiên cứu và chuyên gia khoa học kỹ thuật chưa đạt hiệu quả cao trong khi sự liên kết giữa các tổ chức và doanh nghiệp còn nhiều bất cập. Rất nhiều giống cây lâm nghiệp có hiệu quả đã được công bố, song keo và bạch đàn được ưa chuộng hơn vì nhu cầu thị trường.

7.3. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

Hiện nay tại HSX và HNX có nhiều công ty đang niêm yết hoặc đăng ký giao dịch có ngành nghề hoạt động tương tự với VINAFORE. Các chỉ tiêu về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp năm 2018:

Mã cổ phiếu	Tên công ty	Vốn điều lệ (đồng)	Doanh thu thuần (đồng)	Biên LNG (%)	Lợi nhuận sau thuế (đồng)	EPS (đ/cp)
TMW	Công ty cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai	46.623.500.000	223.139.874.046	11%	2.975.220.995	504
MDF	Công ty cổ phần Gỗ MDF VRG Quảng Trị	551.135.950.000	1.054.742.416.172	21%	29.523.494.863	455
FRM	Công ty cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn	117.000.000.000	86.815.878.061	25%	8.241.733.773	704
FRC	Công ty cổ phần Lâm đặc sản Xuất khẩu Quảng Nam	30.000.000.000	193.536.095.452	25%	12.986.613.085	4.329
GDT	Công ty cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành	163.941.760.000	389.834.231.070	36%	89.704.714.108	5.492
GTA	Công ty cổ phần Chế biến gỗ Thuận An	104.000.000.000	580.338.681.402	7%	17.401.139.909	1.770
VIF	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần	3.500.000.000.000	1.847.735.631.846	13,78%	860.497.527.815	2.307
Bình quân				20%		

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của các công ty (trường hợp có công ty con số liệu theo BCTC hợp nhất)

So với 6 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh gỗ hiện đang niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán nêu trên, VINAFOR có mức vốn điều lệ, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế lớn hơn so với nhiều doanh nghiệp cùng ngành. Biên lợi nhuận gộp của Tổng công ty với giá trị 13,78% nằm ở mức thấp hơn so với bình quân ngành (20%). EPS năm 2018 là 2.307 đồng/cổ phần (lớn hơn 4 doanh nghiệp khác). Điều này cho thấy hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.

7.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổng công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.

Sự phù hợp định hướng phát triển của Tổng Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới thể hiện qua việc Tổng Công ty luôn phân đầu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đặt ra trong mọi hoàn cảnh. Là một doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 51% vốn điều lệ, với đặc thù là trồng rừng gắn liền với việc quản lý sử dụng đất đai và chính sách cho đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn nên định hướng phát triển của Vinafor luôn hướng tới mục tiêu: Kinh tế - Xã hội - Môi trường, góp phần thực hiện chủ trương định canh, định cư, xoá đói, giảm nghèo cho đồng bào các dân tộc miền núi, phủ xanh đất trống đồi trọc, chống biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường của Đảng, Nhà nước; thực hiện đề án “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững” của Chính phủ.

Trong xu thế hội nhập với nền kinh tế thế giới, từ trước đến nay, Vinafor luôn luôn chú trọng, đẩy mạnh việc hợp tác quốc tế, đặc biệt với các đối tác nước ngoài truyền thống nhằm mở rộng thị trường xuất khẩu, nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh, cung ứng dịch vụ, tiếp cận với nguồn vốn, công nghệ, năng lực quản trị và tham gia các chuỗi toàn cầu. Bên cạnh đó, Vinafor luôn thường xuyên cải tiến, cập nhật, nâng cấp hệ thống quản lý rừng theo Tiêu chuẩn của Hội đồng quản trị rừng thế giới. Rừng của Vinafor luôn được tổ chức Woodmark đánh giá đạt kết quả duy trì chứng chỉ rừng FSC.

Nhờ vậy, Vinafor đã và đang từng bước trở thành doanh nghiệp đi đầu trong lĩnh vực lâm nghiệp (đầu tư thâm canh, trồng rừng gỗ lớn, năng suất cao...) trong nước và khu vực; là đầu tàu dẫn dắt các thành phần kinh tế trong ngành đầu tư vào kinh doanh rừng, tạo việc làm cho người lao động, người dân địa phương.

8. Chính sách đối với người lao động

8.1. Số lượng lao động trong Tổng Công ty

Tính đến ngày 30/09/2019, Tổng Công ty có 754 lao động.

Cơ cấu lao động của Tổng công ty

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ trọng (%)
Theo trình độ lao động		
Đại học và trên đại học	413	54,77%
Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	125	16,58%
Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	129	17,11%

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ trọng (%)
Lao động phổ thông	87	11,54%
Theo đối tượng lao động		
Lao động trực tiếp	440	58,36%
Lao động gián tiếp	314	41,64%
Theo giới tính		
Nam	550	72,94%
Nữ	204	27,06%
Tổng số lao động	754	100%

Nguồn: Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần

8.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp cho người lao động

❖ Chế độ làm việc

❖ Thời gian làm việc: Tổng Công ty tổ chức làm việc không quá 8h/ngày, 48 giờ trong tuần. Tùy theo điều kiện, khối lượng công việc và khả năng thực hiện nhiệm vụ mà tổ chức thực hiện chế độ làm việc 40 giờ trong tuần (05 ngày) nghỉ thứ 7, chủ nhật. Trường hợp phải làm thêm giờ do yêu cầu của sản xuất kinh doanh không quá 04 giờ trong một ngày và 200 giờ trong một năm.

❖ Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết, nghỉ ốm, thai sản ...theo quy định của pháp luật.

❖ **Điều kiện làm việc:** Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát, trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị hỗ trợ công việc. Những CBNV do yêu cầu công việc phải đi công tác xa sẽ được hưởng phụ cấp công tác phí và thanh toán các khoản phí đi lại, ăn ở theo quy định của pháp luật.

8.3. Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Tổng Công ty xây dựng quy định về tuyển dụng, đào tạo. Quy định về tuyển dụng, đào tạo được xây dựng phù hợp theo các yêu cầu của công việc. Việc tuyển dụng lao động được đảm bảo công khai, công bằng theo quy định của Nhà nước, của Tổng công ty. Tùy theo đặc điểm, điều kiện xã hội, yêu cầu sản xuất của Tổng Công ty trong từng thời kỳ, khi cần đối tượng lao động thiếu nghề nào Tổng Công ty sẽ tuyển dụng nghề đó.

8.4. Tiền lương, Bảo hiểm xã hội và phúc lợi:

CBNV của Tổng Công ty được tham gia và hưởng các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của pháp luật.

Việc trả lương của Tổng Công ty được thực hiện theo nguyên tắc phân phối theo lao động, gắn với trách nhiệm và hiệu quả công việc. Tổng Công ty luôn đảm bảo trả lương thỏa đáng đối với người có tài, có trình độ chuyên môn, kỹ thuật và đóng góp nhiều cho Tổng công ty, nhằm tạo động lực khuyến khích, động viên CBNV không ngừng phấn đấu tăng năng suất lao động, chất lượng công việc, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Việc trả lương, thưởng luôn đảm bảo dân chủ, công khai.

Ngoài ra, hàng năm Tổng công ty đều tổ chức cho người lao động đi thăm quan nghỉ mát, khám sức khỏe định kỳ hay tổ chức thăm hỏi người lao động những dịp đặc biệt.

Năm 2018 thu nhập bình quân của Cán bộ công nhân viên Tổng công ty khoảng 11,9 triệu đồng/ tháng.

9. Chính sách cổ tức

HĐQT Tổng Công ty xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình ĐHCĐ. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Tổng Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành. Tổng Công ty cũng xét tới kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức hợp lý.

Tổng Công ty chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ 01/09/2016. Tỷ lệ cổ tức trong những năm qua như sau:

	Năm 2017	Năm 2018
Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ	10% (bằng tiền)	20% (bằng tiền)
Thời gian thanh toán	Tháng 7/2018	Tháng 8/2019

10. Tình hình hoạt động tài chính

10.1. Các chỉ tiêu cơ bản

10.1.1. Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định của Tổng Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính theo quy định của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

❖ Tài sản cố định hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-50 năm
Máy móc, thiết bị	7-15 năm
Phương tiện vận tải	6-10 năm
Thiết bị văn phòng	3-7 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	4-8 năm

❖ **Tài sản cố định vô hình:**

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, cụ thể như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Quyền sử dụng đất	50 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Tài sản cố định vô hình khác	15 năm

❖ **Bất động sản đầu tư:**

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể:

Bất động sản đầu tư cho thuê	Số năm
Nhà cửa	3-37 năm
Máy móc thiết bị	5-15 năm

Tổng công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá và bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất không có thời hạn.

10.1.2. Mức lương bình quân của người lao động

Mức lương bình quân năm 2018 của người lao động của Tổng Công ty khoảng 11,9 triệu đồng/tháng.

10.1.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Tổng Công ty thanh toán đầy đủ các khoản nợ và khoản vay, không có nợ quá hạn. Tính đến thời điểm hiện tại, Tổng Công ty không có khoản nợ phải trả quá hạn nào đối với Ngân hàng, các nhà cung cấp.

10.1.4. Các khoản phải nộp theo luật định

Tổng Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế và các khoản phải nộp khác theo quy định của Nhà nước.

Số dư các loại thuế phải nộp theo luật định

Đơn vị: đồng

	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
Lợi nhuận nộp về ngân sách Nhà nước	41.325.809.797	0	0
Thuế GTGT	3.037.180.232	2.001.590.080	2.990.233.761
Thuế xuất, nhập khẩu	0	0	0
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.623.713.522	15.610.598.377	11.902.128.355
Thuế thu nhập cá nhân	834.893.297	526.638.853	152.787.803
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	3.610.475.083	1.851.155.540	6.026.235.089
Các loại thuế, phí và các khoản phải nộp NSNN khác	134.017.993.550	1.041.756.393	775.205.319
Tổng cộng	189.450.065.481	21.031.739.243	21.846.590.327

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2018; BCTC hợp nhất quý 3 năm 2019

10.1.5. Số dư các quỹ**Số dư các quỹ**

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	14.581.487.290	35.210.944.850	17.785.418.717
Quỹ đầu tư phát triển	4.988.594.208	41.161.985.950	164.376.094.315
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	48.852.285	48.852.285	48.852.285
Tổng cộng	19.618.933.783	76.421.783.085	182.210.365.317

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2018; BCTC hợp nhất quý 3 năm 2019

10.1.6. Tổng dư nợ vay:

Cơ cấu nợ vay

Đơn vị: đồng

	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	167.508.709.843	173.905.344.167	148.308.268.439
Vay ngắn hạn Ngân hàng	142.187.499.045	162.735.860.271	139.181.660.189
Vay cá nhân, vay khác (*)	7.650.000.000	7.951.700.000	8.551.700.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn phải trả	17.671.210.798	3.217.783.896	574.908.250
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14.040.289.058	12.408.165.160	15.718.323.660
Vay ngân hàng	13.570.553.058	11.938.429.160	15.398.039.160
Vay đối tượng khác (**)	469.736.000	469.736.000	320.284.500
Tổng cộng	181.548.998.901	186.313.509.327	164.026.592.099

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2018; BCTC hợp nhất quý 3 năm 2019

(*) Vay ngắn hạn đối tượng khác chủ yếu gồm các khoản vay cá nhân tín chấp của các công ty thành viên của Tổng công ty, thời hạn vay là 1 năm, lãi suất tương đương lãi suất tiền gửi ngân hàng, để phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh.

(**) Vay dài hạn đối tượng khác chủ yếu gồm các khoản vay Chi cục Phát triển Lâm nghiệp Lạng Sơn và Quỹ Dự án Nguyên liệu Giấy của các công ty con của Tổng công ty để trồng rừng, được ưu đãi nên lãi suất bằng 0%, trả nợ vào cuối chu kỳ trồng rừng.

10.1.7. Tình hình công nợ hiện nay

❖ Các khoản phải thu

Các khoản phải thu

Đơn vị: đồng

	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
Các khoản phải thu ngắn hạn	294.186.208.739	262.226.328.223	328.434.864.337
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	127.421.830.516	144.888.447.862	125.482.717.062

	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
Trả trước cho người bán ngắn hạn	59.241.324.798	15.858.907.707	54.052.265.750
Phải thu về cho vay ngắn hạn(*)	26.114.222.916	10.754.355.500	10.012.915.500
Phải thu ngắn hạn khác(**)	118.890.684.211	126.458.442.783	168.081.325.919
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(37.481.853.702)	(35.733.825.629)	(29.194.359.894)
Các khoản phải thu dài hạn	60.914.018.471	6.386.569.849	2.460.643.492
Phải thu về cho vay dài hạn (***)	53.907.578.334	21.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	7.027.440.137	6.386.569.849	2.460.643.492
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(21.000.000)	(21.000.000)	-
Tổng cộng	355.100.227.210	268.612.898.072	330.895.507.829

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018; BCTC hợp nhất quý 3 năm 2019

(*) Phải thu về cho vay ngắn hạn là khoản cho vay ngắn hạn các bên liên quan như sau:

Đơn vị: đồng

Đối tượng	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
Công ty TNHH Việt Nhật chế biến gỗ và dăm gỗ Dung Quất	2.592.659.500	9.271.475.500	9.271.475.500
Công ty TNHH Sản xuất nguyên liệu giấy Việt Nhật Vũng Áng	1.451.200.000	1.482.880.000	741.440.000
Công ty TNHH Ván dán OJI – Vinafor Bắc Giang (1)	22.070.363.416	0	0
Cộng	26.114.222.916	10.754.355.500	10.012.915.500

Ghi chú: (1) Số dư cho vay Công ty TNHH Ván dán OJI – Vinafor Bắc Giang đã được cân trừ do chuyển đổi thành công ty con trong năm 2018.

(**) Phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

Đơn vị: đồng

Nội dung	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	70.243.601.825	82.590.039.051	117.404.591.135
Phải thu các đội thi công và xưởng chế biến khai thác	20.567.177.327	18.392.758.872	18.180.977.512
Phải thu từ cổ phần hóa các công ty liên kết	4.132.441.494	4.183.789.314	3.944.355.094
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	135.000.000	2.477.783.509	5.349.264.188
Tạm ứng cho nhân viên	11.432.479.747	7.754.914.871	14.919.188.672
Ký cược, ký quỹ	745.294.420	1.444.216.506	673.712.000
Phải thu khác	11.634.689.398	9.614.940.660	7.609.237.318
Cộng	118.890.684.211	126.458.442.783	168.081.325.919

(***) Phải thu về cho vay dài hạn:

Đơn vị: đồng

Đối tượng	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
Phải thu cho vay các bên khác	21.000.000	21.000.000	0
Phải thu cho vay từ các bên liên quan, trong đó:	53.886.578.334	0	0
<i>Công ty TNHH Ván dán OJI - Vinafor Bắc Giang (1)</i>	<i>45.954.636.584</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
<i>Công ty TNHH Việt Nhật chế biến gỗ và dăm gỗ Dung Quất (2)</i>	<i>6.480.741.750</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
<i>Công ty TNHH Sản xuất nguyên liệu giấy Việt Nhật Vũng Áng (2)</i>	<i>1.451.200.000</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
Cộng	53.907.578.334	21.000.000	0

Ghi chú: (1) Số dư đã được cản trừ do chuyển đổi thành công ty con trong năm 2018

(2) Phân loại lại sang phải thu về cho vay ngắn hạn.

❖ Dự phòng phải thu khó đòi

Đơn vị: đồng

	31/12/2017		31/12/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	58.530.265.232	37.481.853.702	50.399.115.950	35.733.825.629
Phải thu về cho vay, trong đó:	24.663.022.916	10.097.932.781	9.271.475.500	6.145.209.114
- Công ty TNHH Ván dân Oji Vinafor Bắc Giang	22.070.363.416	10.097.932.781	0	0
- Công ty TNHH Việt Nhật chế biến gỗ và dăm gỗ Dung Quất	9.271.475.500	0	9.271.475.500	6.145.209.114
Phải thu khách hàng, trong đó:	6.671.408.579	5.922.167.603	16.872.508.871	7.961.498.587
- Công ty TNHH Phát triển thể thao Minh Tâm	711.527.019	711.527.019	711.527.019	711.527.019
- Công ty CP chuyển giao công nghệ Siêu Việt	751.594.067	751.594.067	751.594.067	751.594.067
Trả trước cho người bán	1.533.371.784	1.533.371.784	524.635.784	524.635.784
Phải thu các đội thi công, trong đó:	20.567.177.327	15.181.579.505	18.188.258.872	15.749.017.722
- Đội Ông Hoàng Cao Ly	3.066.975.553	3.066.975.553	3.066.975.553	3.066.975.553
- Đội Ông Lương Văn Nam	3.332.383.762	3.332.383.762	3.332.383.762	3.332.383.762
- Đội Ông Phạm Văn Đức	5.350.320.829	5.350.320.829	5.350.320.829	5.350.320.829
Phải thu về cổ phần hóa	3.325.963.389	3.309.753.389	3.415.397.609	3.293.543.389
Phải thu vốn đầu tư diện tích rừng trồng bị tổn thất	1.358.025.974	1.025.753.377	280.681.362	213.763.081

Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

	31/12/2017		31/12/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tạm ứng	109.584.048	109.584.048	109.584.048	109.584.048
Phải thu khác	301.711.215	301.711.215	1.736.573.904	1.736.573.904
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	21.000.000	21.000.000	21.000.000	21.000.000
Phải thu về cho vay	21.000.000	21.000.000	21.000.000	21.000.000

❖ Chi phí trả trước

Đơn vị: đồng

	31/12/2017	31/12/2018
Ngắn hạn	4.217.102.641	2.101.606.036
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.180.443.616	1.029.719.447
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.036.659.025	1.071.886.589
Dài hạn	44.365.805.863	65.242.035.270
Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	5.089.546.279	1.998.074.455
Giá trị tiềm năng phát triển và giá trị thương hiệu (*)	20.408.021.001	14.869.864.992
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	9.219.526.764	6.451.028.064
Tiền thuê đất trả trước (**)	8.230.927.443	39.678.007.029
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.417.784.376	2.245.060.730

(*) Đây là giá trị còn lại tại ngày cuối kỳ của lợi thế kinh doanh (bao gồm giá trị tiềm năng phát triển và giá trị thương hiệu) của Tổng công ty. Giá trị lợi thế kinh doanh này được đơn vị định giá xác định tại ngày 31/12/2014 và đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

(**) Trong đó, tiền thuê đất trả trước của Công ty TNHH Ván dán Vinafor Bắc Giang cho Khu công nghiệp Quang Châu, thành phố Bắc Giang tại 31/12/2018 là 34.018.259.157 đồng.

❖ Các khoản phải trả

Đơn vị: đồng

	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
Nợ ngắn hạn	680.813.315.268	508.586.664.386	446.943.216.578
Phải trả người bán ngắn hạn	84.279.847.233	97.293.356.300	72.051.916.460
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	30.584.951.046	13.542.810.205	21.235.395.415
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	189.450.065.481	21.031.739.243	21.846.590.327
Phải trả người lao động	50.042.948.456	71.476.974.701	65.942.317.796
Chi phí phải trả ngắn hạn (*)	20.975.779.928	22.761.679.560	16.213.366.824
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn (**)	7.597.829.324	7.980.702.580	11.223.316.005
Phải trả ngắn hạn khác (***)	115.791.696.667	65.283.112.780	72.036.626.595
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	167.508.709.843	173.905.344.167	148.308.268.439
Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	100.000.000	300.000.000
Quỹ khen thưởng phúc lợi	14.581.487.290	35.210.944.850	17.785.418.717
Nợ dài hạn	31.072.303.451	35.935.482.370	38.753.916.453
Phải trả dài hạn khác (****)	11.565.376.405	13.625.308.114	11.717.408.343
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14.040.289.058	12.408.165.160	15.143.415.410
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả (*****)	5.466.637.988	9.902.009.096	11.893.092.700
Tổng Cộng	711.885.618.719	544.522.146.756	485.697.133.031

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018; BCTC hợp nhất quý 3 năm 2019

(*) Chi phí phải trả ngắn hạn:

Đơn vị: đồng

Nội dung	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
Chi phí trồng, chăm sóc và khai thác rừng	2.902.085.463	7.130.569.457	8.646.054.894
Chi phí lãi vay	9.564.093.730	4.265.320.418	4.684.380.963
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	8.509.600.735	11.365.789.685	2.882.930.967
Cộng	20.975.779.928	22.761.679.560	16.213.366.824

(**) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn:

Đơn vị: đồng

Nội dung	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	6.491.053.315	6.828.476.955	10.906.382.558
Doanh thu chưa thực hiện khác	1.106.776.009	1.152.225.625	316.933.447
Cộng	7.597.829.324	7.980.702.580	11.223.316.005

(***) Phải trả ngắn hạn khác:

Đơn vị: đồng

Nội dung	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
Phải trả về cổ phần hóa	16.549.193.851	0	0
Kinh phí đo đạc cắm mốc cấp giấy chứng nhận QSDĐ (1)	49.681.062.867	19.681.062.867	19.681.062.867
Nhận ký quỹ, ký cược	2.268.257.329	12.373.644.526	17.240.499.229
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	193.109.959	192.818.359	16.530.000

Nội dung	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
Phải trả nhà thầu phụ	16.320.948.412	11.893.908.599	12.161.002.503
Tiền mượn Công ty cổ phần nguyên liệu giấy gỗ Tân Thành	1.655.500.000	0	0
Phải trả Ban thanh lý Xí nghiệp Phú Lâm	4.296.245.330	4.918.912.314	5.541.906.107
Khoản phải trả phải nộp khác	24.827.378.919	16.222.766.115	17.395.625.889
Cộng	115.791.696.667	65.283.112.780	72.036.626.595

Ghi chú: (1) Theo Quyết định số 1534/QĐ-BNN-QLDN ngày 3 tháng 5 năm 2018 về việc quyết toán vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, số tiền được giữ lại cho mục đích nêu trên là 20 tỷ đồng. Tổng công ty đang thực hiện việc đo đạc, cắm mốc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã thanh toán một số khoản làm giảm số dư khoản phải trả này.

(****) Phải trả dài hạn khác:

Đơn vị: đồng

Nội dung	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
Nhận ký quỹ, ký cược	11.565.376.405	12.164.275.858	11.717.408.343
Khác	0	1.461.032.256	0
Cộng	11.565.376.405	13.625.308.114	11.717.408.343

(*****) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả: là các khoản thuế thu nhập hoãn lại bị ảnh hưởng do điều chỉnh giảm các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng các khoản đầu tư tài chính cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

❖ **Hàng tồn kho**

Đơn vị: đồng

	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
Hàng tồn kho (*)	735.844.842.074	990.992.420.077	904.823.924.034
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (1)	(14.420.443.683)	(17.146.342.437)	(15.643.150.269)
Tổng Cộng	721.424.398.391	973.846.077.640	889.180.773.765

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018; BCTC hợp nhất quý 3 năm 2019

Ghi chú: (1) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho chủ yếu là dự phòng giảm giá chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, bao gồm dự phòng rủi ro đối với rừng sản xuất là rừng trồng.

(*) Chi tiết các khoản mục của Hàng tồn kho:

Đơn vị: đồng

Nội dung	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
Hàng mua đang đi đường	19.211.807.203	34.264.828.179	2.617.400.019
Nguyên liệu, vật liệu	91.739.971.829	105.827.558.975	109.036.062.514
Công cụ, dụng cụ	1.889.639.891	3.010.495.853	3.074.964.042
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	463.787.994.884	544.674.463.898	555.615.307.151
Dự án Eco Lakeview (1)	0	147.363.482.467	147.363.482.467
Dự án Vạn Phúc – Hà Đông (2)	54.109.090.909	0	0
Thành phẩm	42.425.874.335	68.667.830.502	55.738.904.123
Hàng hóa	62.680.463.023	87.183.760.203	31.377.803.718
Cộng	735.844.842.074	990.992.420.077	904.823.924.034

Ghi chú: (1) Đây là Dự án “Nhà ở cao tầng kết hợp dịch vụ thương mại – Eco Lakeview” tại số 32 Đại Từ, Hoàng Mai, Hà Nội được thực hiện theo các Hợp đồng hợp tác đầu tư giữa Tổng công ty, Công ty Sông Đà 1.01 và Công ty Cổ phần Ecoland. Theo đó, Tổng Công ty đã góp giá trị tài sản trên đất và lợi thế thương mại khu đất cho các đối tác trên để thực hiện Dự án và Tổng Công ty sẽ nhận về 8.600 m² diện tích sàn căn hộ hoàn thiện. Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019, Dự án đã hoàn thành và Tổng công ty đang thực hiện các thủ tục để nhận bàn giao căn hộ dự án.

(2) Trong năm 2018, Tổng công ty đã phân loại lại chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang tại Dự án Vạn Phúc – Hà Đông từ hàng tồn kho sang chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn.

❖ **Đầu tư tài chính ngắn hạn**

Đơn vị: đồng

	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.181.991.303.868	2.570.653.271.194	2.452.068.071.514

❖ **Đầu tư tài chính dài hạn**

Đơn vị: đồng

	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		215.000.000	215.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (1)	1.574.786.630.650	1.425.200.179.599	1.215.069.411.621
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (2)	19.636.832.789	22.609.706.961	24.471.822.416
Tổng Cộng	1.594.423.463.439	1.448.024.886.560	1.239.756.234.037

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018; BCTC hợp nhất quý 3 năm 2019

(1) **Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:**

Đơn vị: đồng

	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
Công ty CP 19/5 Doan Hùng	2.690.279.161	2.749.451.065	2.502.440.705
Công ty CP Cơ khí Lâm nghiệp Sài Gòn (*)	3.926.816.146	-	-
Công ty CP Cờ đỏ	14.535.618.958	14.874.972.103	13.599.748.757
Công ty CP Formach	243.100.958	510.687.718	510.997.700
Công ty CP Gỗ lạng Buôn Ma Thuật	2.922.845.976	2.912.902.314	2.863.623.263
Công ty CP Kon Hà Nừng	2.857.468.059	2.876.114.438	2.997.708.128

	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
Công ty CP Lâm đặc sản mây tre Xuất khẩu	1.206.559.426	1.227.641.816	1.218.432.206
Công ty CP Lâm nghiệp 19	11.756.991.663	11.000.041.001	10.366.831.002
Công ty CP Lâm nghiệp miền Đông (*)	6.217.744.953	6.031.497.556	-
Công ty CP Tư vấn và đầu tư Forprodex (**)	-	-	-
Công ty CP Sản xuất và Xuất nhập khẩu Lâm sản Naforimex Hà Nội	1.728.476.345	1.770.884.233	1.711.066.074
Công ty CP Thương mại Lâm sản Hà Nội	-	-	-
Công ty CP Xuất nhập khẩu Lâm nông sản Sài Gòn	3.211.311.180	3.609.556.238	3.477.660.028
Công ty CP Xây lắp Đầu tư phát triển Nông lâm nghiệp Việt Nam	689.897.304	806.380.943	867.570.498
Công ty CP Thương mại công nghiệp và chế biến gỗ (**)	-	-	-
Công ty CP Giống Lâm nghiệp Trung Ương (**)	-	-	-
Công ty Liên doanh Nuôi và Phát triển khí Việt Nam	20.495.396.020	20.538.445.223	19.969.169.381
Công ty TNHH Sản xuất nguyên liệu giấy Việt Nhật	28.157.217.911	34.559.505.112	38.751.217.918
Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	5.697.199.783	6.505.097.543	7.420.449.717
Công ty TNHH Sản xuất nguyên liệu giấy Việt Nhật Cái Lân	34.328.358.700	43.190.717.340	49.852.512.813
Công ty TNHH Sản xuất nguyên liệu giấy Việt Nhật Vũng Áng	14.834.433.370	12.771.863.378	12.965.325.141
Công ty TNHH Việt Thành Thái	46.231.914.521	46.869.411.278	46.362.963.574

	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
Công ty TNHH YAMAHA MOTOR Việt Nam	1.369.846.068.000	1.211.492.010.300	998.728.694.716
Công ty TNHH Việt Nhật Chế biến gỗ và dăm gỗ Dung Quất (**)	-	-	
Công ty cổ phần Nguyên liệu giấy và gỗ Tân Thành (***)	3.208.932.216	903.000.000	903.000.000
Tổng Cộng	1.574.786.630.650	1.425.200.179.599	1.215.069.411.621

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, BCTC quý 3 năm 2019

(*) Tính đến 30/9/2019, tỷ lệ lợi ích của Tổng công ty tại công ty này giảm xuống dưới 20% do cổ đông hiện hữu khác góp thêm vốn nên Tổng công ty đã phân loại khoản đầu tư tại công ty này thành đầu tư khác do không còn ảnh hưởng đến chính sách tài chính và hoạt động của công ty này.

(**) Khoản đầu tư tại công ty này đã được trích lập dự phòng toàn bộ, do đó giá trị ghi sổ bằng 0.

(***) Đây là khoản đầu tư được nắm giữ gián tiếp qua công ty con là Công ty cổ phần Sản xuất và Xuất nhập khẩu Lâm sản Sài Gòn.

(2) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

Đơn vị: đồng

	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
Công ty CP Chế biến Lâm sản Xuất khẩu Pisico Huế	3.776.758.327	3.776.758.327	3.776.758.327
Công ty CP Vinafor Quảng Trị	1.190.175.000	1.190.175.000	1.190.175.000
Công ty cổ phần Archi Reenco Hòa Bình	4.997.777.156	4.997.777.156	4.997.777.156
Công ty CP Cơ khí Lâm nghiệp Sài Gòn (*)	-	3.169.651.235	3.169.651.235
Công ty CP Lâm nghiệp miền Đông (*)	-	-	4.891.656.170

	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kông Chiêng	4.385.323.367	4.684.746.304	2.938.650.589
Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kông Chro	4.658.145.000	4.761.945.000	3.478.500.000
Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp EAKAR	600.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	28.653.939	28.653.939	28.653.939
Cộng	19.636.832.789	22.609.706.961	24.471.822.416

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, BCTC quý 3 năm 2019

Ghi chú: (*) Phân loại lại từ công ty liên kết

❖ **Giao dịch với các bên liên quan**

Đơn vị: đồng

	Năm 2017	Năm 2018
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	398.886.069.568	289.891.136.558
Công ty TNHH Sản xuất Nguyên liệu Giấy Việt Nhật Vũng Áng	60.219.486.776	35.665.979.700
Công ty TNHH Sản xuất Nguyên liệu Giấy Việt Nhật	314.003.825.222	240.937.388.068
Công ty Cổ phần Gỗ lạng Buôn Ma Thuật	5.627.825.195	6.507.051.597
Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam	6.847.044.859	6.322.380.829
Công ty TNHH Sản xuất Nguyên liệu Giấy Việt Nhật Cái Lân	937.125.000	454.700.000
Công ty Cổ phần Cờ Đỏ	71.754.545	3.636.364
Công ty TNHH Ván dán OJI - Vinafor Bắc Giang	9.566.893.180	-
Công ty Cổ phần 19/5 Đoàn Hùng	79.953.637	-
Công ty Cổ phần Sản xuất & Xuất nhập khẩu Lâm sản Naforimex Hà Nội	545.454	-

Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

	Năm 2017	Năm 2018
Công ty TNHH Việt Nhật Chế biến gỗ và dăm gỗ Dung Quất	1.531.615.700	-
Lãi cho vay	888.296.333	149.602.334
Công ty TNHH Sản xuất Nguyên liệu Giấy Việt Nhật Vũng Áng	216.887.522	149.602.334
Công ty TNHH Việt Nhật Chế biến gỗ và dăm gỗ Dung Quất	671.408.811	-
Thu nợ gốc và lãi vay	4.996.301.634	1.647.357.181
Công ty TNHH Việt Nhật Chế biến gỗ và dăm gỗ Dung Quất	3.304.856.763	-
Công ty TNHH Sản xuất Nguyên liệu Giấy Việt Nhật Vũng Áng	1.691.444.871	1.647.357.181
Mua hàng hóa và dịch vụ	685.938.873	7.611.275.790
Công ty TNHH Việt Nhật Chế biến gỗ và dăm gỗ Dung Quất	-	6.846.123.436
Công ty Cổ phần Kon Hà Nừng	538.712.868	605.595.600
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lâm sản Sài Gòn	91.959.650	159.556.754
Công ty Cổ phần Sản xuất và Xuất nhập khẩu Lâm sản Naforimex Hà nội	55.266.355	-

❖ Số dư chủ yếu với các bên liên quan:

Đơn vị: đồng

	Năm 2017	Năm 2018
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.563.785.137	1.560.529.208
Công ty TNHH Sản xuất nguyên liệu giấy Việt Nhật Vũng Áng	687.284.229	273.956.600
Công ty cổ phần Gỗ lạng Buôn Ma Thuột	812.757.758	530.514.520
Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam	74.053.568	116.009.345

	Năm 2017	Năm 2018
Công ty TNHH Sản xuất nguyên liệu giấy Việt Nhật	3.989.689.582	640.048.743
Phải thu ngắn hạn khác	4.051.053.264	4.036.752.796
Công ty cổ phần Lâm sản Forprodex	2.919.700.000	2.919.700.000
Công ty cổ phần Thương mại Lâm sản Hà Nội	935.811.705	935.811.705
Công ty TNHH Việt Nhật chế biến gỗ và dăm gỗ Dung Quất	150.968.178	154.233.190
Công ty TNHH Sản xuất nguyên liệu giấy Việt Nhật Vũng Áng	44.573.381	27.007.901
Phải trả người bán ngắn hạn	147.281.455	-
Công ty cổ phần Kon Hà Nừng	133.861.455	-
Công ty cổ phần Formach	13.420.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	1.656.510.793	-
Công ty cổ phần Nguyên liệu giấy và gỗ Tân Thành	1.655.500.000	-
Công ty TNHH Ván dán OJI - Vinafor Bắc Giang	1.010.793	-
Phải trả dài hạn khác	1.215.535.680	1.215.535.680
Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam	1.215.535.680	1.215.535.680

10.2. Chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Công ty mẹ

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2017	Năm 2018
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (=TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	lần	7,48	17,62
Hệ số thanh toán nhanh (=TSLĐ-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn	lần	6,64	15,09

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2017	Năm 2018
hạn).			
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,09	0,04
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	0,10	0,05
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (=Giá vốn Hàng bán/Hàng tồn kho bình quân).	vòng/năm	2,3	1,7
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	lần	0,16	0,17
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	53,20%	112,63%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	%	10,48%	20,74%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	8,75%	19,35%
Hệ số Lợi nhuận SXKD/Doanh thu thuần	%	54,73%	115,69%

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2017 và năm 2018

Hợp nhất

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2017	Năm 2018
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (=TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	lần	5,02	7,77
Hệ số thanh toán nhanh =(TSLĐ-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	lần	3,96	5,86

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2017	Năm 2018
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,12	0,09
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	0,14	0,10
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (=Giá vốn Hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng/năm	2,52	1,88
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	lần	0,34	0,32
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	57,77%	46,57%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	%	24,57%	16,48%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	19,80%	14,70%
Hệ số Lợi nhuận SXKD/Doanh thu thuần	%	58,29%	46,38%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2017 và năm 2018

11. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

11.1. Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Số CMND	Chức vụ	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Phí Mạnh Cường	024069000008	Chủ tịch HĐQT	2.500	0,000714%
2	Đỗ Ngọc Khanh	111535338	Phó Chủ tịch HĐQT	0	0%
3	Lê Quốc Khánh	015065000014	Thành viên HĐQT, TGD	0	0%
4	Nguyễn Tấn Cường	001062003380	Thành viên HĐQT	3.600	0,001028%

TT	Họ và tên	Số CMND	Chức vụ	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
5	Nguyễn Trung Kiên	011637440	Thành viên HĐQT, P.TGD	2.700	0,000771%

11.1.1. Ông Phí Mạnh Cường – Chủ tịch Hội đồng quản trịHọ và tên: **PHÍ MẠNH CƯỜNG**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 28/11/1969

Nơi sinh: Bắc Giang

Quốc tịch: Việt Nam

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 2401 Tòa nhà Vinhome, 54 Nguyễn Chí Thanh, TP. Hà Nội

Chứng minh thư nhân dân số: 024069000008

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú

và DLQG về dân cư

Ngày cấp: 14/3/2014

Điện thoại liên hệ: 024.36410799

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH YAMAHA Motor Việt Nam.

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
12/1989 - 5/1993	Công ty Lâm sản Đông Bắc	Kế toán
6/1993 - 8/1997	Học Đại học	Sinh viên
9/1997 - 10/2003	Công ty Thương mại Lâm sản Hà Nội	Cán bộ
11/2003 - 12/2004	Công ty Thương mại Lâm sản Hà Nội	Phó phòng Phòng Kế hoạch kinh doanh
01/2005 - 9/2007	Xí nghiệp Kinh doanh chế biến và Bảo quản nông lâm sản Hà Nội - Công ty Thương mại Lâm sản Hà Nội	Ủy viên HĐQT, Giám đốc
10/2007 - 3/2010	Xí nghiệp Kinh doanh chế biến và Bảo	Ủy viên HĐQT, Tổ đại diện

	quản nông lâm sản Hà Nội - Công ty Thương mại Lâm sản Hà Nội	vốn Nhà nước, Giám đốc xí nghiệp.
4/2010 - 05/2010	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam	Trợ lý Tổng giám đốc
06/2010 - 01/2011	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam	Trưởng phòng Kinh doanh Xuất nhập khẩu 3
02/2011 - 01/2012	- Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty TNHH một thành viên MDF Vinafor Gia Lai	- Trưởng Phòng Kinh doanh Xuất nhập khẩu 3 - Kiêm Chủ tịch Công ty MDF Vinafor Gia Lai
02/2012 - 9/2013	- Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty MDF Vinafor Gia Lai	- Trưởng Phòng Kinh doanh Xuất nhập khẩu 3 - Kiêm Giám đốc Công ty MDF Vinafor Gia Lai
10/2013 - 5/2014	- Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty MDF Vinafor Gia Lai	- Phó Tổng giám đốc kiêm Trưởng phòng Kinh doanh Xuất nhập khẩu 3 - Kiêm Giám đốc công ty MDF Vinafor Gia Lai
6/2014 - 9/2015	- Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty MDF Vinafor Gia Lai	- Phó Tổng giám đốc - Kiêm Giám đốc công ty MDF
10/2015 - 8/2016	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam	Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc
8/2016 - 6/2019	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần	Đại diện phần vốn Nhà nước, thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc.
3/2019 - nay	Công ty TNHH YAMAHA Motor Việt Nam	Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên
7/2019 - nay	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần (VINAFOR)	Đại diện phần vốn Nhà nước, Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 2.500 cổ phần, chiếm 0,000714% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 62.475.000 cổ phần, chiếm 17,85% vốn điều lệ. Trong đó, đại diện phần vốn nhà nước (do Ủy ban Quản lý Vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp làm đại diện chủ sở hữu): 62.475.000 cổ phần, chiếm 17,85% vốn điều lệ.
- Sở hữu của người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp	Ông Phí Mạnh Cường là đại diện phần vốn nhà nước (do Ủy ban Quản lý Vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp làm đại diện chủ sở hữu) tại VINAFOR	178.500.000	51%

Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao HĐQT, thù lao Đại diện theo ủy quyền tại các Doanh nghiệp có vốn của VINAFOR.

Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không.

11.1.2. Ông Đỗ Ngọc Khanh – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên: **ĐỖ NGỌC KHANH**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 06/8/1983

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Căn B1608, Tòa T&T Riverview, 440 Vĩnh Hưng, phường Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Chứng minh thư nhân dân số: 111535338 Nơi cấp: Công an Hà Nội; Ngày cấp 01/4/2011

Điện thoại liên hệ: 0243.6410799.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Phó Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần.

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Chánh Văn phòng HĐQT kiêm Giám đốc ban Pháp chế Công ty cổ phần Tập đoàn T&T
- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh.
- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu.
- Thành viên HĐQT Tổng công ty Lương thực Miền Nam – Công ty cổ phần.
- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đình Lập.

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2007 - nay	Công ty cổ phần Tập đoàn T&T	Chánh Văn phòng HĐQT kiêm Giám đốc ban Pháp chế
8/2015 - nay	Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh	Chủ tịch Hội đồng quản trị
9/2018 - nay	Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	Thành viên Hội đồng quản trị
10/2018 - nay	Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần	Thành viên Hội đồng quản trị
7/2019 - nay	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần (VINAFOR)	Phó chủ tịch HĐQT
7/2019 - nay	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đình Lập	Chủ tịch HĐQT Công ty

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.
- Sở hữu đại diện: 70.000.000 cổ phần, chiếm 20% vốn điều lệ. Trong đó, đại diện cho Công ty cổ phần Tập đoàn T&T: 70.000.000 cổ phần, chiếm 20% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty cổ phần Tập đoàn T&T	Ông Đỗ Ngọc Khanh là Chánh Văn phòng HĐQT kiêm Giám	140.000.000	40%

	đồng ban Pháp chế, đại diện vốn của Công ty cổ phần Tập đoàn T&T tại VINAFOR		
--	--	--	--

Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không.

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao HĐQT và thù lao Đại diện theo ủy quyền tại các Doanh nghiệp có vốn của VINAFOR.

Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không.

11.1.3. Lê Quốc Khánh – Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc

Họ và tên: **LÊ QUỐC KHÁNH**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 08/4/1965

Nơi sinh: Yên Bái

Quốc tịch: Việt Nam

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Phòng 1108, 172 Ngọc Khánh. Ba Đình, Hà Nội

Chứng minh thư nhân dân số: 015065000014 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư Ngày cấp: 27/8/2015

Điện thoại liên hệ: 024-36410799.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần.

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Vinafor Đà Nẵng.
- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Lâm sản Sài Gòn.
- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Liên hiệp xuất nhập khẩu và đầu tư Hà Nội
- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Du lịch thương mại Thanh Nhân

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1987-1991	Đại học Tài chính kế toán.	Giảng viên.
1991-1992	Công ty Thái Bình Dương.	Kế toán tổng hợp.
1992-1995	Liên hiệp xuất khẩu và đầu tư Hà Nội (Unimex).	Kế toán Tổng hợp.
1995-1996	Công ty Mỹ nghệ XK Hà Nội trực thuộc Unimex	Phó trưởng phòng kế toán.
01/1997-10/1997	Công ty Mỹ nghệ Xuất khẩu Hà Nội trực thuộc Unimex	Phó phòng - Phụ trách phòng Kinh doanh Xuất nhập khẩu 2.
1997-2005	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu than	Phó giám đốc.
2005 - nay	Công ty cổ phần du lịch thương mại Thanh Nhân	Chủ tịch HĐQT
2010 - 2015	Công ty cổ phần thuốc lá Cao Bằng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc.
11/2015 - 4/2016	Công ty cổ phần thuốc lá Cao bằng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc.
4/2016 - 5/2016	Công ty cổ phần Tập đoàn T&T	Giám đốc Tài chính.
5/2016 - 6/2019	Công ty Cổ phần liên hiệp Xuất nhập khẩu và đầu tư Hà Nội.	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc.
9/2016 - 6/2019	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần	Thành viên HĐQT.
7/2019 - nay	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần (VINAFOR)	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc.
6/2018 - nay	Công ty cổ phần Vinafor Đà Nẵng	Chủ tịch HĐQT
6/2018 - nay	Công ty cổ phần Sản xuất và Xuất nhập khẩu Lâm sản Vinafor Sài Gòn	Chủ tịch HĐQT

5/2016 - nay	Công ty Cổ phần liên hiệp Xuất nhập khẩu và đầu tư Hà Nội.	Thành viên HĐQT
--------------	--	-----------------

Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Sở hữu đại diện: 70.000.000 cổ phần, chiếm 20% vốn điều lệ. Trong đó, đại diện cho Công ty cổ phần Tập đoàn T&T: 70.000.000 cổ phần, chiếm 20% vốn điều lệ.
- Sở hữu của người có người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty cổ phần Tập đoàn T&T	Ông Lê Quốc Khánh là Đại diện vốn của Công ty cổ phần Tập đoàn T&T tại VINAFOR	140.000.000	40%

Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao HĐQT và thù lao Đại diện theo ủy quyền tại các Doanh nghiệp có vốn của VINAFOR.

Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không.

11.1.4. Ông Nguyễn Tấn Cường – Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: NGUYỄN TẤN CƯỜNG

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 26/10/1962

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 314, tổ dân phố số 4, phường La Khê, quận Hà

Đông, thành phố Hà Nội.

Chứng minh thư nhân dân số: 001062003380 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư Ngày cấp 22/7/2015

Điện thoại liên hệ: 024.36410799

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH một thành viên Lâm Nghiệp La Ngà - Đồng Nai.
- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Ba Tư.
- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Giống Lâm nghiệp Trung Ương.
- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Vinafor Tây Nguyên.
- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Gỗ lạng Buôn Ma Thuật.

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
4/1993 - 11/1995	Tổng công ty Cơ khí Lâm nghiệp	Chuyên viên phòng Tổ chức lao động
12/1995 - 5/1999	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam	Chuyên viên phòng Tổ chức lao động
6/1999 - 8/2010	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam	Phó phòng Tổ chức lao động
9/2010 - 8/2016	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam	Trưởng phòng Tổ chức lao động
8/2016 - nay	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần (VINAFOR)	Thành viên HĐQT
02/2012 - nay	Công ty cổ phần Gỗ Lạng Buôn Ma Thuật	Thành viên HĐQT

6/2012 - nay	Công ty cổ phần giống Lâm nghiệp Trung Ương	Chủ tịch HĐQT
3/2016 - nay	Công ty cổ phần Vinafor Tây Nguyên	Chủ tịch HĐQT
11/2018 - nay	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tơ	Chủ tịch HĐQT công ty
6/2019 - nay	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp La Ngà - Đồng Nai.	Chủ tịch HĐQT công ty

Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 3.600 cổ phần, chiếm 0,001028% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 53.550.000 cổ phần, chiếm 15,3% vốn điều lệ. Trong đó, đại diện phần vốn nhà nước (do Ủy ban Quản lý Vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp làm đại diện chủ sở hữu): 53.550.000 cổ phần, chiếm 15,3% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp	Ông Nguyễn Tấn Cường là đại diện phần vốn nhà nước (do Ủy ban Quản lý Vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp làm đại diện chủ sở hữu) tại VINAFOR	178.500.000	51%
Ngô Thị Thu Hiền	Vợ	3.500	0,001%

Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao HĐQT và thù lao Đại diện theo ủy quyền tại các Doanh nghiệp có vốn của VINAFOR.

Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không.

11.1.5. Ông Nguyễn Trung Kiên –Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc

Họ và tên: **NGUYỄN TRUNG KIÊN**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 04/12/1974

Nơi sinh: Tuyên Quang

Quốc tịch: Việt Nam

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số nhà 32/219 phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Chứng minh thư nhân dân số: 011637440 Nơi cấp: Hà Nội Ngày cấp: 16/2/2006

Điện thoại liên hệ: 024 36410799.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần.

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Việt - Nhật chế biến gỗ và dăm gỗ Dung Quất;
- Thành viên HĐQT Công ty TNHH sản xuất nguyên liệu giấy Việt Nhật - Cái Lân;
- Thành viên HĐQT Công ty TNHH nguyên liệu giấy Quy Nhơn;

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
9/1996 - 10/2001	Tổng công ty Lâm sản Việt Nam	Kế toán viên.
11/2001 - 9/2013	Công ty liên doanh Sản xuất nguyên liệu giấy Việt Nhật	Kế toán trưởng.
10/2013 - 2/2014		Trưởng phòng, trợ lý Hội đồng

	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam	thành viên.
3/2014 - 12/2014	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam	Trưởng phòng kế hoạch.
1/2015 - 4/2016	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam	Trưởng ban Trợ lý Thư ký HĐQT.
5/2016 - 8/2016	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam	Phó Tổng giám đốc.
9/2016 - 7/2017	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần (VINAFOR)	Phó Tổng giám đốc.
8/2017 - 6/2019	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần	Đại diện phần vốn nhà nước, Phó Tổng giám đốc.
7/2019 - nay	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần (VINAFOR)	Đại diện phần vốn nhà nước, Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc.
10/2013 - nay	Công ty TNHH Việt - Nhật chế biến gỗ và dăm gỗ Dung Quất	Chủ tịch Hội đồng thành viên.
12/2013 - nay	Công ty TNHH sản xuất nguyên liệu giấy Việt Nhật - Cái Lân	Thành viên Hội đồng thành viên.
07/2015 - nay	Công ty TNHH nguyên liệu giấy Quy Nhơn	Thành viên Hội đồng thành viên

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 2.700 cổ phần, chiếm 0,000771% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 35.700.000 cổ phần, chiếm 10,2% vốn điều lệ. Trong đó, đại diện phần vốn nhà nước (do Ủy ban Quản lý Vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp làm đại diện chủ sở hữu): 35.700.000 cổ phần, chiếm 10,2% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp	Ông Nguyễn Trung Kiên là đại diện phần vốn nhà nước (do Ủy ban Quản lý Vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp làm đại diện chủ sở hữu) tại VINAFOR	178.500.000	51%

Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao HĐQT, thù lao Đại diện theo ủy quyền tại các Doanh nghiệp có vốn của VINAFOR.

Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không.

11.2. Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Số CMND	Chức vụ	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Mạnh Hùng	013142016	Trưởng BKS	0	0%
2	Nguyễn Tân Việt	121017747	Thành viên BKS	4.100	0,001171%
3	Đào Quốc Hoàn	145782829	Thành viên BKS	3.600	0,001028%

11.2.1. Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Trưởng Ban Kiểm soát

Họ và tên: **NGUYỄN MẠNH HÙNG**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 18/9/1980

Nơi sinh: Yên Bái

Quốc tịch: Việt Nam

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Phòng 1640 tháp B, tòa nhà Golden Place, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Chứng minh thư nhân dân số: 013142016 Nơi cấp: Hà Nội Ngày cấp: 11/02/2009

Điện thoại liên hệ: 090 686 4567

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Trưởng ban kiểm soát Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần.

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

12/ Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
9/2003 - 5/2007	Công ty Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và kiểm toán AASC	Kiểm toán viên
6/2007 - 8/2014	Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán AASC	Phó trưởng phòng Kiểm toán
8/2014 - 12/2015	Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco	Phó trưởng phòng Kiểm toán nội bộ
9/2016 - nay	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần (VINAFOR)	Trưởng ban kiểm soát

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Thù lao BKS.

Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không.

11.2.2. Ông Nguyễn Tân Việt – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: NGUYỄN TÂN VIỆT

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 13/8/1960

Nơi sinh: Kim Liên - Nam Đàn - Nghệ An.

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 337 Hoàng Văn Thụ, Thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Chứng minh thư nhân dân số: 121017747 Nơi cấp: Bắc Giang Ngày cấp: 25/11/2011

Điện thoại liên hệ: 0916 329 494

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư lâm nghiệp - chuyên ngành Kinh tế lâm nghiệp, chứng chỉ Kế toán trưởng.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng phòng Pháp chế và Kiểm soát nội bộ Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần.

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Forprodex.
- Chủ tịch Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đông Bắc.

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2/1982 - 5/1985	Chiến trường Campuchia	Bộ đội
6/1985 - 10/1985	Kim Liên Nam Đàn Nghệ An	Bí thư đoàn Kim liên I

11/1985 - 3/1993	Xí nghiệp Xây lắp công trình	Cán bộ
4/1993 - 2/1995	Xí nghiệp Xây lắp công trình	Phụ trách Kế toán
3/1995 - 6/1998	Xí nghiệp Xây lắp công trình	Kế toán trưởng
7/1998 - 7/2000	Xí nghiệp Xây lắp công trình	Phó giám đốc
8/2000 - 8/2008	Công ty rừng Nguyên liệu Miền Bắc	Phó phòng Kế toán tài chính
9/2008 - 3/2010	Công ty Lâm nghiệp Đông Bắc	Phó phòng, phụ trách Phòng Kế toán tài chính
4/2010 - 12/2011	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đông Bắc	Kế toán trưởng
01/2012 - 5/2012	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đông Bắc	Phó giám đốc
6/2012 - 6/2013	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đông Bắc	Quyền giám đốc
7/2013 - 11/2013	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đông Bắc	Giám đốc
12/2013 - 8/2016	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam	Kiểm soát viên
10/2016 - 8/2017	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - CTCP	Thành viên Ban kiểm soát, Phụ trách phòng Đầu tư tài chính
9/2017 - nay	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – CTCP (VINAFOR)	Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng phòng Pháp chế và kiểm soát nội bộ
4/2017 - nay	Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Forprodex.	Thành viên HĐQT
10/2018 - nay	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đông Bắc	Chủ tịch công ty

Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 4.100 cổ phần, chiếm 0,001171% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Sở hữu của người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
Lê Thị Giang	Vợ	1.400	0,0004%

Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Lương, thù lao BKS.

Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không.

11.2.3. Ông Đào Quốc Hoàn – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: **ĐÀO QUỐC HOÀN**

Giới tính: Nam.

Ngày sinh: 08/6/1974.

Nơi sinh: Tỉnh Hưng Yên.

Quốc tịch: Việt Nam.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

Chứng minh thư nhân dân số: 145782829 Nơi cấp: Hưng Yên Ngày cấp: 18/6/2013

Điện thoại liên hệ: 024 36410799.

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên ban Kiểm soát, Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư.

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
-----------	--------------	---------

9/1999 - 4/2012	Bưu điện tỉnh Hưng Yên	Kế toán viên
5/2012 - 5/2013	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam	Chuyên viên phòng Kế toán tài chính
6/2013 - 10/2016	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam	Phó phòng Kế toán tài chính
11/2016 - nay	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - CTCP	Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư
7/2019 - nay	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - CTCP	Thành viên Ban kiểm soát

Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 3.600 cổ phần, chiếm 0,001028% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Sở hữu của người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
Nguyễn Thị Khanh	Vợ	6.300	0,0018%
Đào Mỹ Lương	Em gái	2.000	0,000571%

Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không.

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Lương, thù lao ban Kiểm soát.

Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

11.3. Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý

TT	Họ và tên	Số CMND	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Lê Quốc Khánh	015065000014	Thành viên HĐQT, TGD	0	0%
2	Nguyễn Trung Kiên	011637440	Thành viên HĐQT, Phó TGD	2.700	0,000771%

3	Ngô Thị Thúy Mai	033173001768	Phó TGD	4.000	0,001142%
4	Vũ Văn Hùng	031069000056	Phó TGD	3.700	0,001057%
5	Mai Quý Quảng	034084003544	Kế toán trưởng	14.400	0,004114%

11.3.1. Ông Lê Quốc Khánh – Tổng giám đốc

Xem trong mục Ông Lê Quốc Khánh – Thành viên Hội đồng quản trị.

11.3.2. Ông Nguyễn Trung Kiên – Phó Tổng Giám đốc

Xem trong mục Ông Nguyễn Trung Kiên – Thành viên Hội đồng quản trị

11.3.3. Bà Ngô Thị Thúy Mai – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : **NGÔ THỊ THÚY MAI**

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 30/9/1973.

Nơi sinh: Hưng Yên.

Quốc tịch: Việt Nam.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: BT13 - dự án C37 Bắc Hà - 17 Tổ Hữu, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội .

Chứng minh thư nhân dân số: 033173001768 Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL và DLQG về dân cư
Ngày cấp: 20/3/2017

Điện thoại liên hệ: 024.36410799

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Lâm Nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần.

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH YAMAHA Motor Việt Nam.

Quá trình làm việc:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
6/1994 - 6/1995	Công ty Xuất nhập khẩu Nông thổ sản - Bộ thương mại tại TP Hồ Chí Minh	Nhân viên
6/1995 - 4/1996	Công ty Khai thác chế biến Lâm sản Gia Nghĩa thuộc Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam.	Nhân viên
4/1996 - 12/2006	Tổng công ty Lâm sản Việt Nam	Chuyên viên Văn phòng

12/2006 - 5/2008	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam	Phó Chánh Văn phòng
5/2008 - 01/2009	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam	Quyền Chánh Văn phòng
2/2009 - 9/2013	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam	Chánh Văn Phòng
10/2013 - 8/2016	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt nam	Phó Tổng giám đốc
9/2016 - nay	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần (VINAFOR)	Phó Tổng giám đốc
01/2014 - nay	Công ty TNHH YAMAHA Motor Việt Nam	Thành viên HĐQT

Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 4.000 cổ phần, chiếm 0,001142% vốn điều lệ.
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Sở hữu của người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
Ngô Gia Thắng	Em trai	2.100	0,0006%

Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không.

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Lương, thù lao Đại diện theo ủy quyền tại các Doanh nghiệp có vốn góp của VINAFOR.

Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không.

11.3.4. Ông Vũ Văn Hường – Phó Tổng giám đốc

Họ và tên: **VŨ VĂN HƯỜNG**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 03/10/1969

Nơi sinh: Kiến Thụy - Hải phòng.

Quốc tịch: Việt Nam.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: P406 - C8 - Quỳnh Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Chứng minh thư nhân dân số: 031069000056
DLQG về dân cư Ngày cấp: 30/6/2014

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và

Điện thoại liên hệ: 024.36410799

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Kỹ sư Lâm sinh.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần.

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Giống Lâm nghiệp vùng Tây Nguyên.

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
4/1998 - 6/2005	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam	Chuyên viên phòng Lâm nghiệp
7/2005 - 5/2009	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam	Phó phòng Lâm nghiệp
6/2009 - 4/2012	Công ty ván dăm Thái nguyên	Giám đốc
5/2012 - 3/2019	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam	Trưởng phòng Lâm nghiệp
9/2016 - 3/2019	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam	Trưởng phòng Lâm nghiệp kiêm thành viên ban Kiểm Soát
15/3/2019 - nay	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần. (VINAFOR)	Phó Tổng giám đốc
8/2018 - nay	Công ty cổ phần Giống Lâm nghiệp vùng Tây Nguyên	Chủ tịch HĐQT

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 3.700 cổ phần chiếm 0,001057% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Lương, thù lao Đại diện theo ủy quyền tại các Doanh nghiệp có vốn của VINAFOR.

Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không.

11.3.5. Ông Mai Quý Quảng – Phụ trách Kế toán

Họ và tên: **MAI QUÝ QUẢNG**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 01/8/1984

Nơi sinh: Đông La - Đông Hưng - Thái Bình.

Quốc tịch: Việt Nam

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Chung cư Sông Nhuệ, phường Kiến Hưng, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Chứng minh thư nhân dân số: 034084003544 Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Ngày cấp: 11/11/2015

Điện thoại liên hệ: 024.36410799

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Kế toán trưởng - Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần.

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Formach

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/2006 - 12/2008	Công ty cổ phần Phần mềm quản lý doanh nghiệp	Nhân viên phòng triển khai
01/2009 - 02/2015	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam	Chuyên viên phòng Kế toán tài chính
03/2015 - 12/2017	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam	Phó phòng Kế toán tài chính
01/2018 – 30/11/2019	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần.	Phụ trách kế toán
01/12/2019 - nay	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần (VINAFOR)	Kế toán trưởng

5/2012 - nay	Công ty cổ phần Formach	Thành viên Ban kiểm soát
--------------	-------------------------	--------------------------

Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Sở hữu cá nhân: 14.400 cổ phần, chiếm 0,004114% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 26.775.000 cổ phần, chiếm 7,65% vốn điều lệ. Trong đó, đại diện phần vốn nhà nước (do Ủy ban Quản lý Vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp làm đại diện chủ sở hữu): 26.755.000 cổ phần, chiếm 7,65% vốn điều lệ.
- Sở hữu của người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp	Ông Mai Quý Quảng là đại diện phần vốn nhà nước (do Ủy ban Quản lý Vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp làm đại diện chủ sở hữu) tại VINAFOR	178.500.000	51%

Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Lương, thù lao Đại diện theo ủy quyền tại các Doanh nghiệp có vốn góp của VINAFOR.

Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không.

12. Tài sản

Tài sản cố định

Đơn vị tính: đồng

Chi tiêu	31/12/2018			30/09/2019		
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/NG	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/NG
Tài sản cố định hữu hình	1.013.468.364.968	310.530.481.309	30,64%	1.018.837.153.383	283.213.280.977	27,80%
Nhà cửa, vật kiến trúc	443.298.976.444	197.398.952.380	44,53%	445.421.209.077	183.262.176.118	41,14%
Máy móc thiết bị	449.104.504.648	84.973.675.816	18,92%	450.224.281.399	79.723.878.874	17,71%
Phương tiện, vận tải	50.351.690.077	15.806.402.099	31,39%	52.402.805.668	14.541.304.834	27,75%
Thiết bị văn phòng	63.352.831.930	10.962.027.717	17,30%	63.387.048.530	4.606.671.546	7,27%
Tài sản cố định khác	7.360.361.869	1.389.423.297	18,88%	7.401.808.709	1.079.249.605	14,58%
Tài sản cố định vô hình	46.916.251.080	21.278.645.458	45,35%	46.916.251.080	20.728.580.812	44,18%
Quyền sử dụng đất	22.665.199.898	19.174.467.642	84,60%	22.665.199.898	18.875.040.924	83,28%
Phần mềm máy tính	1.351.600.000	771.080.693	57,05%	1.351.600.000	596.406.833	44,13%
Tài sản cố định vô hình khác	22.899.451.182	1.333.097.123	5,82%	22.899.451.182	1.257.133.055	5,49%
Bất động sản đầu tư (*)	225.614.221.363	161.665.646.020	71,66%	225.614.221.363	154.088.743.927	68,30%
Nhà cửa	172.429.935.421	136.144.966.562	78,96%	172.429.935.421	132.464.763.554	76,82%

Chỉ tiêu	31/12/2018			30/09/2019		
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/NG	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/NG
Quyền sử dụng đất	2.330.218.560	2.330.218.560	100,00%	2.330.218.560	2.330.218.560	100,00%
Máy móc, thiết bị	50.854.067.382	23.190.460.898	45,60%	50.854.067.382	19.293.761.813	37,94%
Tổng Cộng	1.285.998.837.411	493.474.772.787	38,37%	1.291.367.625.826	458.030.605.716	35,47%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2018, BCTC hợp nhất quý 3 năm 2019

(*) Doanh thu Tổng công ty thu được trong năm 2018 từ dịch vụ cho thuê bất động sản đầu tư (toàn bộ bất động sản đầu tư được cho thuê theo hình thức thuê hoạt động) là 76.074.847.679 đồng (năm 2017: 67.964.839.782 đồng). Chi phí trực tiếp cho hoạt động kinh doanh phát sinh từ bất động sản đầu tư trong năm 2018 là 46.909.642.219 đồng (năm 2017: 36.671.193.886 đồng).

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 – Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2018 cần được trình bày trên thuyết minh BCTC. Tuy nhiên Tổng công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2018 chưa được trình bày trên thuyết minh BCTC hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Tổng công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Tổng công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

Nguyên giá của Bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2018 bao gồm các bất động sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn cho thuê với giá trị là 4.984.620.582 đồng (tại ngày 31/12/2017 là 2.747.154.048 đồng)

Tài sản dở dang dài hạn

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	147.363.482.467	11.000.000.000	11.000.000.000
Dự án Vạn Phúc, Hà Đông (i)	0	54.109.090.909	54.109.090.909
Dự phòng Dự án Vạn Phúc, Hà Đông		(43.109.090.909)	(43.109.090.909)
Dự án Eco Lakeview (ii)	147.363.482.467	0	0
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	19.965.378.217	12.053.255.460	11.398.654.206
Tòa nhà văn phòng tại số 60 Hùng Vương, TP Đà Lạt	8.703.747.275	0	0
Khu du lịch sinh thái nhà hàng Đông Bắc	6.865.839.341	6.865.839.341	6.865.839.341
Công trình cải tạo sửa chữa Khách sạn Đồ Sơn	924.221.442	0	0
Xây dựng cơ bản dở dang khác	2.152.749.078	2.132.867.038	1.119.765.395
Công trình nhà đội Cồn Phạc, Khu Vuông	224.289.000	1.960.017.000	0
Chi phí ĐTXD CT VP đại diện tại Quy Nhơn	960.198.445	960.198.445	960.198.445
Dự án thay thế lò hơi	134.333.636	134.333.636	134.333.636
Dự án nâng cấp xí nghiệp Mỹ Nguyên			913.465.000
Tổng Cộng	167.328.860.684	23.053.255.460	1.405.052.389

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2018, BCTC hợp nhất quý 3 năm 2019

(i) Đây là Dự án "Xây dựng, khai thác và kinh doanh Tòa nhà hỗn hợp đa năng chung cư cao cấp" tại số 55, đường 430 Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội được Tổng Công ty và Công ty Sóng Đà 1.01 ký kết và thực hiện theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 26/2011/HĐHTĐT ngày 20 tháng 1 năm 2011. Theo đó, Tổng Công ty góp giá trị tài sản trên đất và lợi thế thương mại khu đất để đối tác thi công thực hiện dự án này và Tổng Công ty sẽ nhận lại 3.195 m² sàn căn hộ hoàn thiện của Dự án này (bao gồm 95m² sàn căn hộ được quy đổi từ khoản phạt chậm tiến độ). Hiện tại, dự án này đang tạm dừng thi công. Vào ngày 4 tháng 9 năm 2018, Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - PVcombank đã gửi Thông báo số 9256/PVB-QL&TCTTS tới Công ty Cổ phần Sóng Đà 1.01 về việc thu giữ tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản còn lại của dự án gồm tài sản chưa bán/cho thuê (bao gồm cả phần tài sản là 3.195 m² sàn căn hộ hoàn thiện Tổng Công ty được hưởng) và quyền phải thu của tài sản đã bán/cho thuê. Tổng Công ty đang làm việc với Ngân hàng PVcombank để đảm bảo quyền lợi của Tổng Công ty được hưởng

tại dự án này. Tổng Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng cho khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn này dựa trên mức độ tổn thất ước tính của Ban Tổng Giám đốc trên cơ sở các quy định hiện hành

(ii) Đây là Dự án "Nhà ở cao tầng kết hợp dịch vụ thương mại – Eco Lakeview" tại số 32 Đại Từ, Hoàng Mai, Hà Nội được thực hiện theo các Hợp đồng hợp tác đầu tư giữa Tổng công ty, Công ty Sông Đà 1.01 và Công ty cổ phần Ecoland. Theo đó, Tổng công ty đã góp tài sản trên đất và lợi thế thương mại của khu đất cho các đối tác trên để thực hiện Dự án và Tổng công ty sẽ nhận về 8.600m² diện tích sàn căn hộ hoàn thiện. Ban Tổng giám đốc Tổng công ty dự kiến Tổng công ty sẽ nhận bàn giao các căn hộ này trong năm 2019. Do đó đã phân loại từ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn sang ngắn hạn.

13. Đất đai đang quản lý và sử dụng

❖ **Đối với đất phi nông nghiệp:** Tổng công ty đang quản lý và sử dụng 471.580,78 m² trong đó:

- Văn phòng Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – CTCP - Vinafor ký hợp đồng và trực tiếp quản lý sử dụng 33.479,62m².
- Các Chi nhánh của Vinafor trực tiếp ký hợp đồng khoảng 216.494,2 m².
- Các Công ty TNHH MTV 100% vốn của Vinafor trực tiếp ký hợp đồng khoảng 221.607 m².

Hiện nay, Tổng công ty đang thực hiện rà soát phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ. Trường hợp có biến động về đất phi nông nghiệp, Tổng công ty sẽ công bố thông tin theo đúng quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính.

❖ **Đối với đất nông nghiệp:**

Diện tích Tổng công ty quản lý và sử dụng được duyệt theo Phương án cổ phần hóa: 43.400,70 ha. Nay do rà soát thực tế, diện tích dự kiến giữ lại quản lý, sử dụng là 43.622,25 ha. Trong đó: Diện tích đất đã đo đạc, cắm mốc xong khoảng 34.887,99 ha; diện tích đang đo đạc, cắm mốc là 8.734,26 ha.

❖ Thực hiện nghị quyết số 112/2015/NQ-QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội về tăng cường quản lý đất đai có nguồn gốc từ nông trường, lâm trường quốc doanh do các công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp, ban quản lý rừng và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác sử dụng và Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ, ngày 29/5/2018, Thanh tra Chính phủ đã ban hành quyết định số 469/QĐ-TTCP về thanh tra việc chấp hành pháp luật trong quản lý và sử dụng đất đai có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh; thanh tra về quản lý, sử dụng đất phi nông nghiệp của Tổng công ty.

Thời kỳ thanh tra từ 01/1/2010 đến 31/12/2017, nếu có nội dung liên quan đến trước và sau thời kỳ thanh tra, Đoàn thanh tra có thể kiểm tra làm rõ. Thời hạn thanh tra: 70 ngày kể từ ngày công bố quyết định thanh tra.

- ❖ Đoàn thanh tra đã cơ bản hoàn thành việc thanh tra và đang rà soát, tổng hợp để báo cáo Thanh tra Chính phủ ra kết luận thanh tra. Qua làm việc sơ bộ thì Tổng công ty cơ bản chấp hành pháp luật trong quản lý và sử dụng đất đai có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh. Khi có kết luận của Thanh tra Chính phủ, Tổng công ty sẽ thực hiện công bố thông tin (nếu có) theo đúng quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính.

**Tình hình đất phi nông nghiệp của Vinafor
và các Công ty TNHH MTV do Vinafor sở hữu 100% vốn điều lệ**

STT	Tên, địa điểm khu đất	Diện tích (m ²)
I	Văn phòng Tổng công ty quản lý ký hợp đồng và trực tiếp quản lý	33.479,58
1	127 Lò Đúc, phường Đồng Mác, quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội	3.640
2	Km 11,5 đường Ngọc Hồi, xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì, TP Hà Nội	2.400
3	Địa chỉ số 32 Đại Từ, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	15.020
5	Địa chỉ số 67 Ngô Thị Nhậm, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	343
6	Địa chỉ số 169 Võ Thị Sáu, phường 7, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	126
8	Địa chỉ tại Khu I, quận Đồ Sơn, Thành phố Hải Phòng	10.356
9	Địa chỉ số 13 Phan Bội Châu, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai	535,78
10	Địa chỉ số 25 Mai Thúc Loan, phường Tân Giang, TP Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	401,5
11	Địa chỉ số 05-07 Đống Đa, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	657,3
II	Các Chi nhánh Vinafor trực tiếp ký hợp đồng	216.494,2

STT	Tên, địa điểm khu đất	Diện tích (m ²)
1	Chi nhánh Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - CTCP - Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên	8.385
2	Chi nhánh Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - CTCP - Công ty Lâm nghiệp Hòa Bình	79.684,9
3	Chi nhánh Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần - Cty MDF vinafor Gia Lai	128.424,3
III	Công ty TNHH MTV 100% vốn của Tổng công ty	228.697,0
1	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đình Lập	28.178,9
2	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lộc Bình	7.090
3	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đông Bắc	34.200,6
4	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tư	9.942
5	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp La Ngà- Đồng Nai	108.678,5
6	Công ty TNHH MTV Ván dán Vinafor Bắc Giang	40.607,0
	Tổng cộng	478.670,78

Nguồn: Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần

**Tổng hợp diện tích sử dụng đất nông nghiệp giữ lại
tại thời điểm 30/6/2019**

STT	Địa phương	Diện tích (ha)
1	Chi nhánh Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - CTCP - Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên	4.258,58
2	Chi nhánh Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - CTCP - Công ty Lâm nghiệp Hòa Bình	7.725,40
3	Chi nhánh Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - CTCP - Công ty Lâm nghiệp Hà Tĩnh	295,25
4	Chi nhánh Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ	3.574,18

STT	Địa phương	Diện tích (ha)
	phân - Cty MDF vinafor Gia Lai	
5	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đình Lập	5.864,20
6	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lộc Bình	4.351,10
7	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đông Bắc	5.479,45
8	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tư	2.987,25
9	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp La Ngà- Đồng Nai	9.086,84
	Tổng cộng	43.622,25

Nguồn: Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo
14.1. Kế hoạch kinh doanh của Tổng Công ty năm 2019-2020

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2018	Năm 2019 (*)		Năm 2020 (**)	
		Giá trị	Giá trị	% tăng giảm so với TH 2018	Giá trị	% tăng giảm so với 2019
Vốn điều lệ	Triệu VNĐ	3.500.000	3.500.000	0%	3.500.000	0%
Tổng Doanh thu Công ty mẹ (***)	Triệu VNĐ	1.751.793	1.588.000	-9,35%	1.507.603	-5,06%
Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	Triệu VNĐ	854.129	710.000	-16,87%	420.000	-40,84%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu (công ty mẹ)	%	48,59%	45,71%	/	27,86%	/
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ (công ty mẹ)	%	24,40%	20,29%	/	12%	/
Tổng Doanh thu hợp nhất (****)	Triệu VNĐ	2.829.870	2.762.000	-2,4%	2.719.337	-1,54%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Triệu VNĐ	860.497	870.000	+1,1%	620.655	-28,66%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu (hợp nhất)	%	30,39%	31,50%	/	22,82%	/
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ (hợp nhất)	%	24,59%	24,86%	/	17,73%	/
Cổ tức	%	20%	18%	/	13,5%	/

Nguồn: Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần

(*) Kế hoạch 2019 đã được Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 thông qua.

(**) Kế hoạch 2020 trên chỉ là số liệu dự kiến do Ban lãnh đạo Tổng công ty đưa ra; Kế hoạch chính thức sẽ được ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 thông qua theo quy định.

(***) Tổng doanh thu công ty mẹ bao gồm: doanh thu thuần, doanh thu từ hoạt động tài chính và thu nhập khác

(****) Tổng doanh thu hợp nhất bao gồm: doanh thu thuần, doanh thu từ hoạt động tài chính, phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết và thu nhập khác

14.2. Kế hoạch đầu tư dự án đã được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua:

- Đầu tư cho trồng rừng tại các đơn vị trực thuộc.

- Đầu tư xây dựng mới 03 Trung tâm nuôi cấy mô giống cây lâm nghiệp (tại Công ty LN Hòa Bình, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tơ, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đông Bắc).

14.3. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức được xây dựng dựa trên các căn cứ và giả định phù hợp với khả năng của Tổng Công ty. Để đạt được kế hoạch này, Tổng công ty sẽ triển khai những định hướng và giải pháp cơ bản dưới đây:

- Về công tác kế hoạch đầu tư

Công tác theo dõi giám sát tình hình thực hiện kế hoạch của các đơn vị sẽ được Tổng công ty thực hiện chặt chẽ ngay từ đầu năm, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra thực tế tại các đơn vị để có hướng dẫn, chỉ đạo kịp thời nhằm tạo điều kiện cho các đơn vị hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch được giao.

Tăng cường hơn nữa công tác giám sát thi công, công tác nghiệm thu, quyết toán các dự án, công trình xây dựng theo đúng hồ sơ thiết kế được duyệt và theo đúng quy định; Tiếp tục hướng dẫn các đơn vị trong công tác đầu tư XD CB và mua sắm tài sản.

Rà soát đánh giá công tác quản lý và sử dụng đất phi nông nghiệp tại các đơn vị trong Tổng công ty để sử dụng đất theo đúng mục đích, đúng các quy định của pháp luật, phù hợp với quy hoạch của địa phương tránh bị Nhà nước thu hồi và mang lại hiệu quả cao nhất cho đơn vị

Tổ chức mời các đối tác có năng lực, cổ đông chiến lược Tập đoàn T&T tham gia cùng Tổng công ty để đầu tư các dự án trên các khu đất phi nông nghiệp của Tổng công ty nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Công tác kế toán tài chính

Hoàn thành tốt công tác lập, kiểm toán báo cáo tài chính Công ty Mẹ, báo cáo tài chính hợp nhất toàn Tổng công ty đúng tiến độ; Trích lập dự phòng đúng quy định và đảm bảo an toàn hệ thống tài chính của Tổng công ty.

Thường xuyên kiểm tra, giám sát công tác kế toán tài chính tại các đơn vị trực thuộc, đảm bảo các đơn vị quản lý và sử dụng vốn an toàn có hiệu quả.

Tiếp tục tổ chức các khóa bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ kế toán tài chính cho hệ thống



kế toán của Tổng công ty và cử các cán bộ của Tổng công ty đến một số đơn vị trong Tổng công ty để hỗ trợ chuyên môn và kinh nghiệm về công tác kế toán tài chính.

- **Công tác lâm nghiệp**

Chỉ đạo các đơn vị lâm nghiệp trong việc chủ động chuẩn bị nguồn giống, quỹ đất, công tác chuẩn bị trồng rừng; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thi công các hạng mục lâm sinh đúng yêu cầu kỹ thuật; đẩy mạnh ứng dụng một số mô hình trồng rừng thâm canh bằng giống mới có sự sinh trưởng phát triển tốt và cho năng suất cao.

Phối hợp chặt chẽ với đơn vị tư vấn, các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương để đẩy nhanh tiến độ đo đạc, cắm mốc, lập hồ sơ thuê đất, cấp GCNQSDĐ, miễn giảm tiền thuê đất, bàn giao đất không có nhu cầu sử dụng về địa phương, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định pháp luật.

Đẩy mạnh chuyển đổi các diện tích mô hình khoán hộ đầu tư thấp sang các mô hình khoán hộ đầu tư cao tại các đơn vị lâm nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất; xây dựng các mô hình khảo nghiệm về các biện pháp kỹ thuật lâm sinh để có cơ sở phân tích đánh giá, nhân rộng các mô hình có hiệu quả.

Phối hợp chặt chẽ, toàn diện với chính quyền các cấp, cơ quan pháp luật, các tổ chức chính trị tại địa phương để xử lý triệt để các vụ việc lấn chiếm đất mới phát sinh và thu hồi đất bị lấn chiếm từ những năm trước để lại; Tiến hành rà soát lại, xem xét trả lại một số diện tích đất manh mún, nhỏ lẻ mà ở đó người dân không có đất sản xuất để đảm bảo hoạt động lâm nghiệp của Tổng công ty gắn liền với an sinh xã hội.

Rà soát, phân loại, đánh giá hiệu quả toàn bộ diện tích rừng tếch, sao, dầu, thông... để xây dựng kế hoạch cải tạo, trồng rừng bằng loài cây mới có hiệu quả hơn.

Xây dựng và ban hành Quy chế quản lý lâm nghiệp; Xây dựng chiến lược phát triển của Tổng công ty giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2035, trong đó cốt lõi là chiến lược phát triển lâm nghiệp.

Tổ chức các lớp đào tạo tập huấn trang bị bổ sung kiến thức cho cán bộ lâm nghiệp về nâng cao năng lực quản trị Công ty lâm nghiệp, về lĩnh vực quản lý đất đai, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ về giống mới vào công tác trồng rừng.

Duy trì công tác quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng FSC® của Tổng công ty. Tích

cực triển khai xây dựng hệ thống phần mềm quản lý lâm nghiệp theo công nghệ số hóa, bản đồ số (Định vị GPS) để sớm đưa vào sử dụng, mang lại hiệu quả;

Xem xét, nghiên cứu thành lập 1 đơn vị thiết kế công trình lâm sinh trên cơ sở kế thừa các nguồn lực hiện có của các đơn vị lâm nghiệp.

– **Công tác đầu tư tài chính**

Tăng cường kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động và sử dụng vốn tại các đơn vị có vốn góp của Tổng công ty để nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp, bảo toàn và phát triển vốn của Tổng công ty. Rà soát đánh giá lại tổng thể hiệu quả đầu tư vốn tại các doanh nghiệp để thực hiện thoái vốn tại các doanh nghiệp tiềm ẩn rủi ro, đầu tư vào các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả và cùng ngành nghề chính của Tổng công ty. Xây dựng đề án sắp xếp tổng thể Tổng công ty giai đoạn 2019-2021, tầm nhìn đến 2025 (trong đó có kế hoạch thoái vốn tại các doanh nghiệp khác). Đồng thời, tiếp tục đề xuất giải quyết các trường hợp thoái vốn tại một số công ty có tính chất cấp bách; Xây dựng chiến lược đầu tư tài chính trung và dài hạn.

Tham gia đầu tư tại các công ty Lâm nghiệp của các tỉnh được sắp xếp theo Nghị định 118/2014/NĐ-CP, phù hợp với mục tiêu và chiến lược phát triển lâm nghiệp của Tổng công ty để mở rộng thêm quỹ đất trồng rừng phục vụ cho dự án chế biến sâu.

Hoàn chỉnh xây dựng Quy chế giám sát tài chính tại các đơn vị có vốn góp. Tiếp tục hoàn thiện Quy chế quản lý người đại diện của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác. Đối với Công ty mẹ và các công ty con thực hiện chế độ báo cáo theo bộ chỉ số của Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp, đồng bộ hóa phần mềm của Tổng công ty để tương thích với phần mềm Bộ chỉ số của Ủy ban.

Làm việc với các đối tác nước ngoài để lập báo cáo nghiên cứu khả thi một số dự án đầu tư mới đảm bảo có hiệu quả, phù hợp với ngành nghề chính của Tổng công ty.

Tiếp tục nghiên cứu các hình thức đầu tư vốn khác trên cơ sở bảo toàn và phát triển vốn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn;

– **Về hoạt động chế biến gỗ và xuất khẩu dăm gỗ**

Tìm kiếm các đối tác nước ngoài để nghiên cứu dự án tiền khả thi đầu tư vào lĩnh vực chế biến và xuất khẩu lâm sản (viên nén, chế biến gỗ công nghệ cao,...).

Nghiên cứu tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực sản xuất tại Công ty MDF Vinafor Gia Lai và chỉ đạo các đơn vị cải tiến, nâng cấp, đầu tư máy móc thiết bị tiên tiến hiện đại vào sản xuất nhằm nâng cao chất lượng, giảm giá thành và đa dạng hóa sản phẩm để phù hợp với nhu cầu của thị trường và tăng sức cạnh tranh cho các đơn vị. Khai thác triệt để các thị trường truyền thống, đồng thời đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu sang các thị trường mới để nâng cao giá trị các sản phẩm lâm nghiệp trên cơ sở bảo toàn và phát triển vốn của chủ sở hữu.

Phối hợp chặt chẽ với đối tác trong việc triển khai thực hiện kế hoạch tại các Vijachip, đặc biệt là kế hoạch lịch tàu và hỗ trợ các Vijachip trong khâu thu mua nguyên liệu, dăm gỗ và sản xuất đảm bảo sản lượng xuất khẩu theo kế hoạch. Bên cạnh đó thường xuyên theo dõi cập nhật tình hình thị trường gỗ nguyên liệu và dăm gỗ trong và ngoài nước, biến động tỉ giá và các yếu tố khác để kịp thời chỉ đạo và hỗ trợ cho các Vijachip hoàn thành kế hoạch giao.

– *Công tác thị trường và kinh doanh XNK*

Thường xuyên theo dõi cập nhật và đánh giá tình hình thị trường gỗ nguyên liệu và dăm gỗ trong và ngoài nước, biến động tỉ giá và các yếu tố ảnh hưởng để kịp thời chỉ đạo và hỗ trợ cho các đơn vị; nắm bắt nhu cầu của thị trường để có phương án kinh doanh phù hợp.

Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị thành viên trong Tổng Công ty để phát triển thị trường; đẩy mạnh xuất khẩu và tìm kiếm các sản phẩm mới ưu việt đáp ứng nhu cầu trong nước nhằm mở rộng quy mô, lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty vì mục tiêu tăng doanh thu và hiệu quả kinh doanh cho Tổng công ty trong thời gian tới.

– *Hợp tác, liên doanh liên kết*

Tăng cường tham gia các cuộc họp giữa Tổng công ty và đối tác liên doanh trong việc xây dựng kế hoạch và giám thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Tiếp tục duy trì tốt mối quan hệ mật thiết với các đối tác liên doanh hiện có, mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác mới trong lĩnh vực xuất khẩu lao động, sản xuất và chế biến và giống cây lâm nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổng công ty.

Tìm kiếm đối tác mới để mở rộng các hoạt động liên doanh, liên kết, trong đó xem xét liên kết với các Tập đoàn, Tổng công ty trong Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp để phát huy lợi thế và hiệu quả các đơn vị dưới sự chỉ đạo của Ủy ban quản lý vốn

Nhà nước tại Doanh nghiệp.

- **Công tác pháp chế và kiểm soát nội bộ**

Rà soát, đánh giá, sửa đổi, bổ sung hệ thống quy chế, quy định của Tổng công ty; xây dựng hệ thống quy trình kiểm soát nội bộ (kiểm soát pháp chế, kiểm soát tài chính,...);

Chú trọng công tác kiểm soát thực hiện các Quy chế, quy định tại Cơ quan văn phòng của Tổng công ty, đưa ra cảnh báo về pháp lý cho Lãnh đạo Tổng công ty;

Xây dựng kế hoạch, đề cương kiểm tra, kiểm soát theo chuyên đề, đột xuất phù hợp với tình hình thực tế của Tổng công ty; đồng thời phối hợp với các phòng ban chuyên môn để giám sát, phát hiện, ngăn chặn các sai phạm và những tiềm ẩn rủi ro dễ phát sinh trong các hoạt động kinh doanh tại đơn vị một cách kịp thời, trung thực, chính xác.

Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các kiến nghị trong Kết luận kiểm tra tại các Đơn vị đã thực hiện kiểm tra, kiểm soát.

- **Công tác xây dựng, tổ chức quản lý và đào tạo cán bộ**

Tập trung lựa chọn và xây dựng đội ngũ cán bộ của Tổng công ty có tư cách đạo đức phẩm chất tốt, có đủ năng lực để lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, phù hợp với mục tiêu nhiệm vụ và định hướng phát triển của Tổng công ty trong tương lai.

Tăng cường tổ chức các khóa đào tạo, thường xuyên quy hoạch và luân chuyển cán bộ; Tổ chức sắp xếp lại các phòng, ban tại Cơ quan Tổng công ty, kiện toàn bộ máy quản lý tại các Công ty trực thuộc và hệ thống người đại diện một cách hợp lý, phù hợp với chức năng nhiệm vụ nhằm nâng cao chất lượng công việc và hiệu quả quản lý.

Đánh giá năng suất, hiệu quả công việc của CBCNV theo KPI.

Hợp tác (ký hợp đồng, biên bản ghi nhớ) với các Trường, các Trung tâm đào tạo, các đơn vị cung cấp nhân sự có uy tín và quy mô lớn để đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn nhân sự có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu hoạt động.

Xây dựng Quy chế, quy định về công tác tiền lương tại các đơn vị phù hợp để đáp ứng yêu cầu hoạt động và thu hút được nhân sự có trình độ, kinh nghiệm. Đặc biệt là nhân sự quản lý tại các đơn vị trực thuộc Tổng công ty.

Thực hiện một số biện pháp áp dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý lao động để

nâng cao hiệu quả sử dụng lao động và năng suất lao động.

- *Các công tác khác*

Duy trì và nâng cấp áp dụng hệ thống quản lý ISO 9001: 2015 và các chứng chỉ quản lý tiên tiến hiện đại khác tại Cơ quan Tổng công ty và các chi nhánh, thực hiện nghiêm chỉnh chính sách chất lượng và mục tiêu chất lượng để nâng cao hiệu quả quản lý điều hành Tổng công ty.

Tăng cường mối quan hệ, phối hợp công tác giữa các cấp ban ngành trung ương và địa phương trong việc giải quyết các vướng mắc khó khăn của Tổng công ty và đơn vị.

Đoàn kết trong nội bộ và tạo bầu không khí làm việc cởi mở, hợp tác; thực hiện tốt “Quy chế dân chủ” tại cơ quan Tổng công ty và tại các đơn vị.

Tiết kiệm và chống lãng phí tại Văn phòng Tổng công ty và các đơn vị trong Tổng công ty.

Tiếp tục củng cố, phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp của các cấp Ủy Đảng đối với thực hiện nhiệm vụ chính trị chính. Tạo điều kiện cho các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên hoạt động có hiệu quả, gắn chặt lợi ích Tổng công ty và lợi ích người lao động, tạo nên tập thể Tổng công ty vững mạnh, đại đoàn kết.

Kết quả hoạt động kinh doanh 9 tháng đầu năm 2019 như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2019	
		Giá trị	Giá trị	Tỷ lệ % hoàn thành kế hoạch năm
Vốn điều lệ	Triệu VNĐ	3.500.000	3.500.000	-
Tổng Doanh thu Công ty mẹ	Triệu VNĐ	1.588.000	1.100.766	69%
Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	Triệu VNĐ	710.000	570.615	80%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu	%	45,71%	51,84%	-
Tổng Doanh thu hợp nhất	Triệu VNĐ	2.762.000	1.723.683	62%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Triệu VNĐ	870.000	384.674	44%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu	%	31,50%	22,31%	-
Cổ tức	%	18%	-	-

Trong 9 tháng đầu năm 2019, các mảng hoạt động kinh doanh của Tổng công ty duy trì ổn định, với mảng hoạt động chính vẫn là kinh doanh gỗ và bán thành phẩm (ván MDF). Tuy nhiên, do tình hình tiêu thụ sản phẩm hàng hóa của một số Công ty có vốn góp của Tổng công ty trong 9 tháng đầu năm 2019 không thuận lợi dẫn đến doanh thu và lợi nhuận các Công ty này sụt giảm so với năm trước, ảnh hưởng trực tiếp tới doanh thu hoạt động tài chính của công ty mẹ và phần lãi lỗ từ các công ty liên doanh liên kết khi hợp nhất báo cáo tài chính. Do đó, tổng doanh thu hợp nhất đạt xấp xỉ 1.724 tỷ đồng, bằng 62,4% kế hoạch năm 2019. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 384,6 tỷ đồng, hoàn thành 44% kế hoạch đặt ra của năm 2019. Dự kiến cả năm 2019, lợi nhuận sau thuế hợp nhất ước đạt 510 tỷ đồng, hoàn thành 60% kế hoạch đặt ra.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích và đưa ra những đánh giá dự báo về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần. Trong 9 tháng đầu năm 2019, các mảng hoạt động kinh doanh của công ty mẹ - Tổng công ty duy trì ổn định với mảng hoạt động chính vẫn là kinh doanh gỗ và bán thành phẩm (ván MDF). Tuy nhiên, tình hình tiêu thụ sản phẩm hàng hóa của một số

công ty liên doanh, liên kết có vốn góp của Tổng công ty trong 9 tháng đầu năm không thuận lợi và dự báo sẽ tiếp tục gặp khó khăn trong những tháng cuối năm nay, dẫn đến ảnh hưởng trực tiếp tới doanh thu hoạt động tài chính của công ty mẹ và phần lãi lỗ từ các công ty liên doanh liên kết khi hợp nhất báo cáo tài chính. Kết quả 9 tháng đầu năm 2019, lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 384,6 tỷ đồng, hoàn thành 44% kế hoạch đặt ra của năm 2019. Trên cơ sở đó, chúng tôi đánh giá tỷ lệ hoàn thành kế hoạch về lợi nhuận cả năm 2019 của Tổng công ty là 60%, tương đương lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2019 ước đạt khoảng 510 tỷ đồng.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính, chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niên yết

Không có.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niên yết

17.1. Tranh chấp, kiện tụng với Công ty cổ phần Thương mại Lâm sản Hà Nội

Công ty cổ phần Thương mại Lâm sản Hà Nội được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước, có vốn điều lệ là 18 tỷ đồng, trong đó Vinafor nắm giữ 30% vốn điều lệ.

- Năm 2014, Vinafor đã khởi kiện lên TAND Thành phố Hà Nội yêu cầu hủy Nghị quyết của ĐHĐCĐ, hủy Biên bản họp HĐQT và Quyết định của HĐQT Công ty cổ phần Thương mại Lâm sản Hà Nội về việc Công ty cổ phần Thương mại Lâm sản Hà Nội buộc các cổ đông phải góp thêm tổng số vốn 29.200.800.000 đồng (thực chất là tăng vốn điều lệ) trong đó cổ đông Vinafor phải góp 8.760.240.000 đồng không đúng Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Ngày 24/9/2015, TAND Thành phố Hà Nội đã ban hành bản án số 46/2015/KDTM-ST chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Vinafor và xử hủy Nghị quyết của ĐHĐCĐ, hủy Biên bản họp HĐQT và Quyết định của HĐQT Công ty cổ phần Thương mại Lâm sản Hà Nội. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Thương mại Lâm sản Hà Nội đang kháng cáo bản án sơ thẩm này.

- Vinafor có tài sản là 343,04 m² sàn tầng 1 ngôi nhà 3 tầng nằm trong diện tích khuôn viên 1.795,8 m² đất tại số 67 Ngô Thì Nhậm, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội. Tài sản này đã ghi nhận vào giá trị doanh nghiệp, nguyên giá tài sản cố định “Tầng 1 nhà 167 Ngô Thì Nhậm” được đánh giá lại khi cổ phần hóa: 1.722.751.902 đồng, giá trị còn lại đến ngày 30/9/2019: 146.075.002 đồng. Theo biên bản bàn giao tài sản từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty cổ phần, biên bản xác định phân chia, thống nhất quyền quản lý, sử dụng nhà 67 Ngô Thì Nhậm và phương án phân bổ tiền thuê đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp giữa Vinafor và Công ty cổ phần Thương mại Lâm sản Hà Nội thì từ năm 1999, hàng năm, Vinafor vẫn đóng các loại tiền thuê đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp liên quan đến diện tích 343,04 m² sàn tầng 1 ngôi nhà 3 tầng cho Công ty cổ phần Thương mại Lâm sản Hà Nội để Công ty cổ phần này nộp ngân sách Nhà nước. Vinafor có đầy đủ hồ sơ, tài liệu và cơ sở pháp lý khẳng định diện tích 343,04 m² sàn tầng 1 ngôi nhà 3 tầng (12 gian tầng 1) nằm trong diện tích khuôn viên 1.795,8 m² đất tại cơ sở nhà, đất số 67 Ngô Thị Nhậm là tài sản của Vinafor (tài sản Nhà nước giao cho Vinafor quản lý, sử dụng). Tuy nhiên, từ năm 2014, Công ty cổ phần Thương mại Lâm sản Hà Nội đã có văn bản khởi kiện ra tòa án. Ngày 05/02/2018, TAND quận Hai Bà Trưng đã xét xử và có Bản án sơ thẩm số 03/2018/DS-ST. Tuy nhiên, xét thấy Bản án còn nhiều nội dung chưa thỏa đáng, ngày 09/02/2018, Vinafor đã nộp Đơn kháng cáo đến TAND thành phố Hà Nội và Đơn đề nghị kháng nghị đến Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đối với Bản án sơ thẩm trên. Ngày 11/05/2018 TAND thành phố Hà Nội đã có Thông báo thụ lý vụ án Phúc thẩm số 179/TB-TLVA. Vinafor cũng gửi các văn bản đề nghị Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản đề nghị TAND Hà Nội xem xét kỹ các tài liệu, chứng cứ của vụ việc. Ngày 13/11/2018, TAND thành phố Hà Nội đã tuyên hủy Bản án sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 05/02/2018 của TAND quận Hai Bà Trưng, Hà Nội và đề nghị xét xử lại giai đoạn sơ thẩm. Do Công ty TMLS Hà Nội có Đơn đề nghị Giám đốc thẩm, ngày 27/3/2019, Tòa án nhân dân tối cao đã có văn bản số 87/CV-GĐKTII đề nghị Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng cung cấp hồ sơ vụ kiện để nghiên cứu. Ngày 06/8/2019, Vinafor gửi công văn lên Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp, Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao (gửi Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để báo cáo) nêu các căn cứ bảo vệ quyền lợi Tổng công ty tại vụ kiện này.
- Tháng 9/2016, Vinafor đã khởi kiện Công ty cổ phần Thương mại Lâm sản Hà Nội ra

trước Tòa án, yêu cầu Tòa án hủy bỏ một phần Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 03/2016/NQ-ĐHCD ngày 29/6/2016 của Công ty cổ phần thương mại Lâm sản Hà Nội đối với việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty theo Luật Doanh nghiệp năm 2014 và tăng vốn điều lệ của Công ty từ 18 tỷ đồng lên 20 tỷ đồng theo quy định của pháp luật về điều kiện kinh doanh bất động sản. Tổng công ty đã gửi văn bản số 392/TCT-PC&KSNB ngày 24/04/2018 và văn bản số 83/TCT-PC&KSNB ngày 24/01/2019 đến TAND quận Hai Bà Trưng đề nghị sớm xem xét, giải quyết vụ việc yêu cầu hủy một phần Nghị quyết 03/2016/NQ-ĐHCD của Công ty cổ phần TMLS Hà Nội. Ngày 16/9/2019, Vinafor đã có đơn gửi TAND Thành phố Hà Nội, TAND quận Hai Bà Trưng, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng khiếu nại hành vi không thụ lý vụ án của Thẩm phán, đề nghị thụ lý và giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

- Ngày 05/9/2019, Vinafor đã khởi kiện Công ty cổ phần Thương mại Lâm sản Hà Nội tại Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, yêu cầu Tòa án hủy một phần Nghị quyết số 04/2019/NQ-ĐHCD ngày 12/6/2019 của Công ty cổ phần Thương mại Lâm sản Hà Nội do vi phạm quy định tại Điều lệ công ty và Luật doanh nghiệp, cụ thể là tuyên hủy nội dung *“thông qua việc thực hiện tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp, tăng vốn điều lệ để Công ty có nguồn vốn kinh doanh, bù số lỗ lũy kế, đảm bảo đủ nguồn vốn để thực hiện dự án tại 67 Ngõ Thị Nhậm”*.

17.2. Tranh chấp, kiện tụng với Công ty cổ phần Lâm sản Hải Phòng

Công ty cổ phần Lâm sản Hải Phòng được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước, Vinafor đã thoái hết vốn năm 2011. Tuy nhiên Công ty còn nợ 369.863.238 đồng tiền cổ tức năm 2007 và tiền mua cổ phần trả chậm của người lao động nghèo. TAND TP Hải Phòng đã có Bản án số 22/2016/KDTM-PT và Chi cục thi hành án Hải Phòng đã có Quyết định thi hành án số 627/QĐ-CCTHADS ngày 06/9/2016 yêu cầu Công ty cổ phần Lâm sản Hải Phòng trả cho Vinafor số tiền trên. Tổng công ty đã ghi nhận vào sổ sách khoản nợ 369.863.238 đồng của Công ty CP Lâm sản Hải Phòng. Đến 30/9/2019, Công ty vẫn chưa trả nợ cho Tổng công ty. Số nợ tại ngày 30/9/2019 là 369.863.238 đồng, đã trích lập dự phòng 100% giá trị khoản nợ với giá trị trích lập 369.863.238 đồng.

Ngày 26/07/2018, Tổng công ty đã có văn bản gửi Chi cục thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng và gửi Thanh tra Bộ tư pháp đề nghị xem xét quy trình thực

hiện Quyết định thi hành án số 627/QĐ-CCTHADS của Chi cục thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Đến 30/09/2019, Công ty cổ phần Lâm sản Hải Phòng vẫn chưa thực hiện quyết định trên.

17.3. Tranh chấp, kiện tụng với Công ty cổ phần Lâm sản Forprodex (nay đổi tên là Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư Forprodex)

Công ty cổ phần Lâm sản Forprodex có vốn điều lệ là 9,9 tỷ đồng, trong đó Vinafor nắm giữ 27,9% vốn điều lệ. Ngày 21/01/2014, Vinafor nộp đơn khởi kiện Công ty Forprodex số tiền nợ gốc từ cổ phần hóa 2.876.848.132 đồng (chưa bao gồm tiền lãi) tại TAND Quận Ba Đình. Ngày 04/05/2017, Công ty cổ phần Lâm sản Forprodex rút toàn bộ yêu cầu phân tố, hai bên đồng ý hòa giải thành. Trong Quyết định số 04/2017/QĐST-KDTM công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, TAND quận Ba Đình yêu cầu Công ty cổ phần Lâm sản Forprodex hoàn trả Vinafor tổng cộng 3.156.063.561 đồng trước ngày 30/06/2017. Tổng công ty đã ghi nhận vào sổ sách khoản nợ 3.156.063.561 đồng của Công ty cổ phần Lâm sản Forprodex. Đến 30/9/2019, Công ty mới trả Vinafor 386.363.561 đồng. Số nợ tại ngày 30/9/2019 là 2.769.700.000 đồng, đã trích lập dự phòng 100% giá trị khoản nợ còn lại với giá trị trích lập 2.769.700.000 đồng

17.4. Tranh chấp, kiện tụng với Công ty cổ phần Safomec

- Ngày 19/06/2017, Vinafor đã nộp đơn khởi kiện đến TAND quận 10, thành phố Hồ Chí Minh với nội dung đề nghị Tòa Án xem xét hủy Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên Công ty cổ phần Safomec số 21/HĐQT/NQ ngày 24/03/2017 và hủy Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường Công ty cổ phần Safomec ngày 29/05/2017 do vi phạm Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. TAND quận 10, thành phố Hồ Chí Minh đã thụ lý vụ việc và mời hai bên đương sự lên hòa giải. Hiện, Tổng công ty đang khẩn trương làm việc để đưa vụ việc ra xét xử.
- Ngày 18/12/2018, Tổng công ty đã nộp đơn khởi kiện Công ty cổ phần Safomec tại TAND quận 10 thành phố Hồ Chí Minh “Yêu cầu hủy Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường số 01/2018/NQ/HĐCD ngày 01/11/2018” do vi phạm Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Vinafor sẽ tìm mọi biện pháp để bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình tại Công ty cổ phần

Safomec

17.5. Tranh chấp, kiện tụng với Công ty cổ phần Formach.

- Ngày 01/11/2017, Vinafor nộp Đơn khởi kiện lên TAND huyện Thanh Trì, “Yêu cầu hủy Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường lần 1 năm 2017 số 26/2017/ĐHĐCĐBT/NQ ngày 03/07/2017 của Công ty cổ phần Formach”. Ngày 19/07/2018, phiên tòa Sơ thẩm vụ kiện trên đã diễn ra, kết quả một phần Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường lần 1 năm 2017 số 26/2017/ĐHĐCĐBT/NQ với nội dung “Tăng vốn điều lệ” bị tuyên hủy theo Bản án số 01/2018/QĐKDTM-ST của TAND huyện Thanh Trì.
- Ngày 24/01/2018, Vinafor nộp Đơn khởi kiện “Yêu cầu hủy Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2, 3, 4 của Công ty cổ phần Formach” do việc tổ chức họp, quyết định thông qua của các Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2,3,4 năm 2017 của Công ty cổ phần Formach đã vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ. Ngày 30/11/2019, TAND huyện Thanh Trì đã mở phiên sơ thẩm và chấp nhận một phần yêu cầu của Vinafor, theo đó Tòa tuyên hủy một phần nội dung Nghị quyết bất thường lần 2,3,4 về tăng vốn điều lệ của Công ty cổ phần Formach.
- Ngày 06/12/2018, Vinafor nộp Đơn khởi kiện “Yêu cầu hủy Nghị quyết HĐQT ngày 12/9/2018 của Công ty cổ phần Formach” do Công ty cổ phần Formach đã biểu quyết thông qua việc góp vốn vào Công ty cổ phần chế tạo 19-3 không đúng quy định Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp. Hiện Tổng công ty đang khẩn trương làm việc để đưa vụ án ra xét xử. Ngày 13/9/2019, Vinafor và Công ty cooe phần Formach đã lên làm việc tại Tòa án. Theo ý kiến của thẩm phán: Vinafor không còn căn cứ khởi kiện do các cổ đông vi phạm như Đơn khởi kiện Tổng công ty đề cập đã thực hiện chuyển nhượng cổ phần tại Công ty cổ phần cơ khí chế tạo 19-3 cho cá nhân khác, vụ kiện thay đổi chỉ còn hủy Nghị quyết HĐQT của Công ty Formach và không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

17.6. Tranh chấp, kiện tụng Công ty TNHH phát triển thể thao Minh Tâm

Ngày 05/07/2018, Vinafor nộp Đơn khởi kiện: “Yêu cầu Công ty TNHH phát triển thể thao Minh Tâm phải trả ngay số tiền nợ quá hạn 711.527.019 đồng cho Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam” lên TAND quận Đống Đa do Công ty TNHH phát triển thể thao

Minh Tâm chưa trả đủ tiền dịch vụ thuê văn phòng và phí tiện ích theo Hợp đồng dịch vụ đã ký kết giữa hai bên năm 2014. Hiện nay, Công ty TNHH phát triển thể thao Minh Tâm đã tạm ngừng kinh doanh và chủ sở hữu Công ty rời khỏi nơi cư trú; Vinafor đã gửi văn bản đến Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội và cơ quan Công an để xác nhận tình trạng hoạt động của Công ty và cư trú của chủ sở hữu Công ty, tuy nhiên chưa có kết quả. TAND quận Đống Đa hiện chưa ra thông báo thụ lý vụ việc này. Tổng công ty đã ghi nhận vào sổ sách khoản nợ 711.527.019 đồng của Công ty TNHH phát triển thể thao Minh Tâm. Đến 30/9/2019, Công ty vẫn chưa trả nợ cho Tổng công ty. Số nợ tại ngày 30/9/2019 là 711.527.019 đồng, đã trích lập dự phòng 100% giá trị khoản nợ với giá trị trích lập 711.527.019 đồng.

17.7. Tranh chấp trong quá trình quản lý, sử dụng đất nông nghiệp

Hiện nay, các chi nhánh và công ty TNHH MTV của Vinafor đang có khoảng 6.954 ha đất rừng thuộc diện tranh chấp hoặc bị người dân lấn chiếm. Vinafor đã và đang phối hợp chặt chẽ với chính quyền các cấp, cơ quan pháp luật, các tổ chức chính trị tại địa phương để xử lý triệt để các vụ việc lấn chiếm đất mới phát sinh và thu hồi đất bị lấn chiếm từ những năm trước để lại. Tuy nhiên, do hạn chế nhận thức của người dân địa phương nên việc thu hồi đất lấn chiếm gặp khó khăn và tiềm ẩn nguy cơ phát sinh các tranh chấp mới.

17.8. Dự án tại số 55 đường 430 - Vạn Phúc - Hà Đông - Hà Nội.

Thực hiện việc sắp xếp, xử lý cơ sở nhà đất theo quy hoạch của TP Hà Nội, ngày 20/01/2011 Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam và Công ty cổ phần Sông Đà 1.01 (Sông Đà 1.01) đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư Dự án trên diện tích 4.557 m² đất thuê tại số 55 đường 430 - Vạn Phúc - Hà Đông - Hà Nội. Theo đó, Vinafor góp vốn bằng giá trị tài sản trên đất và lợi thế thương mại của Khu đất; Sông Đà 1.01 góp vốn bằng tiền mặt và chịu trách nhiệm huy động vốn, triển khai thi công dự án; Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư nêu trên và các phụ lục hợp đồng, lợi ích của Vinafor nhận được tại Dự án là 3.195 m² sàn căn hộ hoàn thiện của Dự án này (bao gồm 95m² sàn căn hộ được quy đổi từ khoản phạt chậm tiến độ).

Tuy nhiên, đến nay do Sông Đà 1.01 gặp khó khăn về tài chính cùng với việc bán hàng gặp khó khăn dẫn đến Sông Đà 1.01 không có nguồn vốn để trả nợ ngân hàng theo như cam kết và ngân hàng đã dừng giải ngân tiếp số tiền còn lại theo hạn mức hợp đồng đã ký. Kết quả, Dự án không hoàn thành đúng tiến độ, tạm dừng thi công, chưa bàn giao căn

hộ hoàn thiện cho Vinafor (thời gian bàn giao theo Hợp đồng hợp tác đầu tư và các Phụ lục hợp đồng là ngày 31/12/2018).

Vào ngày 4 tháng 9 năm 2018, Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - PVcombank đã gửi Thông báo số 9256/PVB-QL&TCTTS tới Công ty Cổ phần Sông Đà 1.01 về việc thu giữ tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản còn lại của dự án gồm tài sản chưa bán/cho thuê (bao gồm cả phần tài sản là 3.195 m² sàn căn hộ hoàn thiện Vinafor được hưởng) và quyền phải thu của tài sản đã bán/cho thuê. Vinafor đang làm việc với Ngân hàng PVcombank và các bên có liên quan để đảm bảo quyền lợi của Tổng Công ty được hưởng tại dự án này.

Vinafor sẽ tìm mọi biện pháp để bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình tại Dự án này.

Giá trị khoản hợp tác đầu tư này được xác định với số tiền là 54.109.090.909 đồng căn cứ theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam. Đến ngày 30/9/2019, Tổng công ty đã thực hiện trích lập dự phòng tổn thất giảm giá trị của dự án đầu tư này dựa trên mức tổn thất ước tính là 43.109.090.909 đồng.

NO
T
AM
CÔ
BA

V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT**1. Loại chứng khoán**

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số cổ phiếu niêm yết

350.000.000 cổ phiếu

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành

- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo Quy định của Pháp luật về cổ phần hóa là: **140.869.600 cổ phần**, đây là số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo diện cán bộ công nhân viên mua theo cam kết số năm công tác, cổ đông chiến lược và công đoàn Tổng Công ty mua khi thực hiện cổ phần hóa Tổng Công ty, như sau:

TT	Đối tượng	Thời gian hạn chế	Số lượng CP
1	Cổ đông chiến lược – Công ty cổ phần Tập đoàn T&T	Hạn chế chuyển nhượng 05 năm từ 01/09/2016	140.000.000
2	Cán bộ công nhân viên Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần	Hạn chế chuyển nhượng từ 01 đến 10 năm (*)	709.600
3	Công đoàn Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần.	Không được chuyển nhượng	160.000
Tổng Cộng			140.869.600

(*): Thời hạn hạn chế chuyển nhượng của Cán bộ công nhân viên kể từ ngày 01/09/2016, do có rất nhiều cổ đông có thời gian hạn chế chuyển nhượng khác nhau.

- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo Quy định của Pháp luật về niêm yết chứng khoán là: **140.038.600 cổ phần** (Trong đó 140.000.000 cổ phiếu của Cổ đông chiến lược – Công ty cổ phần Tập đoàn T&T, hạn chế chuyển nhượng 05 năm từ 01/09/2016), số cổ phần còn lại 38.600 là số lượng cổ phần cam kết nắm giữ 100% trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phần này trong 6 tháng tiếp theo. Chi tiết theo đối tượng:

TT	Họ và tên/Tên doanh nghiệp	Số CMTND/ĐKKD	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ
Hội đồng Quản trị				
1.	Phí Mạnh Cường	011797225	Chủ tịch HĐQT	2.500
2.	Đỗ Ngọc Khanh	111535338	Phó Chủ tịch HĐQT	0
3.	Lê Quốc Khánh	015065000014	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	0
4.	Nguyễn Tấn Cường	001062003380	Thành viên HĐQT	3.600
5.	Nguyễn Trung Kiên	011637440	Thành viên HĐQT	2.700
Ban Kiểm soát				
1.	Nguyễn Mạnh Hùng	013142016	Trưởng Ban kiểm soát	0
2.	Nguyễn Tân Việt	121017747	Thành viên Ban kiểm soát	4.100
3.	Đào Quốc Hoàn	145782829	Thành viên Ban kiểm soát	3.600
Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác				
1.	Lê Quốc Khánh	015065000014	Tổng giám đốc	0
2.	Nguyễn Trung Kiên	011637440	Phó Tổng giám đốc	2.700
3.	Ngô Thị Thúy Mai	B4193416	Phó Tổng giám đốc	4.000
4.	Vũ Văn Hường	031069000056	Phó Tổng giám đốc	3.700
5.	Mai Quý Quảng	034084003544	Phụ trách Kế toán	14.400
Cổ đông lớn là người có liên quan đến Người nội bộ				
1.	Công ty cổ phần Tập đoàn T&T	100233223	Cổ đông lớn là người có liên quan đến TV HĐQT, TGD, BKS	140.000.000

Nguồn: Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần

5. Phương pháp tính giá**5.1. Giá trị sổ sách của cổ phiếu VIF**

Giá trị sổ sách của cổ phiếu là một trong những căn cứ làm cơ sở để nhà đầu tư tham khảo và xác định mức giá phù hợp cho cổ phiếu Tổng Công ty. Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của Tổng Công ty được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá trị 1 cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu - Nguồn kinh phí và quỹ khác}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/9/2019
Vốn chủ sở hữu (*)	4.925.068.698.914	5.380.968.022.185	5.037.371.882.160
Nguồn kinh phí và quỹ khác	1.100.777.310	1.299.420.125	1.308.672.637
Số lượng cổ phần đang lưu hành	350.000.000	350.000.000	350.000.000
Giá trị sổ sách mỗi cổ phần	14.068	15.370	14.389

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018; BCTC quý 3 năm 2019

(*) Vốn chủ sở hữu đã được loại trừ lợi ích của Cổ đông không kiểm soát

5.2. Phương pháp tính giá

Giá tham chiếu dự kiến của cổ phiếu trong ngày giao dịch đầu tiên được xác định dựa trên việc tham khảo kết quả định giá cổ phiếu của Tổng Công ty theo các phương pháp sau đây:

- Giá trị sổ sách của cổ phiếu VIF
- Bình quân giá trị trường trong 20 phiên liên tiếp gần nhất của cổ phiếu VIF
- Phương pháp so sánh P/B (Giá trên giá trị sổ sách mỗi cổ phần)
- Phương pháp so sánh P/E (Giá trên thu nhập mỗi cổ phần)

Chúng tôi sử dụng số liệu của một số công ty hiện đang niêm yết, có cùng ngành nghề hoạt động với Tổng công ty để làm cơ sở so sánh. Theo đó, cơ sở để lựa chọn các công ty thực hiện so sánh như sau:

- Tương đồng về ngành nghề hoạt động
- Đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM hoặc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Có đủ dữ liệu so sánh

❖ **Định giá cổ phiếu theo phương pháp P/E**

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của Tổng công ty được tính theo công thức:

$$P = EPS * P/E \text{ bình quân}$$

Trong đó:

- P: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/E)
- EPS: Thu nhập trên mỗi cổ phần của Tổng công ty
- P/E bình quân: là giá chia cho thu nhập trên mỗi cổ phần bình quân được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành mà Tổng Công ty có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương ứng đang niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh hoặc Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

❖ **Định giá cổ phiếu theo phương pháp P/B:**

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của Tổng Công ty được tính theo công thức:

$$P = BV * P/B \text{ bình quân}$$

Trong đó:

- P: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/B)
- BV: Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần của Tổng công ty
- P/B bình quân: là giá chia cho giá trị sổ sách bình quân được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành mà Tổng Công ty có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương ứng đang niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán TP, Hồ Chí Minh hoặc Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Mức giá dự kiến trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu VIF sẽ do HĐQT Vinafor quyết định và thông báo bằng văn bản phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm niêm yết.

6. **Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài**

- Theo danh mục điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài được thể hiện tại địa chỉ

<https://dautunucngoai.gov.vn/fdi/nganhnghedautu/6> thì các ngành nghề kinh doanh (trừ ngành nghề: “Cung ứng và quản lý nguồn lao động . Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động, cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài (Mã 7830)”) của Vinafor không nằm trong danh mục ngành nghề có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài.

- Về ngành nghề Mã 7830: Theo quy định tại Điều 2 Nghị định 126/2007/NĐ-CP ngày 01/08/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng có quy định: “Doanh nghiệp được xem xét cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài (sau đây gọi tắt là Giấy phép) là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp có 100% vốn điều lệ của các tổ chức, cá nhân Việt Nam”.

Do đó, căn cứ Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ, Đại hội đồng cổ đông lần đầu Vinafor đã thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty với tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Tổng Công ty là 0%.

- Sau khi được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ và thông tư 123/2015/TT-BTC hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam ngày 18/8/2015.

7. Các loại thuế có liên quan

7.1. Các loại thuế liên quan đến hoạt động Tổng công ty:

- Thuế Giá trị Gia tăng (GTGT): Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo các quy định của pháp luật về thuế GTGT hiện hành;
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN): Theo thông tư 78/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành nghị định số 218/2013/NĐ-CP và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 18/6/2014, mức thuế này được giảm từ 22% xuống 20% từ ngày 01/01/2016; Ngoài ra còn áp dụng chính sách thuế TNDN theo địa bàn khó khăn và đặc biệt khó khăn. Thu nhập từ hoạt động trồng rừng tại Tổng công ty và các công ty con được hưởng ưu đãi thuế TNDN cho hoạt động trồng rừng với các mức thuế suất 10%, 15% hoặc được miễn thuế (tùy theo địa bàn kinh tế từng vùng miền nơi các đơn vị thành viên hoạt động). Thuế suất Thuế TNDN trong năm 2018 áp dụng cho các hoạt động khác của Tổng công ty và các công ty con là 20%.
- Ngoài thuế GTGT và thuế Thu nhập doanh nghiệp, Vinafor thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

7.2. Các loại thuế liên quan đến nhà đầu tư thực hiện giao dịch chứng khoán

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán và thu nhập từ cổ tức: Thực hiện theo quy định hiện hành.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn niêm yết

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Trụ sở chính : Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền,
Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : (84.24) 3818 1888 Fax: (84.24) 3818 1688

Website www.shs.com.vn

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh Tầng 3, Tòa nhà Artex, Số 236 – 238 Nguyễn Công Trứ,
Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại (84.28) 3915 1368 Fax: (84.28) 3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2, Số 03 Lê Đình Lý, Phường
Vĩnh Trung Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại (84.236) 3525 777 Fax: (84.236) 3525 779

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Trụ sở chính : Số 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : (84.24) 6288 3568 Fax: (84.24) 6288 5678

Website : www.deloitte.com.vn

VII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. Phụ lục II: Điều lệ Tổng công ty
3. Phụ lục III: Báo cáo tài chính kiểm toán 2018, Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2019;

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2019

TỔ CHỨC NIÊM YẾT
TỔNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**



[Signature]
PHÍ MẠNH CƯỜNG

**TỔNG GIÁM ĐỐC,
ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**

[Signature]

LÊ QUỐC KHÁNH

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

[Signature]

NGUYỄN MẠNH HÙNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

[Signature]

MAI QUÝ QUẢNG

TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



[Signature]
TRẦN THỊ THU THANH

Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội